

PETROVIETNAM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 08/2026



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI 1

1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 07/2026 1

1.1. Tổng quan chung 1

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới 3

2. Dự báo tăng trưởng 9

PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM 11

1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 07/2026 11

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 11

1.1.1. Sản xuất công nghiệp 11

1.1.2. Xuất nhập khẩu 12

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp 13

1.1.4. Hoạt động đầu tư 14

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng 15

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ 16

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng 16

1.2.2. Lãi suất 16

1.2.3. Tỷ giá 17

1.2.4. Chứng khoán 18

1.2.5. Giá vàng 19

1.2.6.Lạm phát 19

2. Dự báo kinh tế Việt Nam 20

2.1. Về chủ trương, chính sách 20

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 21

PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO 23

1. Thị trường dầu thô 23

2. Thị trường khí 40

3. Thị trường phân bón 51

4. Thị trường điện 58

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 61

Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 07 năm 2026 63



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 07/2026

1.1. Tổng quan chung

Trong tháng 7/2026, kinh tế toàn cầu duy trì đà phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng có dấu hiệu chậm lại khi tiếp tục chịu tác động từ căng thẳng địa chính trị, giá năng lượng ở mức cao và môi trường kinh tế còn nhiều bất định. Hoạt động sản xuất vẫn mở rộng trên phạm vi toàn cầu, song động lực tăng trưởng suy yếu so với các tháng trước do doanh nghiệp giảm tích trữ nguyên liệu, trong khi tâm lý kinh doanh vẫn thận trọng.

Trong tháng 7, đà tăng trưởng của sản lượng sản xuất và đơn đặt hàng mới trên toàn cầu vẫn được duy trì, đồng thời ghi nhận mức tăng việc làm nhanh nhất kể từ tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, mức độ cải thiện chung của các điều kiện sản xuất là thấp nhất trong vòng bốn tháng, và triển vọng vẫn yếu hơn so với thời điểm đầu năm 2026.

Chỉ số PMI Sản xuất Toàn cầu của J.P.Morgan đạt mức 52,1 điểm trong tháng 7, giảm so với mức 52,2 điểm của tháng 6; đây là tháng giảm thứ hai liên tiếp và là mức thấp nhất kể từ tháng 3. Chỉ số PMI vẫn duy trì trên ngưỡng trung tính 50,0 – báo hiệu sự mở rộng – trong suốt 12 tháng liên tiếp.

Cả năm chỉ số thành phần của PMI đều ở mức cho thấy sự cải thiện về điều kiện hoạt động trong tháng 7. Các chỉ số về đơn đặt hàng mới, sản lượng và hàng tồn kho đầu vào đều tiếp tục mở rộng; việc làm quay lại đà tăng trưởng, trong khi thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài.

Hoạt động tích trữ nguyên liệu phòng ngừa rủi ro - một trong những động lực chính hỗ trợ sản xuất trong những tháng gần đây - bắt đầu suy yếu trong tháng 7. Tốc độ mua nguyên liệu đầu vào giảm xuống mức thấp nhất từ đầu năm, trong khi lượng tồn kho nguyên liệu tăng chậm nhất kể từ tháng 4 và tồn kho thành phẩm tiếp tục giảm. Do áp lực gián đoạn chuỗi cung ứng và lo ngại về giá nguyên liệu giảm bớt, doanh nghiệp cũng dần thu hẹp nhu cầu tích trữ.

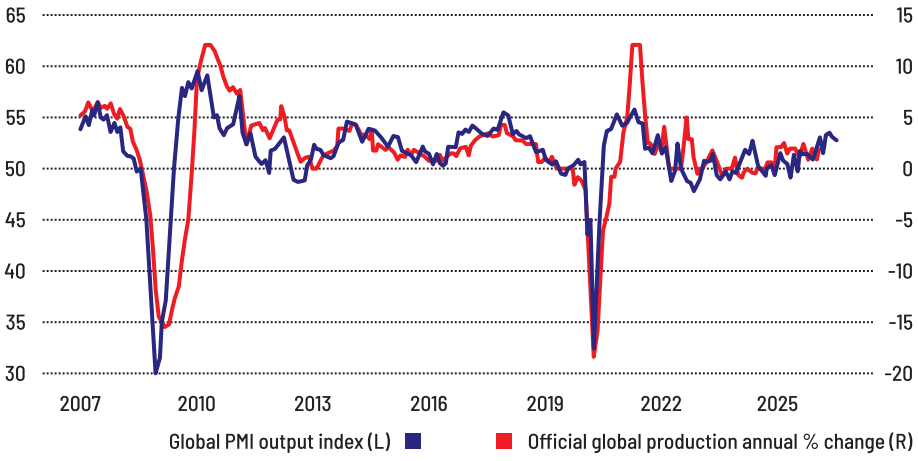
Áp lực từ chuỗi cung ứng và chi phí đầu vào tiếp tục được cải thiện. Lạm phát chi phí đầu vào và thời gian giao hàng của nhà cung cấp đều giảm xuống mức thấp nhất lần lượt kể từ tháng 2 và tháng 3, mặc dù vẫn cao hơn mức trung bình lịch sử do tác động kéo dài từ xung đột Trung Đông đối với thị trường năng lượng và vận tải biển. Khi áp lực gián đoạn chuỗi cung ứng và lo ngại về giá nguyên liệu giảm bớt, doanh nghiệp cũng dần giảm nhu cầu tích trữ.

Tuy nhiên, môi trường kinh doanh toàn cầu vẫn chịu áp lực lớn từ các yếu tố bất định. Theo khảo sát PMI, số doanh nghiệp cho biết mất đơn hàng hoặc giảm kỳ vọng kinh doanh do bất ổn địa chính trị và kinh tế tuy đã giảm so với giai đoạn đỉnh điểm sau khi xung đột Trung Đông bùng phát, nhưng vẫn cao hơn hơn 4 lần mức trung bình dài hạn. Những lo ngại liên quan đến xung đột Trung Đông, chính sách thuế quan, xung đột Nga - Ukraine, chính sách tiền tệ và quá trình chuyển đổi công nghệ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư và triển vọng sản xuất trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, diễn biến giá dầu trong tháng tiếp tục làm gia tăng rủi ro đối với lạm phát toàn cầu. Căng thẳng leo thang tại Trung Đông khiến giá dầu Brent có thời điểm tăng lên 90,79 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 11/6, trong khi giá dầu WTI đạt 84,68 USD/thùng, mức cao nhất kể từ ngày 12/6. Giá dầu Brent tăng 15,9% và WTI tăng 15,5% trong tuần, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 4 và đầu tháng 3/2026. Việc hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz tiếp tục gián đoạn vào giai đoạn nửa cuối tháng 7 cùng nguy cơ hạ tầng dầu khí bị ảnh hưởng đã làm gia tăng phần bù rủi ro trên thị trường năng lượng.

Chính sách tiền tệ toàn cầu tiếp tục được điều hành theo hướng thận trọng, khi phần lớn các ngân hàng trung ương lớn duy trì mặt bằng lãi suất hiện tại trong bối cảnh áp lực lạm phát còn dai dẳng và rủi ro địa chính trị tiếp tục gia tăng. Tại Mỹ, Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5%-3,75%, song 3 thành viên vẫn bỏ phiếu ủng hộ tăng thêm 0,25 điểm phần trăm, trong bối cảnh ưu tiên kiểm soát lạm phát vẫn được duy trì. ECB, BOJ, BoE và BoC cũng đồng loạt giữ nguyên lãi suất, đồng thời phát tín hiệu sẵn sàng thắt chặt trở lại nếu áp lực lạm phát từ giá năng lượng và gián đoạn chuỗi cung ứng gia tăng. Trong khi đó, PBOC tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng với các mức lãi suất cho vay ở mức thấp kỷ lục nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và thị trường bất động sản.

BIẾN ĐỘNG SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT TOÀN CẦU TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 07/2026



Nguồn: S&P Global PMI, S&P Global Market Intelligence

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

- *Mỹ*

Hoạt động sản xuất của Hoa Kỳ vẫn duy trì đà tích cực trong tháng 7, tuy nhiên mức độ mở rộng của ngành không thay đổi so với mức thấp nhất trong ba tháng ghi nhận vào tháng 6, do tốc độ tăng trưởng sản lượng chậm lại đáng kể.

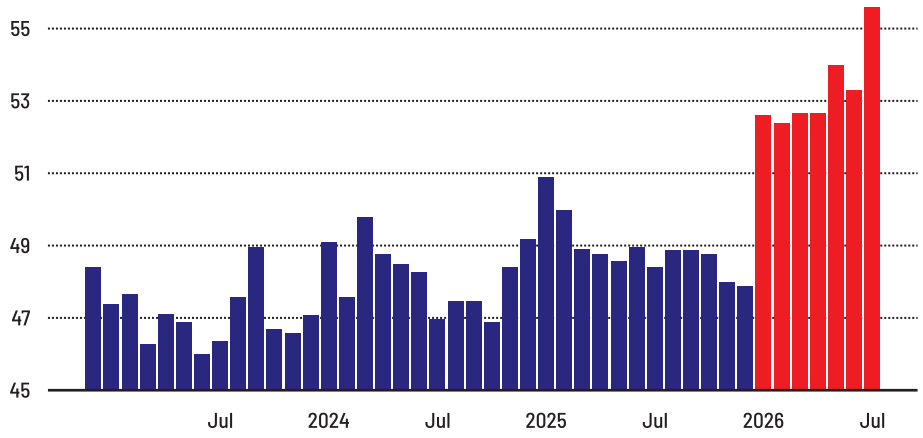
Đồng thời, đà tăng trưởng đơn đặt hàng mới đã chững lại tháng thứ ba liên tiếp khi bước vào quý III, do niềm tin khách hàng suy giảm và áp lực lạm phát gây sức ép lên nhu cầu. Hơn nữa, tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường nội địa, trong bối cảnh doanh số xuất khẩu mới tiếp tục giảm nhẹ.

Dữ liệu khảo sát mới nhất cũng cho thấy rõ tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng, khi các nhà sản xuất ghi nhận một trong những đợt suy giảm mạnh nhất về hiệu suất của nhà cung cấp trong vòng bốn năm qua. Điều này góp phần làm chậm tốc độ tăng trưởng của cả hàng tồn kho và hoạt động mua sắm vật tư đầu vào, với mức tăng giảm xuống mức thấp nhất trong ba và bốn tháng tương ứng.

Dữ liệu khảo sát tháng 7 cũng cho thấy chi phí đầu vào và giá bán tăng mạnh, dù tốc độ tăng có phần dịu lại. Trong khi đó, niềm tin vào triển vọng kinh doanh đã suy giảm tháng thứ ba liên tiếp, chạm mức thấp nhất kể từ tháng 10 năm 2025.

Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Hoa Kỳ của S&P Global đạt mức 53,9 điểm trong tháng 7, không thay đổi so với tháng 6 và cho thấy tốc độ mở rộng vững chắc. Điều kiện hoạt động đã liên tục cải thiện trong suốt một năm qua.

PMI SẢN XUẤT MỸ TÍNH ĐẾN THÁNG 07/2026



Nguồn: S&P Global PMI, S&P Global Market Intelligence

Tốc độ tăng trưởng sản lượng và đơn đặt hàng mới đều chậm lại trong tháng 7. Sản lượng tăng với tốc độ thấp nhất kể từ tháng 3, trong khi đà tăng của đơn đặt hàng mới chững lại tháng thứ ba liên tiếp. Các doanh nghiệp ghi nhận việc có thêm

một số khách hàng mới trong tháng, tuy nhiên lợi ích này ngày càng bị triệt tiêu bởi các vấn đề về nguồn cung nguyên liệu, điều kiện kinh tế khó khăn và nhu cầu suy yếu; cuộc xung đột ở Trung Đông tiếp tục gây tác động đáng kể đến tình hình hoạt động của ngành.

Tăng trưởng cũng chủ yếu đến từ thị trường nội địa. Doanh số bán hàng quốc tế tiếp tục sụt giảm do thuế quan và nhu cầu nước ngoài yếu kém gây áp lực lên các đơn đặt hàng xuất khẩu mới.

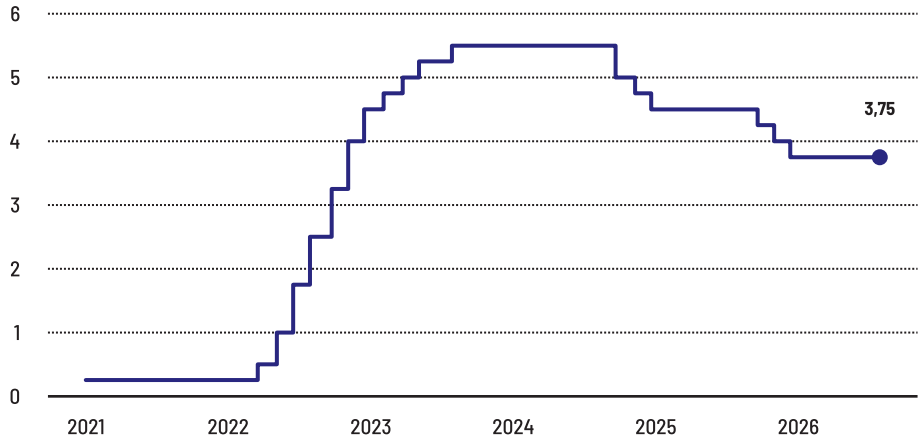
Theo đánh giá của S&P Global, kết quả khảo sát trong tháng phù hợp với mức tăng trưởng GDP theo năm khoảng 2,0% trong quý III, cao hơn đáng kể so với mức khoảng 1,2% của quý II. Hoạt động tuyển dụng cũng tăng trở lại lần đầu sau 3 tháng, trong bối cảnh nhu cầu lao động cải thiện. Tuy nhiên, S&P Global lưu ý một phần tăng trưởng có thể đến từ các yếu tố mang tính thời điểm như FIFA World Cup và lễ kỷ niệm USA 250, trong khi xu hướng tích trữ hàng tồn kho đã bắt đầu chậm lại.

Áp lực lạm phát vẫn là yếu tố cần theo dõi khi chi phí đầu vào tiếp tục tăng và chuỗi cung ứng chịu ảnh hưởng từ căng thẳng tại Trung Đông. Chỉ số Prices Paid của ISM đạt 71,1, đánh dấu tháng thứ 6 liên tiếp trên ngưỡng 70. Trong lĩnh vực sản xuất, thời gian giao hàng kéo dài trong khi chi phí nguyên vật liệu tăng trở lại do gián đoạn logistics và giá năng lượng.

Về chính sách tiền tệ, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở mức 3,5%-3,75% với kết quả bỏ phiếu 9-3. Đây là cuộc họp ghi nhận mức độ chia rẽ lớn trong nội bộ khi ba thành viên ủng hộ tăng thêm 0,25 điểm phần trăm nhằm kiểm soát lạm phát, vốn vẫn duy trì trên mục tiêu 2% trong hơn 5 năm liên tiếp. Chủ tịch Fed Kevin Warsh khẳng định ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục ưu tiên mục tiêu ổn định giá cả và không nới lỏng chính sách khi áp lực lạm phát vẫn ở mức cao.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED TÍNH ĐẾN 29/07/2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)

- *Trung Quốc*

Điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất tại Trung Quốc tiếp tục duy trì mở rộng trong tháng 7, với sản lượng, đơn đặt hàng mới và việc làm đều tăng. Áp lực chi phí giảm bớt, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giữ nguyên giá bán ra. Việc liên tục gia tăng lượng hàng tồn kho đầu vào đã dẫn đến sự sụt giảm trong hoạt động thu mua.

Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Trung Quốc của RatingDog – đã duy trì trên mức 50,0 (ngưỡng phân định giữa tăng trưởng và suy giảm) trong tháng thứ tám liên tiếp vào tháng 7, cho thấy sự cải thiện của các điều kiện sản xuất. Chỉ số PMI giảm xuống mức thấp nhất trong bốn tháng là 50,9, so với mức 51,7 của tháng 6. Đợt tăng trưởng hiện tại có thời gian kéo dài ngang bằng với chu kỳ tăng trưởng dài nhất trong vòng 5 năm qua (từ tháng 11/2023 đến tháng 6/2024). Chỉ số PMI nhận được đóng góp tích cực từ cả năm chỉ số thành phần trong tháng thứ hai liên tiếp.

Khối lượng đơn đặt hàng mới mà các nhà sản xuất Trung Quốc nhận được đã tăng trong tháng thứ mười bốn liên tiếp vào tháng 7, đánh dấu chuỗi tăng trưởng dài nhất kể từ năm 2018. Sự gia tăng đơn đặt hàng mới phản ánh nhu cầu thị trường mạnh mẽ hơn, số lượng đơn hàng quốc tế tăng, sự mở rộng các kênh kinh doanh mới và chất lượng sản phẩm được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng đã chậm lại so với tháng 6, mặc dù đây là lần đầu tiên đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng trở lại sau ba tháng.

Đà suy yếu của hoạt động sản xuất diễn ra sau khi GDP quý II/2026 chỉ tăng 4,3% so với cùng kỳ, giảm từ mức 5,0% của quý I và là tốc độ tăng thấp nhất kể từ quý IV/2022. Mức tăng này cũng thấp hơn mục tiêu tăng trưởng năm 4,5%-5%, làm gia tăng áp lực buộc Bắc Kinh phải triển khai thêm các biện pháp hỗ trợ kinh tế.

Ở chiều chính sách, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) tiếp tục duy trì lập trường tiền tệ nới lỏng. Trong kỳ điều hành tháng 7, lãi suất cho vay cơ bản (Loan Prime Rate - LPR) kỳ hạn 1 năm được giữ ở mức 3,0% và LPR kỳ hạn 5 năm ở mức 3,5%, đánh dấu tháng thứ 14 liên tiếp không thay đổi. Việc giữ nguyên lãi suất cho thấy PBOC ưu tiên duy trì thanh khoản dồi dào thay vì tiếp tục cắt giảm mạnh lãi suất, trong khi các nhà hoạch định chính sách kỳ vọng các biện pháp tài khóa sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc hỗ trợ tăng trưởng.

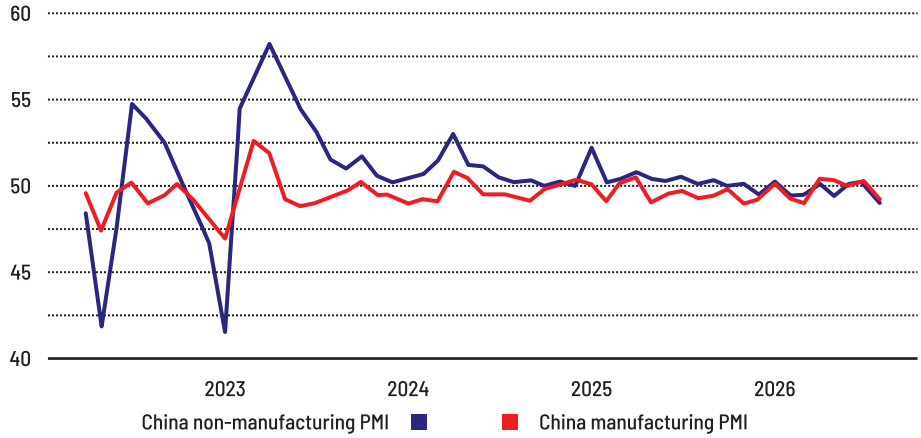
Cuối tháng 7, Bộ Chính trị Trung Quốc cũng cam kết sẽ đẩy nhanh tiến độ giải ngân tài khóa, điều chỉnh linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ và mở rộng nhu cầu nội địa, song chưa đưa ra gói kích thích tiêu dùng quy mô lớn hay các cải cách cơ cấu mới. Bắc Kinh vẫn ưu tiên các biện pháp hỗ trợ có mục tiêu, thay vì triển khai những chương trình kích cầu quy mô lớn như trong các chu kỳ trước.

Về thương mại, hoạt động xuất khẩu vẫn là điểm tựa quan trọng của nền kinh tế dù tốc độ tăng được dự báo chậm lại. Theo khảo sát của Reuters, xuất khẩu tháng 7 được dự báo tăng 22,2% so với cùng kỳ, thấp hơn mức 27,0% của tháng 6, trong khi nhập khẩu dự kiến tăng 27,9%, giảm từ 36,0% của tháng trước. Thặng dư thương mại được dự báo đạt khoảng 107 tỷ USD, thấp hơn mức 125,62 tỷ USD của tháng 6.

Động lực xuất khẩu tiếp tục đến từ nhu cầu toàn cầu đối với các sản phẩm công nghệ và AI, cùng với việc nhiều doanh nghiệp đẩy nhanh giao hàng trước khi Mỹ áp dụng mức thuế nhập khẩu mới 12,5% đối với hàng hóa Trung Quốc từ ngày 24/7. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng xuất khẩu có thể đối mặt với nhiều sức ép hơn trong các tháng tới khi các biện pháp thuế quan mới, điều tra về năng lực sản xuất dư thừa và ảnh hưởng của thời tiết cực đoan làm gia tăng rủi ro đối với hoạt động vận chuyển và thương mại quốc tế.

CHỈ SỐ PMI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ TỔNG HỢP TRUNG QUỐC

Đơn vị tính: Điểm (tính đến hết tháng 07)



Nguồn: National Bureau of Statistics tổng hợp

- ***EU***

Kinh tế Liên minh châu Âu (EU) trong tháng 7/2026 ghi nhận một số tín hiệu cải thiện. Số liệu khảo sát PMI® của S&P Global trong tháng 7 cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ nhất của hoạt động sản xuất tại khu vực đồng Euro trong gần bốn năm rưỡi qua, đánh dấu sự khởi đầu của quý III. Mặc dù nhu cầu vẫn còn yếu – thể hiện qua mức tăng nhẹ của các đơn đặt hàng mới – các doanh nghiệp đã đẩy mạnh sản lượng bằng cách hoàn tất các đơn hàng tồn đọng.

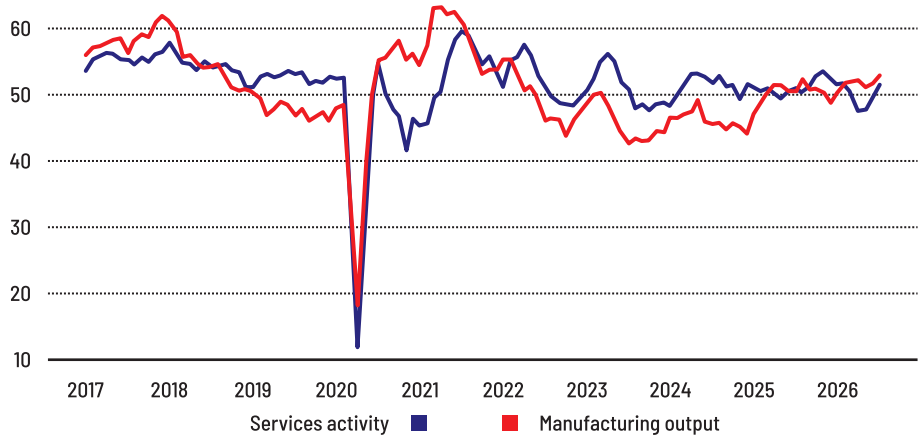
Các nhà sản xuất hàng hóa tại khu vực đồng Euro đã giảm mức tồn kho trong tháng 7 và tiếp tục cắt giảm việc thu mua nguyên vật liệu cũng như hàng hóa trung gian. Tuy nhiên, áp lực chuỗi cung ứng vẫn ở mức cao, dù đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng năm tháng qua. Tỷ lệ lạm phát cũng hạ nhiệt trong tháng 7.

Chỉ số PMI Sản xuất Khu vực đồng Euro của S&P Global đã tăng nhẹ lên mức 51,9 trong tháng 7 (từ mức 51,4 trong tháng 6), báo hiệu sự cải thiện mạnh mẽ nhất về điều kiện hoạt động của các nhà máy kể từ tháng 4.

Dữ liệu PMI của bốn nền kinh tế lớn nhất khu vực đồng Euro cho thấy những xu hướng rất khác biệt. Đáng chú ý, Đức là quốc gia có kết quả tốt nhất trong nhóm này, ghi nhận mức chỉ số cao nhất (ngang bằng với mức đỉnh trước đó) trong hơn bốn năm qua. Ý cũng duy trì đà tăng trưởng, mặc dù tốc độ tăng trưởng đã chậm lại xuống mức thấp nhất trong bốn tháng. Ngược lại, ngành sản xuất của Tây Ban Nha và Pháp nhìn chung vẫn trì trệ.

Sản lượng sản xuất tại khu vực đồng Euro đã tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 3 năm 2022 trong tháng 7. Sự mở rộng nhanh hơn này được thúc đẩy bởi việc hoàn tất các đơn hàng tồn đọng kết hợp với sự gia tăng nhẹ về doanh số bán hàng. Tuy nhiên, lượng đơn đặt hàng mới chỉ tăng nhẹ trong kỳ khảo sát vừa qua, với tốc độ mở rộng thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng sản lượng.

CHỈ SỐ PMI SẢN XUẤT EUROZONE TÍNH ĐẾN 24/07/2026



Nguồn: S&P Global PMI

Nhu cầu thị trường cũng có sự cải thiện khi đơn hàng mới tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 11/2025, chủ yếu nhờ sự phục hồi của lĩnh vực dịch vụ, trong khi đơn hàng xuất khẩu vẫn suy giảm nhưng tốc độ giảm đã chậm nhất trong hơn một năm. Thị trường lao động ổn định trở lại sau sáu tháng liên tiếp cắt giảm việc làm. Xét tại các nền kinh tế lớn thuộc khu vực đồng euro, Đức quay trở lại tăng trưởng sau bốn tháng suy giảm, Tây Ban Nha ghi nhận mức mở rộng mạnh nhất trong hơn một năm rưỡi, Italy tiếp tục duy trì đà tăng, còn Pháp vẫn là nền kinh tế duy nhất tiếp tục thu hẹp hoạt động dù tốc độ suy giảm đã chậm lại.

Bên cạnh kết quả khảo sát PMI, số liệu sơ bộ ghi nhận GDP khu vực đồng euro tăng 0,4% trong quý II/2026, cao hơn kỳ vọng của thị trường. Mức tăng này phần nào củng cố khả năng chống chịu của khu vực trước cú sốc năng lượng. Tuy nhiên, các chuyên gia nhận định đà phục hồi vẫn khá mong manh khi triển vọng tăng trưởng của EU nói chung và khu vực đồng euro nói riêng còn phụ thuộc nhiều vào diễn biến xung đột tại Trung Đông và biến động trên thị trường năng lượng.

Song song với sự cải thiện của hoạt động kinh tế, áp lực lạm phát cũng gia tăng trong tháng 7. Theo Eurostat, lạm phát tại khu vực đồng euro tăng lên 2,9%, cao hơn mức 2,8% của tháng trước và đánh dấu tháng thứ năm liên tiếp vượt mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Nguyên nhân chủ yếu đến từ giá năng lượng khi nhóm này tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 8,5% của tháng 6. Trong cùng thời gian, giá dầu Brent tăng từ dưới 72,5 USD/thùng vào cuối tháng 6 lên khoảng 90 USD/thùng trong tháng 7 do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, kéo theo giá khí tự nhiên phục hồi và làm gia tăng chi phí năng lượng tại các nền kinh tế EU, đặc biệt là những quốc gia phụ thuộc nhiều vào năng lượng nhập khẩu.

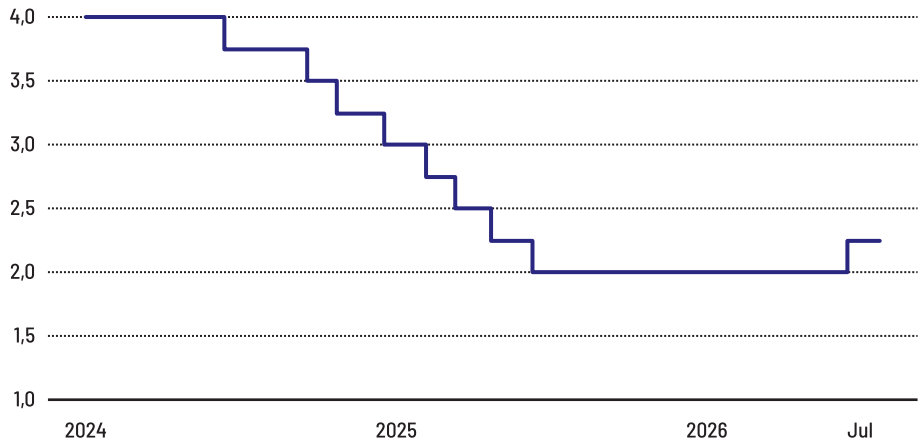
Áp lực giá không chỉ tập trung ở nhóm năng lượng mà còn lan sang các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Tại khu vực đồng euro, lạm phát cơ bản, không bao gồm thực phẩm và năng lượng, tăng từ 2,4% lên 2,5%, trong khi lạm phát dịch vụ tăng từ 3,2% lên 3,3%, với chi phí lao động và giá dịch vụ vẫn ở mức cao. Ở chiều ngược lại, lạm phát thực phẩm tiếp tục giảm xuống 1,2%, phần nào hạn chế tác động của giá cả tới người tiêu dùng.

Trong bối cảnh lạm phát tiếp tục gia tăng, ECB đã giữ nguyên lãi suất tiền gửi ở mức 2,25% tại cuộc họp cuối tháng 7 sau khi tăng 25 điểm cơ bản vào tháng 6. Chính sách tiền tệ của ECB áp dụng trực tiếp đối với các quốc gia thành viên sử dụng đồng euro, song có ảnh hưởng đáng kể tới điều kiện tài chính và triển vọng kinh tế chung của EU. Chủ tịch ECB Christine Lagarde cho biết ngân hàng sẽ theo dõi sát diễn biến giá năng lượng cũng như nguy cơ áp lực giá lan sang tiền lương và các nhóm hàng hóa khác trước cuộc họp tháng 9. Sau khi số liệu lạm phát được công bố, thị trường tiếp tục nâng kỳ vọng ECB sẽ tăng thêm 25 điểm cơ bản trong tháng 9, với xác suất được định giá khoảng 90%, đồng thời không loại trừ khả năng có thêm một đợt tăng lãi suất nữa trước cuối năm nếu giá dầu duy trì ở vùng cao.

Dù chi phí đầu vào và giá bán của doanh nghiệp đã có dấu hiệu hạ nhiệt so với giai đoạn cao điểm đầu năm, cả hai chỉ số vẫn cao hơn đáng kể so với mức trung bình lịch sử. Niềm tin kinh doanh cũng cải thiện lên mức cao nhất trong 5 tháng nhưng vẫn thấp hơn giai đoạn trước khi xung đột Trung Đông bùng phát. Nhìn chung, kinh tế EU bước vào quý III/2026 với một số tín hiệu tích cực hơn, đặc biệt tại khu vực đồng euro khi hoạt động sản xuất - dịch vụ và nhu cầu có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, triển vọng của khu vực vẫn chịu sức ép từ giá năng lượng, rủi ro địa chính trị và khả năng ECB tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng để kiểm soát lạm phát.

LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU TÍNH ĐẾN THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: LSEG

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Các tổ chức quốc tế đều nhận định kinh tế toàn cầu trong năm 2026 vẫn duy trì tăng trưởng nhưng chậm hơn so với các năm trước, do chịu tác động từ xung đột địa chính trị tại Trung Đông, biến động giá năng lượng, căng thẳng thương mại và những rủi ro tài chính liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). Dù cùng đánh giá triển vọng còn nhiều thách thức, mức độ lạc quan của từng tổ chức có sự khác biệt, chủ yếu phụ thuộc vào giả định về diễn biến giá dầu và tình hình địa chính trị trong nửa cuối năm.

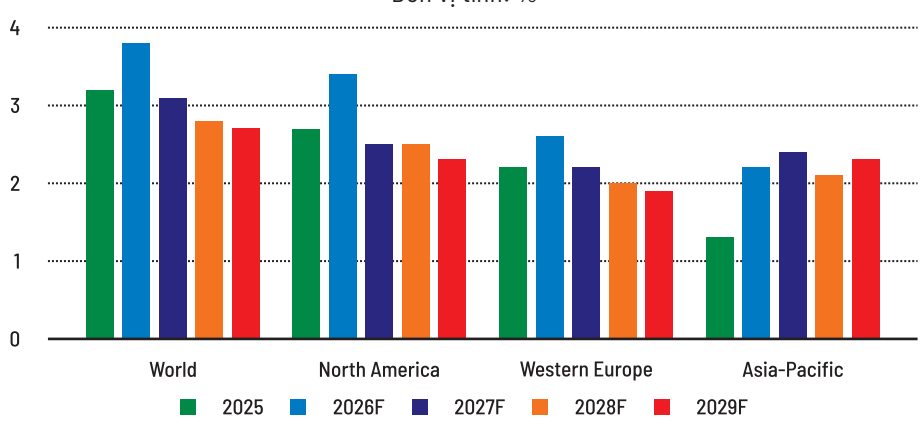
Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 từ 3,1% xuống còn 3,0%, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình của giai đoạn 2024-2025. IMF dự báo kinh tế thế giới sẽ phục hồi lên 3,4% trong năm 2027 khi tác động từ xung đột và giá năng lượng dần suy giảm. Đồng thời, tổ chức này nâng dự báo lạm phát toàn cầu năm 2026 lên 4,7% do giá năng lượng vẫn cao hơn khoảng 25% so với trước khi xảy ra xung đột tại Trung Đông. Theo IMF, nhu cầu đối với AI và các công nghệ mới tiếp tục là động lực quan trọng, góp phần bù đắp một phần tác động tiêu cực từ gián đoạn nguồn cung năng lượng và thương mại.

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế đang phát triển khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2026 từ 5,1% xuống còn 4,9%, trong khi giữ nguyên dự báo năm 2027 ở mức 5,1%. Theo ADB, nguyên nhân chủ yếu là giả định xung đột Mỹ - Iran kéo dài hơn dự kiến, khiến giá dầu và khí đốt duy trì ở mức cao, qua đó làm gia tăng chi phí sản xuất, vận tải và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng. Đối với Đông Nam Á, dự báo tăng trưởng được điều chỉnh giảm nhẹ từ 4,7% xuống còn 4,6%.

So với IMF và ADB, Oxford Economics đưa ra kịch bản lạc quan hơn khi dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể đạt 3,1% trong nửa cuối năm 2026 nếu thỏa thuận ngừng bắn giữa Mỹ và Iran được duy trì, qua đó giúp giá dầu Brent ổn định ở mức trên 70 USD/thùng. Tuy nhiên, tổ chức này nhấn mạnh triển vọng kinh tế toàn cầu phụ thuộc lớn vào diễn biến địa chính trị. Nếu xung đột leo thang và giá dầu tăng mạnh trở lại, lạm phát sẽ gia tăng, điều kiện tài chính bị thắt chặt và chuỗi cung ứng công nghệ tiếp tục gián đoạn, kéo theo tăng trưởng kinh tế suy yếu.

LẠM PHÁT GIÁ TIÊU DÙNG, THAY ĐỔI THEO NĂM

Đơn vị tính: %

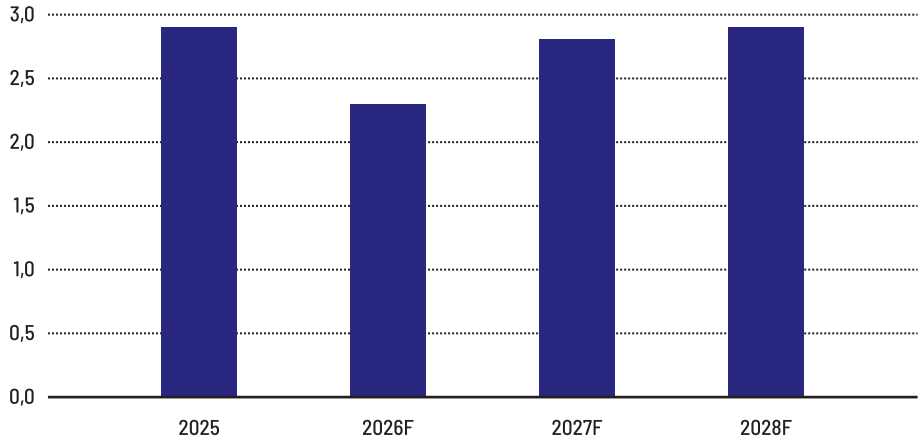


Nguồn: S&P Global Market Intelligence

Trong khi đó, S&P Global Market Intelligence giữ quan điểm thận trọng hơn khi cho rằng nền kinh tế toàn cầu vẫn dựa trên những "nền tảng mong manh". Mặc dù đã nâng nhẹ dự báo tăng trưởng nhờ giả định giá hàng hóa và giá dầu thấp hơn so với giữa năm, tổ chức này cho rằng rủi ro vẫn ở mức cao do bất ổn địa chính trị, biến động giá năng lượng, áp lực nợ công và sự suy yếu của các yếu tố từng được xem là "điểm neo" của kinh tế thế giới như lạm phát thấp, lãi suất ổn định và thương mại toàn cầu thông suốt. Theo S&P Global, các ngân hàng trung ương lớn nhiều khả năng chưa cần tiếp tục tăng lãi suất nếu giá năng lượng không tăng trở lại, song triển vọng này có thể thay đổi nhanh chóng nếu căng thẳng tại Trung Đông tái bùng phát.

MỨC THAY ĐỔI CỦA TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC

Đơn vị tính: %



Nguồn: S&P Global Market Intelligence

PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 07/2026

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã tăng lên mức 52,9 điểm trong tháng 7, cao hơn mức 51,8 điểm của tháng 6, báo hiệu sự cải thiện rõ rệt về sức khỏe của ngành trong tháng. Điều kiện kinh doanh đã liên tục cải thiện trong 13 tháng qua, với mức tăng trưởng mới nhất là mạnh mẽ nhất kể từ tháng 2.

Hoạt động sản xuất tăng mạnh trong tháng 7, với tốc độ mở rộng đạt mức cao nhất trong 5 tháng. Sản lượng đã liên tục tăng theo tháng kể từ tháng 5/2025. Các doanh nghiệp thường lý giải việc sản lượng tăng là do sự gia tăng của các đơn đặt hàng mới. Lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 7 với tốc độ nhanh hơn so với tháng 6. Tổng doanh số bán hàng mới được thúc đẩy bởi sự gia tăng mạnh mẽ của các đơn đặt hàng xuất khẩu mới; chỉ số này đã ghi nhận mức tăng nhanh nhất kể từ tháng 7/2024.

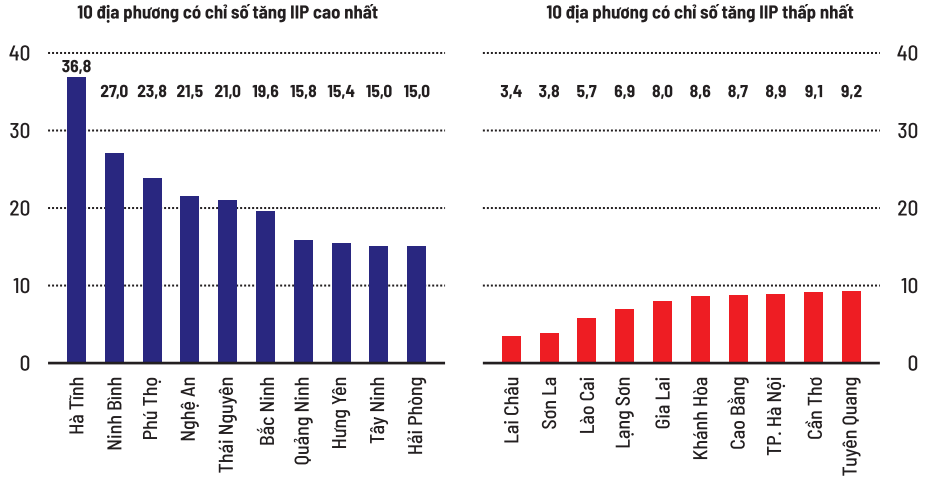
1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 7 tăng trưởng tích cực nhờ nhiều năng lực sản xuất mới được đưa vào vận hành, hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng ước tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2026, chỉ số IIP tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của bảy tháng so với cùng kỳ năm trước trong nhiều năm qua.

IIP 7 tháng đầu năm 2026 tăng tại cả 34 địa phương, tuy nhiên mức tăng có sự phân hóa đáng kể. Một số địa phương ghi nhận mức tăng cao nhờ sự đóng góp tích cực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành sản xuất, phân phối điện. Ngược lại, tại các địa phương có tốc độ tăng IIP thấp hơn, một số ngành thành phần như chế biến, chế tạo, khai khoáng hoặc sản xuất và phân phối điện ghi nhận mức tăng thấp hoặc giảm, qua đó hạn chế tốc độ tăng của chỉ số IIP chung tại các địa phương này.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP BẢY THÁNG ĐẦU NĂM 2026
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

- ***Xuất khẩu hàng hóa:***

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7 đạt 53,08 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,27 tỷ USD, tăng 2,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 42,81 tỷ USD, tăng 5,0%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7 tăng 25,0%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 14,0%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 27,9%.

Tính chung bảy tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 319,53 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 63,64 tỷ USD, tăng 5,8%, chiếm 19,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 255,89 tỷ USD, tăng 26,4%, chiếm 80,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu bảy tháng năm 2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 287,91 tỷ USD, chiếm 90,1%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 22,79 tỷ USD, chiếm 7,1%; nhóm hàng thủy sản đạt 6,86 tỷ USD, chiếm 2,2%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 1,97 tỷ USD, chiếm 0,6%.

- ***Nhập khẩu hàng hóa:***

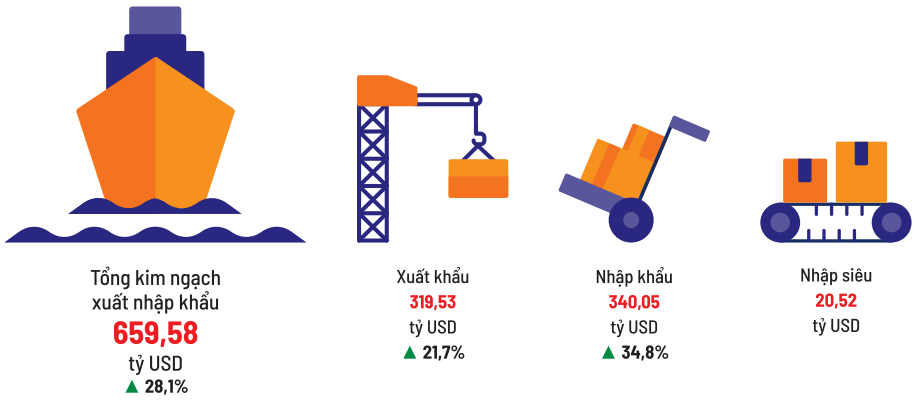
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7 đạt 56,67 tỷ USD, tăng 6,1% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,8 tỷ USD, giảm 2,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 42,87 tỷ USD, tăng 9,3%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7 tăng 41,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 23,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 48,2%.

Tính chung bảy tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 340,05 tỷ USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 92,14 tỷ USD, tăng 24,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 247,91 tỷ USD, tăng 39,2%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu bảy tháng năm 2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 319,95 tỷ USD, chiếm 94,1%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 56,9%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 37,2%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 20,1 tỷ USD, chiếm 5,9%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng 7 nhập siêu 3,59 tỷ USD. Tính chung bảy tháng năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20,52 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 10,35 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 28,5 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 7,98 tỷ USD.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA BẢY THÁNG ĐẦU NĂM 2026



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

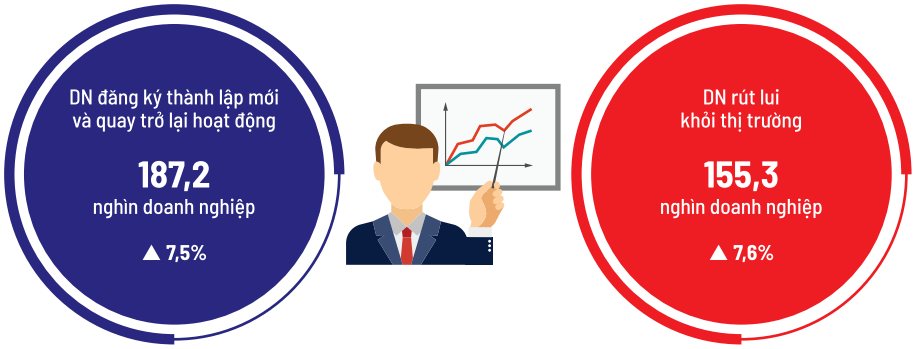
Trong tháng 7/2026, cả nước có hơn 14,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký gần 166,3 nghìn tỷ đồng và khoảng 82 nghìn lao động. So với tháng trước, số doanh nghiệp thành lập mới giảm 15,5% và vốn đăng ký giảm 41,9%; tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, vốn đăng ký tăng 41,6%. Bên cạnh đó, hơn 10,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, cả nước có gần 125,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và 61,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường lên khoảng 187,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,5% so với cùng kỳ. Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới đạt gần 1.518,9 nghìn tỷ đồng, tăng 63,6%; vốn đăng ký bình quân đạt 12,1 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 39,9%.

Ở chiều ngược lại, 155,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 7 tháng, tăng 7,6% so với cùng kỳ; riêng tháng 7 có hơn 26,3 nghìn doanh nghiệp rút lui. Đáng chú ý, 31,2 nghìn doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể trong 7 tháng, tương đương 218,7% cùng kỳ năm trước, tức tăng 118,7%. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường vẫn cao hơn số rút lui, trong khi một bộ phận doanh nghiệp vẫn chịu áp lực đáng kể trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Xét theo khu vực, doanh nghiệp thành lập mới tăng ở cả ba nhóm ngành; trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 31,4%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 39,6%, còn dịch vụ tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
BẢY THÁNG ĐẦU NĂM 2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2025



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7 ước đạt 98,6 nghìn tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, tăng 33,2%; vốn địa phương quản lý đạt 81,0 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5%. Tính chung bảy tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 445,5 nghìn tỷ đồng, bằng 39,0% kế hoạch năm và tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 37,0% và tăng 24,7%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/7/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,06 tỷ USD, tăng 58,0% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bảy tháng năm 2026 ước đạt 15,20 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của bảy tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12,55 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 7,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 549,3 triệu USD, chiếm 3,6%.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 2,36 tỷ USD, gấp 4,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vận tải kho bãi đạt 601,7 triệu USD, chiếm 25,5% tổng vốn đầu tư; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 585,8 triệu USD, chiếm 24,8%; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 487,4 triệu USD, chiếm 20,6%; xây dựng đạt gần 209 triệu USD, chiếm 8,8%.

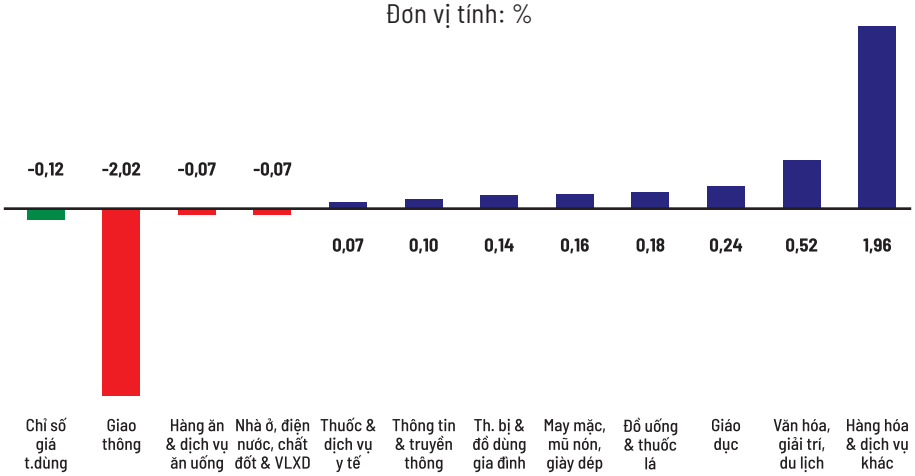
Trong bảy tháng năm 2026, có 35 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 638,3 triệu USD, chiếm 27,0% tổng vốn đầu tư; Căm-pu-chia 449,9 triệu USD, chiếm 19,0%; In-đô-nê-xi-a 308,6 triệu USD, chiếm 13,1%; Ấn Độ 173,9 triệu USD, chiếm 7,4%; Phi-li-pin 167,2 triệu USD, chiếm 7,1%; Ca-dắc-xtan 149,9 triệu USD, chiếm 6,3%; Anh 82,8 triệu USD, chiếm 3,5%.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2026 giảm 0,12% so với tháng trước; tăng 3,08% so với tháng 12/2025 và tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI tăng 4,39% so với cùng kỳ, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,19%. Trong tháng, các nhóm hàng hóa và dịch vụ diễn biến trái chiều; riêng giá xăng dầu giảm trong hai kỳ điều hành đầu tháng nhưng tăng trở lại trong ba kỳ còn lại.

TỐC ĐỘ TĂNG CPI THÁNG 7/2026 SO VỚI THÁNG TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 29/7/2026, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 8,38% so với cuối năm 2025, đưa tổng quy mô dư nợ vượt ngưỡng 20,15 triệu tỷ đồng. Tốc độ cấp vốn này tăng đều và duy trì đà phục hồi ổn định so với mức 7,41% ghi nhận vào cuối tháng 6/2026.

Để hỗ trợ dòng vốn, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phối hợp với các tổ chức tín dụng triển khai gói tín dụng ưu đãi 220.000 tỷ đồng dành riêng cho nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Gói này được nhóm 4 ngân hàng thương mại nhà nước (Big 4) cam kết giải ngân nhằm kích cầu kinh doanh cuối năm. Đồng thời, NHNN ban hành Thông tư 25/2026/TT-NHNN, chính thức tăng tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn từ 30% lên 40%, giúp giảm bớt áp lực cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn cho hệ thống. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý cũng cho phép loại trừ dư nợ phát sinh của 18 dự án hạ tầng quy mô lớn, trọng điểm quốc gia khỏi chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng thông thường của các ngân hàng thương mại để tạo thêm không gian phân phối vốn.

NHNN hiện đang khẩn trương trình các cơ quan có thẩm quyền dự thảo sửa đổi, bổ sung 3 bộ luật lớn bao gồm Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Phòng, chống rửa tiền nhằm tháo gỡ triệt để các rào cản pháp lý luân chuyển dòng vốn. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng vẫn đối mặt với một số áp lực lớn trong những tháng cuối năm 2026. Tốc độ giải ngân khoản vay đang tăng nhanh hơn tốc độ gửi tiền của người dân, khiến áp lực cân đối thanh khoản VND tại một số ngân hàng gia tăng. Ngoài ra, nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu tư liệu sản xuất giai đoạn này cũng gây sức ép không nhỏ lên chi phí vốn của toàn hệ thống.

1.2.2. Lãi suất

Đến cuối phiên 24/7, lãi suất VND bình quân trên thị trường liên ngân hàng ở mức: qua đêm 2,5%/năm, giảm 1,4 điểm phần trăm (đpt) so với cuối tuần trước; kỳ hạn 1 tuần 3,35%/năm (-1,3 đpt); kỳ hạn 2 tuần 5,6%/năm (+ 0,2 đpt) và kỳ hạn 1 tháng 7,3%/năm (+ 0,3 đpt).

Các biện pháp nới điều kiện nguồn vốn của Ngân hàng Nhà nước, gồm điều chỉnh tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn và cách tính tỷ lệ dư nợ trên huy động (LDR), đã góp phần cải thiện thanh khoản ngắn hạn của hệ thống, thể hiện qua việc lãi suất qua đêm giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm. Tuy nhiên, lãi suất các kỳ hạn từ 2 tuần đến 1 tháng tiếp tục nhích tăng và duy trì ở mức cao, trong khi thị trường vẫn thận trọng về triển vọng thanh khoản trong thời gian tới.

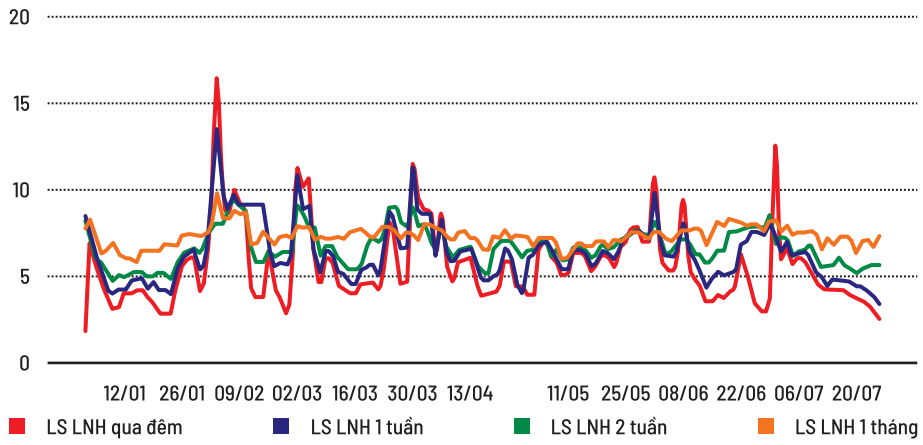
Mặt bằng lãi suất giữa các kỳ hạn đang giãn rộng đáng kể khi chênh lệch giữa lãi suất qua đêm và kỳ hạn 2 tuần lên tới 3,1 điểm phần trăm, trong khi khoảng cách giữa kỳ hạn qua đêm và 1 tháng đạt 4,8 điểm phần trăm.

Khoảng cách lớn giữa các kỳ hạn xuất phát từ việc thanh khoản dồi dào chủ yếu tập trung ở các kỳ hạn rất ngắn, trong khi nhu cầu vay vốn dài hạn vẫn ở mức cao. Đồng thời, các tổ chức tín dụng có xu hướng thận trọng hơn với cho vay dài hạn, khiến phần bù kỳ hạn tăng đáng kể.

Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng tiếp tục vượt tốc độ tăng huy động, dư địa điều hành chính sách tiền tệ cũng chịu nhiều sức ép hơn khi rủi ro địa chính trị tại Trung Đông chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Căng thẳng tái bùng phát đã khiến giá dầu thế giới nhanh chóng tăng trở lại và duy trì trên ngưỡng 90 USD/thùng, làm gia tăng nguy cơ lạm phát nhập khẩu và áp lực tỷ giá. Điều này đồng nghĩa với việc Ngân hàng Nhà nước còn rất ít dư địa để cân đối giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 24/7/2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: WiGroup

1.2.3. Tỷ giá

Sáng 28/7, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nâng tỷ giá trung tâm lên mức 25.306 đồng, tăng 13 đồng so với cuối tuần trước. Với mức tăng này, tỷ giá trung tâm USD/VND chính thức vượt đỉnh lịch sử 25.298 đồng được thiết lập vào tháng 8/2025.

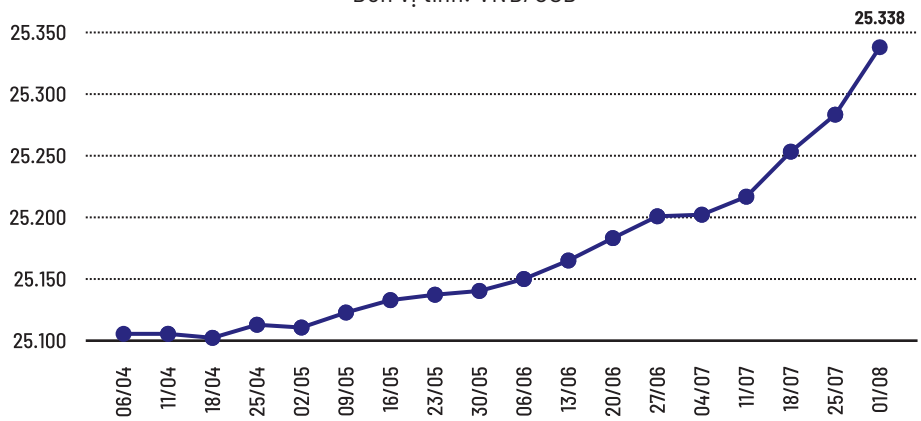
Với biên độ giao dịch 5%, các ngân hàng thương mại được phép giao dịch USD trong vùng 24.040,7 - 26.571,3 VND/USD. Đơn cử như BIDV niêm yết tỷ giá ở mức 26.135 - 26.515 VND/USD (mua vào - bán ra), cùng tăng 5 đồng ở cả chiều mua vào và bán ra. Trên thị trường tự do, tỷ giá USD phổ biến khoảng 26.400 - 26.420 VND/USD.

Đà tăng của tỷ giá diễn ra trong bối cảnh chỉ số DXY - thước đo sức mạnh đồng USD so với rổ 6 đồng tiền chủ chốt (EUR, JPY, GBP, CAD, SEK, CHF) - tăng 0,05% lên 101,51 điểm, trong vùng cao nhất từ cuối tháng 3/2025 đến nay.

Tỷ giá trên thị trường tự do cũng ổn định và hạ nhiệt sau khi đạt đỉnh vào cuối tháng 3/2026. Tính đến 15/7/2026, tỷ giá chợ đen ở mức 26.420, tương đương mức tăng nhẹ 1,5% so với cuối năm 2025.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: VNĐ/USD



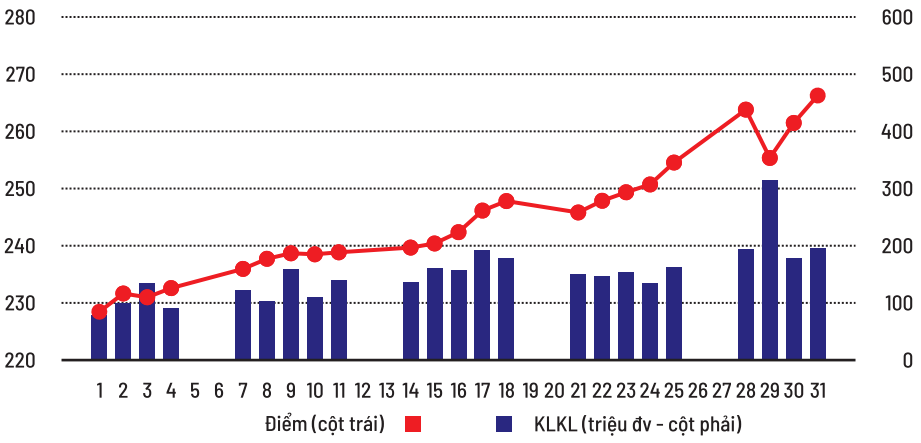
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

1.2.4. Chứng khoán

Tháng 7/2026, diễn biến giá cổ phiếu trên thị trường niêm yết HNX có xu hướng giảm. Với 23 phiên giao dịch trong tháng 7, chỉ số giá HNX Index đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng ở mức 271,25 điểm, giảm 13,38% so với tháng trước. Trái ngược với xu hướng giảm điểm mạnh của chỉ số, thanh khoản thị trường tăng mạnh với khối lượng giao dịch bình quân đạt 63,2 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 15,66%, tương ứng giá trị giao dịch bình quân tăng 14,95% đạt 1.087 tỷ đồng/phiên.

Quy mô giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng với giá trị giao dịch tăng 19,17% so với tháng trước. Trong đó, giá trị mua vào hơn 890 tỷ đồng và bán ra hơn 1.163 tỷ đồng, giá trị bán ròng hơn 182,7 tỷ đồng.

BIỂU ĐỒ ĐIỂM CHỈ SỐ HNX-INDEX



Nguồn: HNX

Hoạt động tự doanh cổ phiếu niêm yết tại HNX của các công ty chứng khoán thành viên giảm 36,19% so với tháng trước, với giá trị giao dịch hơn 463 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng gần 2% GTGD toàn thị trường). Trong đó, khối tự doanh các công ty chứng khoán bán ròng hơn 117 tỷ đồng.

Tại thời điểm cuối tháng 7/2026, thị trường cổ phiếu niêm yết HNX có 299 doanh nghiệp niêm yết với tổng giá trị niêm yết đạt hơn 196 nghìn tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường tại phiên giao dịch cuối tháng đạt hơn 447 nghìn tỷ đồng, giảm 8,2% so với tháng 6/2026.

1.2.5. Giá vàng

Chỉ số giá vàng tháng 7/2026 giảm 3,02% so với tháng 6/2026. Tăng 19,15% so với cùng kỳ năm trước, giảm 5,66% so với tháng 12/2025. Bình quân 7 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 51,86%.

Thị trường quốc tế: Cục Dự trữ Liênbang Mỹ (FED) duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, chỉ số USD Index phục hồi và áp lực chốt lời của các nhà đầu tư khiến giá vàng thế giới bình quân tháng 7 giảm khoảng 4,62% (xuống quanh mức 4.086 USD/ounce).

Trong suốt tháng 7/2026, các doanh nghiệp vàng duy trì khoảng cách giữa giá mua vào và bán ra ở mức cao, dao động từ 3,0 – 4,0 triệu đồng/lượng để phòng ngừa rủi ro biến động.

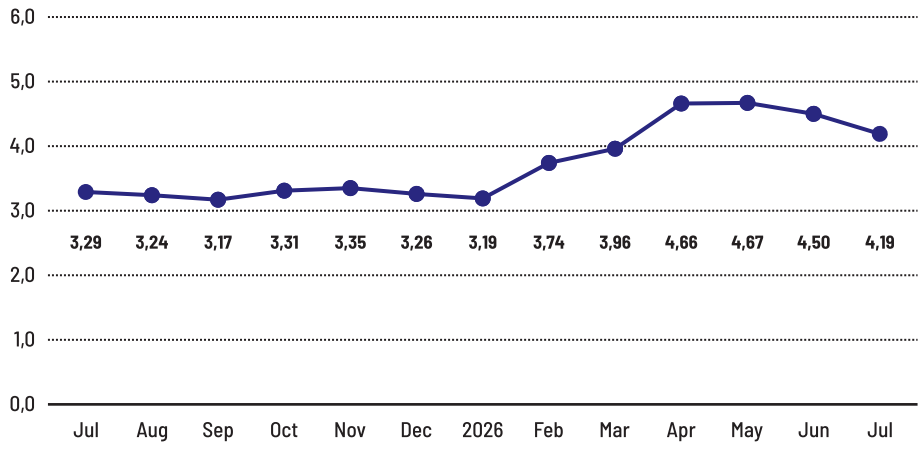
Giá vàng trong nước duy trì mức chênh lệch cao hơn giá vàng thế giới quy đổi khoảng 7 – 12 triệu đồng/lượng.

1.2.6.Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 7 tăng 0,33% so với tháng trước và tăng 4,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bảy tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,39% của CPI bình quân chung do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- ***Nghị quyết số 34/2026/NQ-CP về gia hạn chính sách thuế xăng dầu***

Từ ngày 1/7/2026, Nghị quyết số 34/2026/NQ-CP tiếp tục kéo dài đến hết ngày 30/9/2026 các chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường và thuế giá trị gia tăng đối với xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu và nhiên liệu bay.

Riêng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng không thuộc nội dung được gia hạn theo Nghị quyết 34. Sau khi chính sách thuế suất 0% theo Nghị quyết số 19/2026/QH16 hết hiệu lực vào ngày 30/6/2026, từ ngày 1/7/2026 thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng trở lại theo quy định hiện hành, với mức 10% đối với xăng khoáng, 8% đối với xăng E5 và 7% đối với xăng E10.

- ***Nghị quyết số 180/NQ-CP về kịch bản hành động thúc đẩy kinh tế vĩ mô***

Chính phủ đưa ra các kịch bản điều hành linh hoạt giữa chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng cao. Nghị quyết tập trung tháo gỡ rào cản dòng vốn và ổn định thị trường tài chính trong nước.

- ***Chính sách tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT)***

Chính phủ duy trì mức giảm thuế VAT từ 10% xuống 8% cho nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ đến hết ngày 31/12/2026. Giải pháp này giúp kích cầu tiêu dùng nội địa và giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân.

- ***Quyết định miễn giảm 46 khoản phí và lệ phí cho doanh nghiệp***

Chính thức áp dụng việc miễn giảm 46 khoản phí, lệ phí trong nhiều lĩnh vực kinh doanh kể từ ngày 1/7/2026. Quy định này nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ và tạo động lực phục hồi mạnh mẽ cho cộng đồng doanh nghiệp.

- ***Chỉ thị đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công***

Thủ tướng Chính phủ thúc đẩy quyết liệt việc giải ngân vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia.

- ***Quyết định chi bổ sung 8.000 tỷ đồng cho Quỹ bình ổn giá xăng dầu***

Nhà nước ứng chi ngân sách hỗ trợ cho Quỹ bình ổn nhằm kiềm chế áp lực tăng giá nhiên liệu đột biến từ thị trường quốc tế. Việc này giúp ổn định chi phí vận tải và kiểm soát chỉ số lạm phát trong nước.

- ***Dự thảo Nghị định mới về thay đổi cơ chế kinh doanh xăng dầu***

Bộ Công Thương hoàn thiện khung pháp lý mới nhằm trao quyền tự chủ định giá bán lẻ cho các thương nhân đầu mối lớn. Chính sách hướng đến việc vận hành thị trường xăng dầu cạnh tranh minh bạch và bảo đảm nguồn cung thông suốt.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Ngân hàng DBS (Singapore) nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 lên 8%, so với mức 6,5% trước đó.

Kết quả khảo sát của Bloomberg (do các nhà kinh tế của công ty phân tích tài chính toàn cầu Bloomberg L.P. thực hiện từ ngày 3/7-8/7), trong đó điều chỉnh các dự báo về tăng trưởng và lạm phát của Việt Nam trong năm 2026. Theo đó, dự báo về tăng trưởng GDP năm 2026 được nâng lên mức 7,3%; dự báo lạm phát cũng được điều chỉnh tăng từ 4,3% lên 4,8%.

Các nhà kinh tế đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế và lạm phát của Việt Nam năm 2026 khi nhu cầu đối với các sản phẩm điện tử và dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ sẽ giúp duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế.

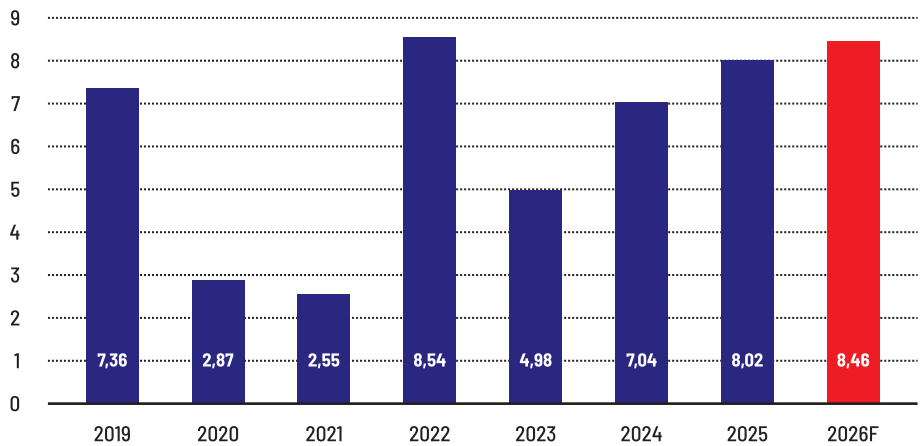
Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong 6 tháng đầu năm 2026, vốn FDI giải ngân đạt 13,03 tỷ USD (tăng 11,2%), trong khi vốn FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD (tăng mạnh 61%).

Ngân hàng United Overseas Bank - UOB (Singapore) điều chỉnh nâng mức dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 lên con số kỷ lục là 8,5%, dựa trên hiệu suất kinh tế vượt dự kiến trong 6 tháng đầu năm 2026, chi phí năng lượng giảm và sức ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo. Đây là mức tăng trưởng cao nhất Đông Nam Á. Theo UOB, tiền Đồng vẫn thể hiện khả năng chống chịu mạnh mẽ. UOB duy trì dự báo rằng tiền Đồng sẽ duy trì tương đối ổn định, có khả năng mạnh lên so với đồng USD.

Ngân hàng Standard Chartered đã nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 lên 9,5%, trong bối cảnh kinh tế duy trì đà tăng trưởng mạnh và môi trường chính sách tiếp tục hỗ trợ. Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP sẽ tiếp tục ở mức cao trong năm 2027, đạt 11%.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP 2026 CỦA VIỆT NAM BỞI UOB

Đơn vị tính: %



Nguồn: UOB

Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam thể hiện khả năng phục hồi đáng kể trong nửa đầu năm 2026 nhờ sự tăng trưởng mạnh hơn dự kiến trên các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và hoạt động đầu tư, cùng với sự hỗ trợ chính sách liên tục.

Mặc dù những bất ổn toàn cầu và áp lực lạm phát vẫn là những yếu tố cần theo dõi, nhưng Việt Nam bước vào nửa cuối năm với vị thế vững mạnh.

Nhu cầu nội địa mạnh mẽ, đầu tư liên tục vào cơ sở hạ tầng và năng lực sản xuất, cùng với quá trình chuyển đổi kinh tế đang diễn ra, giúp tạo ra một mô hình tăng trưởng cân bằng và bền vững hơn, có thể hỗ trợ tham vọng phát triển dài hạn của Việt Nam.

PHẦN III

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- ***Cung dầu mỏ:***

Nguồn cung dầu toàn cầu có xu hướng cải thiện so với cuối tháng 6 nhờ hoạt động xuất khẩu tại Trung Đông từng bước được nối lại, OPEC+ tiếp tục nâng hạn ngạch sản lượng và nguồn cung bổ sung từ các quốc gia ngoài OPEC. Tuy nhiên, quá trình phục hồi diễn ra không ổn định khi căng thẳng Mỹ - Iran nhiều lần leo thang trở lại, các cuộc tấn công nhằm vào cơ sở lọc dầu của Nga tiếp diễn và rủi ro an ninh hàng hải tại eo biển Hormuz cũng như Biển Đỏ tiếp tục gây áp lực lên chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu.

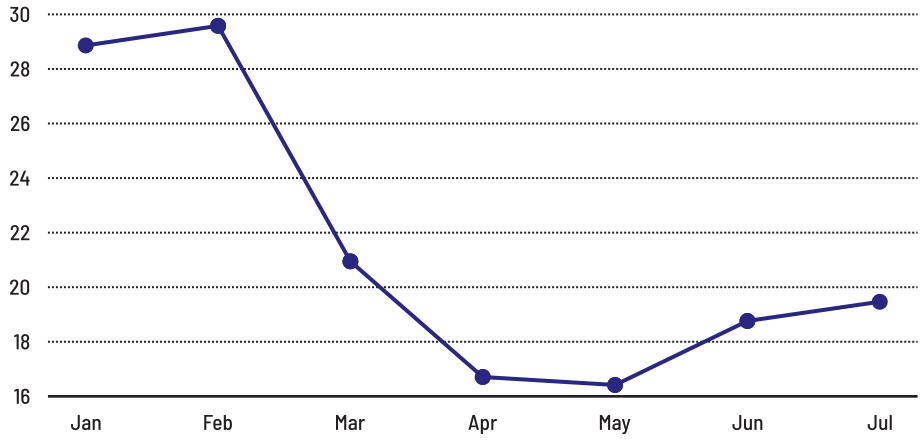
Đầu tháng 7, sau thỏa thuận sơ bộ giữa Mỹ và Iran, hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz từng bước được khôi phục, tạo điều kiện cải thiện nguồn cung dầu thô. Ngày 02/7, lưu lượng dầu vận chuyển qua Hormuz tăng lên hơn 10 triệu thùng/ngày, tương đương khoảng 50% mức trước xung đột, trong khi khoảng 5 triệu thùng/ngày được vận chuyển qua các tuyến thay thế. Lưu lượng tàu cũng phục hồi lên khoảng 258 tàu/tuần, cao hơn đáng kể so với giai đoạn gián đoạn trước đó. Hơn 60 triệu thùng dầu bị mắc kẹt trong thời gian xung đột được đưa trở lại thị trường khi Saudi Arabia, UAE và Iran từng bước nối lại hoạt động xuất khẩu. Ngày 04/7, Iran hủy kế hoạch thu phí bắt buộc đối với tàu thuyền qua Hormuz và chuyển sang cơ chế «phí dịch vụ», góp phần hỗ trợ hoạt động vận tải. Ngày 05-06/7, nhiều tàu chở dầu cỡ lớn (VLCC) tiếp tục đi qua Hormuz an toàn, trong đó có Long Wind chở khoảng 2 triệu thùng dầu từ Saudi Arabia đến Hàn Quốc và 6 tàu VLCC vận chuyển khoảng 12 triệu thùng dầu từ Saudi Arabia, UAE và Qatar sang châu Á. Cùng thời gian, Kuwait khôi phục sản lượng lên khoảng 1,65 triệu thùng/ngày, tương đương 66% mức trước xung đột, trong khi Saudi Arabia, Iraq và các nước vùng Vịnh cũng từng bước khôi phục hoạt động khai thác.

Nguồn cung tiếp tục được hỗ trợ khi ngày 05/7, OPEC+ quyết định nâng hạn ngạch sản lượng thêm 188.000 thùng/ngày, áp dụng từ tháng 8, nhằm tiếp tục lộ trình khôi phục phần sản lượng cắt giảm tự nguyện từ năm 2023. Tuy nhiên, mức tăng chủ yếu mang ý nghĩa định hướng chính sách do sản lượng thực tế của nhiều thành viên vẫn thấp hơn hạn ngạch vì hoạt động xuất khẩu qua Hormuz và Biển

Đỏ chưa phục hồi hoàn toàn. Theo Bloomberg, sản lượng của OPEC trong tháng 7 tăng khoảng 1,16 triệu thùng/ngày, chủ yếu nhờ Kuwait, Saudi Arabia và Iraq phục hồi sản xuất. Bên cạnh đó, UAE tiếp tục gia tăng nguồn cung khi sản lượng dầu thô vượt 3,8 triệu thùng/ngày, mức cao nhất trong hơn sáu năm, đồng thời ADNOC đẩy mạnh khai thác công suất dự phòng và mở rộng xuất khẩu thông qua chính sách chiết khấu giá bán.

SẢN LƯỢNG DẦU CỦA OPEC PHỤC HỒI MỘT PHẦN TRONG THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: Bloomberg

Nguồn cung ngoài OPEC cũng góp phần giảm áp lực thiếu hụt. Mỹ duy trì xuất khẩu dầu ở mức cao, trong khi Brazil, Venezuela và Kazakhstan gia tăng nguồn cung ra thị trường. Ngày 06/7, Mỹ tạm thời nới lỏng một số biện pháp trừng phạt đối với dầu mỏ Iran, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động xuất khẩu của nước này, dù sản lượng không tăng đáng kể trong ngắn hạn. Đồng thời, các nước vùng Vịnh tiếp tục mở rộng sử dụng các tuyến vận chuyển thay thế như đường ống Đông - Tây của Saudi Arabia và đường ống Habshan - Fujairah của UAE nhằm giảm phụ thuộc vào eo biển Hormuz.

Trong khi nguồn cung dầu thô từng bước cải thiện, nguồn cung nhiên liệu tinh chế tiếp tục chịu áp lực do các cuộc tấn công nhằm vào hệ thống lọc dầu của Nga. Đêm 01-02/7, Ukraine tấn công nhà máy lọc dầu Lukoil-Nizhegorodnefteorgsintez; ngày 06/7, UAV tiếp tục tấn công nhà máy lọc dầu Omsk - cơ sở lọc dầu lớn nhất Nga với công suất khoảng 440.000 thùng/ngày, làm gián đoạn hoạt động sản xuất xăng, dầu diesel và nhiên liệu hàng không. Trước tình trạng thiếu hụt nhiên liệu trong nước, từ ngày 08/7, Nga áp dụng lệnh cấm xuất khẩu dầu diesel, đồng thời kéo dài các biện pháp hạn chế xuất khẩu một số sản phẩm dầu mỏ đến đầu năm 2027 và bắt đầu nhập khẩu xăng bằng đường biển, với lô hàng đầu tiên khoảng 60.000 tấn từ Ấn Độ, đồng thời dự kiến nhập khoảng 400.000 tấn/tháng từ nhiều nguồn. Việc xuất khẩu diesel suy giảm đã gây thiếu hụt nguồn cung nhiên liệu tại Trung Á, buộc Kazakhstan hạn chế xuất khẩu để ưu tiên thị trường nội địa, trong khi Tajikistan và Uzbekistan chịu áp lực lớn do phụ thuộc vào nguồn cung từ Nga.

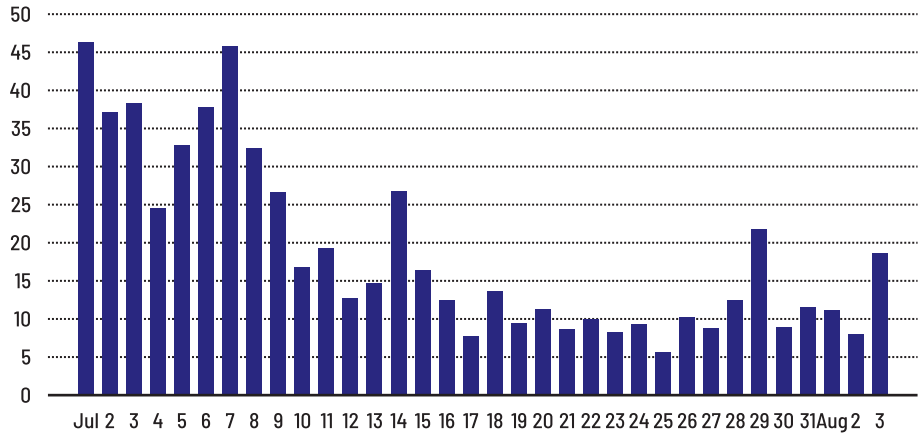
Ở chiều ngược lại, Trung Quốc nới lỏng hạn chế xuất khẩu nhiên liệu tinh chế trong tháng 7, cho phép các nhà máy lọc dầu tư nhân tiếp tục xuất khẩu. Sản lượng xuất khẩu xăng, dầu diesel và nhiên liệu hàng không dự kiến đạt khoảng 3 triệu tấn trong tháng, góp phần bổ sung nguồn cung nhiên liệu cho khu vực châu Á.

Từ tuần thứ hai của tháng, rủi ro nguồn cung gia tăng trở lại khi căng thẳng Mỹ - Iran leo thang. Ngày 07-08/7, các vụ tấn công nhằm vào tàu thương mại và tàu chở dầu trên eo biển Hormuz làm gia tăng lo ngại về an ninh hàng hải; Mỹ hủy giấy phép cho phép giao dịch dầu thô Iran, trong khi Iran nhiều lần cảnh báo khả năng đóng cửa Hormuz nếu xung đột tiếp diễn. Ngày 12/7, Iran tuyên bố đóng cửa eo biển Hormuz sau một vụ tấn công nhằm vào tàu hàng, khiến lưu lượng vận tải sụt giảm mạnh. Theo dữ liệu Kpler, đến giữa tháng, lưu lượng tàu qua Hormuz chỉ còn khoảng 22 tàu/ngày, thấp hơn nhiều so với khoảng 130 tàu/ngày trước xung đột. Đồng thời, các cuộc tấn công của lực lượng Houthi trên Biển Đỏ tiếp tục đe dọa tuyến vận tải Bab el-Mandeb, buộc nhiều tàu chở dầu của Saudi Arabia phải chuyển hướng hoặc quay đầu. Để giảm phụ thuộc vào Hormuz, Saudi Arabia tăng lượng dầu xuất khẩu qua cảng Yanbu lên khoảng 5,9 triệu thùng/ngày, song khả năng thay thế vẫn còn hạn chế.

Ngày 22/7, IEA cảnh báo việc Hormuz tiếp tục bị gián đoạn cùng các rủi ro tại Bab el-Mandeb đang làm gia tăng nguy cơ đối với an ninh năng lượng toàn cầu. Tuy nhiên, nguồn cung vẫn được hỗ trợ nhờ các tuyến xuất khẩu thay thế của Saudi Arabia và UAE, cùng lượng dầu bổ sung từ Mỹ, Brazil, Venezuela và Kazakhstan. Tính đến cuối tháng, các nước thành viên IEA đã giải phóng khoảng 290 triệu thùng trong kế hoạch 400 triệu thùng dầu dự trữ chiến lược và vẫn duy trì hơn 1 tỷ thùng dự trữ để ứng phó với các cú sốc nguồn cung tiếp theo.

LƯU LƯỢNG TÀU TRUNG BÌNH HÀNG NGÀY
ĐI QUA EO BIỂN HORMUZ TRONG THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: Lượt/ngày



Nguồn: MXV

- ***Cầu dầu mỏ:***

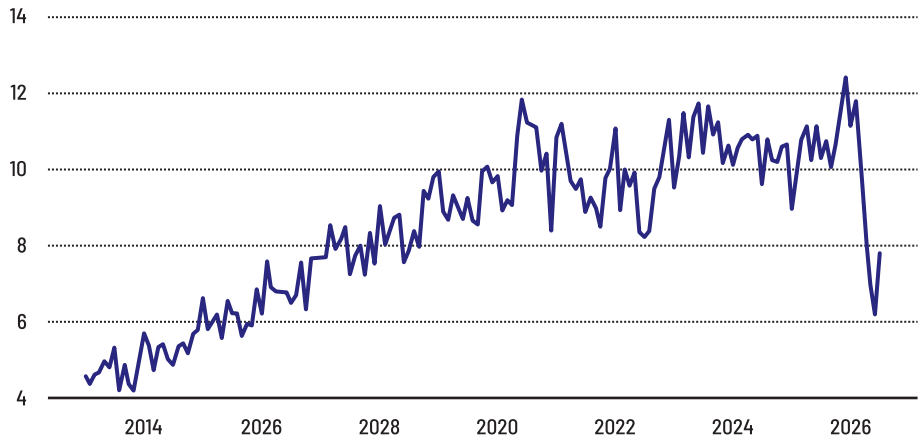
Trong tháng 7, nhu cầu dầu toàn cầu phục hồi chậm và tiếp tục thấp hơn tốc độ cải thiện của nguồn cung. Bên cạnh tác động của tăng trưởng kinh tế còn yếu và chi phí đầu vào ở mức cao, nhu cầu còn chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến địa chính trị tại Trung Đông và xu hướng chuyển dịch năng lượng tại các nền kinh tế tiêu thụ dầu lớn, đặc biệt là Trung Quốc.

Ngay từ đầu tháng, sau khi lưu lượng vận tải qua eo biển Hormuz từng bước được khôi phục sau thỏa thuận sơ bộ giữa Mỹ và Iran (02/7), các quốc gia nhập khẩu lớn tại châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ bắt đầu nối lại nhập khẩu dầu từ Trung Đông. Tuy nhiên, các nước này đồng thời tiếp tục đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm phụ thuộc vào khu vực Vùng Vịnh, trong khi các tập đoàn năng lượng như Exxon Mobil và Shell mở rộng đầu tư ngoài Trung Đông để giảm rủi ro địa chính trị. Việc nguồn cung được cải thiện cũng giúp giá dầu quay về gần mức trước xung đột, qua đó giảm áp lực chi phí năng lượng đối với các nước nhập khẩu, song nhu cầu tiêu thụ chưa phục hồi rõ rệt do thị trường vẫn lo ngại nguy cơ dư cung.

Trong tháng, Trung Quốc tiếp tục là yếu tố chi phối triển vọng nhu cầu dầu toàn cầu. Dù một số nhà máy lọc dầu độc lập tăng mua dầu từ Saudi Arabia, Iraq và UAE nhờ giá giao ngay giảm và mức chiết khấu hấp dẫn, lực mua này chưa đủ bù đắp sự suy yếu của nhu cầu chung. Nhiều lô dầu trên thị trường vật chất phải giảm giá hoặc kéo dài thời gian tìm người mua, trong bối cảnh khả năng hấp thụ nguồn cung còn hạn chế. Theo các nguồn theo dõi thị trường, lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc vẫn thấp hơn khoảng 5 triệu thùng/ngày so với giai đoạn trước xung đột, làm giảm đáng kể động lực tiêu thụ dầu toàn cầu.

NHẬP KHẨU DẦU THÔ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2013-7/2026

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: Kpler; Bloomberg

Ngày 14/7, cơ quan hải quan Trung Quốc công bố số liệu tháng 6/2026, nhập khẩu dầu thô đạt 29,27 triệu tấn, tương đương khoảng 7,1 triệu thùng/ngày, giảm mạnh so với cùng kỳ và thấp hơn tháng 5. Trong tháng 5, nhập khẩu ở mức khoảng 7,82 triệu thùng/ngày. Việc nhập khẩu suy giảm đã làm gia tăng lo ngại của thị trường về triển vọng nhu cầu dầu của Trung Quốc.

Mặc dù nhu cầu dầu thô suy yếu, nhu cầu đối với các sản phẩm nhiên liệu vẫn duy trì ở mức cao tại một số khu vực. Nhu cầu diesel tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động vận tải đường bộ, vận tải biển, xây dựng, khai khoáng và nông nghiệp. Theo EIA, tiêu thụ nhiên liệu chưng cất tại Mỹ tăng khoảng 1,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 4,3 triệu thùng/ngày. Trong khi đó, tại các quốc gia Trung Á như Kyrgyzstan và Tajikistan, giá nhiên liệu tăng làm gia tăng chi phí vận tải và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân, buộc các chính phủ tăng cường các biện pháp ổn định nguồn cung nhiên liệu trong nước. Sau khi Nga hạn chế xuất khẩu diesel, nhiều thị trường nhập khẩu truyền thống của nước này cũng bắt đầu tìm kiếm nguồn cung thay thế.

Tại khu vực Vùng Vịnh, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng theo mùa hè, đặc biệt phục vụ phát điện, góp phần thúc đẩy Saudi Arabia và các nước sản xuất lớn nâng sản lượng khai thác. Theo Bloomberg, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng theo mùa là một trong những yếu tố hỗ trợ quyết định tiếp tục nâng sản lượng của OPEC+ trong bối cảnh hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz dần cải thiện.

Trong nửa cuối tháng, khi căng thẳng Mỹ - Iran và các cuộc tấn công nhằm vào tàu thương mại tại Hormuz và Biển Đỏ gia tăng, nhu cầu mang tính phòng ngừa bắt đầu tăng trở lại. Nhiều quốc gia nhập khẩu và doanh nghiệp năng lượng đẩy mạnh bổ sung dự trữ dầu chiến lược nhằm ứng phó với nguy cơ gián đoạn nguồn cung. Theo EIA, khoảng 89% lượng dầu vận chuyển qua eo biển Hormuz được xuất sang châu Á, trong đó Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm khoảng 74%, khiến các quốc gia này tiếp tục mở rộng nguồn cung thay thế và đa dạng hóa tuyến nhập khẩu nhằm giảm phụ thuộc vào Hormuz.

- ***Diễn biến giá:***

Bước sang tháng 7, giá dầu thế giới giảm mạnh so với mức đỉnh ghi nhận trong giai đoạn xung đột Mỹ - Iran cuối tháng 6. Ngày 2/7, sau khi Mỹ và Iran đạt thỏa thuận sơ bộ và hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz từng bước được khôi phục, lo ngại về gián đoạn nguồn cung giảm đáng kể. Cùng với việc các nước vùng Vịnh nhanh chóng nối lại xuất khẩu, giá Brent và WTI giảm về vùng trước xung đột, trong bối cảnh thị trường kỳ vọng cung cầu sớm trở lại trạng thái cân bằng.

Trong tuần đầu tháng 7, giá dầu tiếp tục chịu áp lực giảm khi OPEC+ phát tín hiệu duy trì lộ trình tăng sản lượng trong tháng 8, trong khi Saudi Arabia hạ mạnh giá bán chính thức (OSP) dầu Arab Light cho khách hàng châu Á ở mức giảm lớn nhất trong hơn hai thập kỷ nhằm bảo vệ thị phần. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu dầu của Trung Quốc vẫn ở mức thấp, nhiều lô dầu giao ngay phải giảm giá để tìm đầu ra, làm gia tăng lo ngại nguồn cung phục hồi nhanh hơn nhu cầu tiêu thụ.

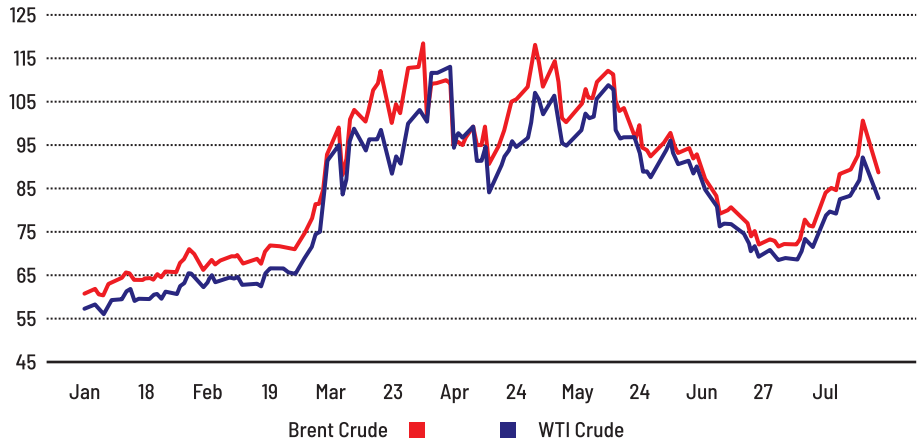
Đến giữa tháng 7 (13-15/7), xu hướng giảm giá được củng cố sau khi OPEC ngày 13/7 hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2026 lần thứ ba liên tiếp, còn khoảng 780.000 thùng/ngày, trong khi IEA và EIA đều cho rằng nguồn cung sẽ tăng nhanh hơn nhu cầu trong nửa cuối năm. Các tổ chức tài chính như Morgan Stanley, Citigroup và Rystad Energy đồng loạt nhận định thị trường có nguy cơ chuyển sang dư cung nếu OPEC+ tiếp tục nâng sản lượng và nhu cầu từ Trung Quốc không phục hồi. Những dự báo này khiến giá dầu tiếp tục suy yếu.

Tuy nhiên, từ ngày 21/7, diễn biến thị trường đảo chiều khi rủi ro địa chính trị quay trở lại. Lực lượng Houthi tại Yemen tuyên bố phong tỏa hàng hải đối với Saudi Arabia trên Biển Đỏ, làm dấy lên lo ngại hoạt động vận chuyển qua Bab el-Mandeb - tuyến hàng hải kết nối với kênh đào Suez - có thể bị gián đoạn. Cùng thời điểm, lưu lượng tàu qua eo biển Hormuz phục hồi chậm hơn kỳ vọng, khiến thị trường điều chỉnh lại đánh giá về rủi ro nguồn cung. Giá dầu vì vậy phục hồi trong ngắn hạn sau chuỗi giảm đầu tháng.

Trong tuần cuối tháng 7, giá dầu dao động trong biên độ hẹp khi thị trường đồng thời chịu tác động từ hai yếu tố trái chiều. Một mặt, Reuters đưa tin OPEC+ có khả năng tạm dừng kế hoạch tăng sản lượng từ tháng 10 để hỗ trợ giá dầu trong bối cảnh xây dựng cơ chế hạn ngạch mới cho năm 2027. Mặt khác, triển vọng nhu cầu vẫn kém tích cực khi Trung Quốc tiếp tục giảm nhập khẩu dầu, tỷ lệ sử dụng xe năng lượng mới (NEV) gia tăng và hoạt động của các nhà máy lọc dầu độc lập chưa phục hồi mạnh. Điều này khiến giá dầu không thể lấy lại mức tăng mạnh như giai đoạn xung đột cuối tháng 6.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ THẾ GIỚI TỪ ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: MXV

1.1.2. Thị trường trong nước

- ***Cung dầu mỏ:***

Trong tháng 7/2026, nguồn cung xăng dầu trong nước tiếp tục được duy trì ổn định nhờ sự phối hợp giữa nguồn sản xuất trong nước và nhập khẩu, cùng với các biện pháp điều hành chủ động của Chính phủ và Bộ Công Thương nhằm bảo đảm an ninh năng lượng.

Ngay từ đầu tháng, Bộ Công Thương yêu cầu các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối thực hiện đầy đủ tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2026 và kế hoạch nguồn theo quý đã đăng ký; chủ động tạo nguồn từ cả sản xuất trong nước và nhập khẩu, duy trì mức dự trữ theo quy định, bảo đảm cung ứng đầy đủ cho toàn

bộ hệ thống phân phối, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, đồng thời nghiêm cấm tình trạng găm hàng và không để xảy ra gián đoạn nguồn cung. Song song với đó, các địa phương được yêu cầu tăng cường kiểm tra hoạt động kinh doanh xăng dầu, giám sát cung - cầu, tồn kho và giá bán; các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối và cửa hàng bán lẻ phải duy trì nguồn hàng, bán đúng thời gian và giá niêm yết.

Từ 01/7 đến 30/9/2026, cơ quan Hải quan tiếp tục áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu và nhiên liệu bay theo Nghị quyết 34/2026/NQ-CP, góp phần giảm chi phí nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp tạo nguồn và ổn định nguồn cung trong nước.

Sau hơn một tháng triển khai xăng sinh học E10 trên phạm vi toàn quốc, thị trường vận hành ổn định, không ghi nhận tình trạng đứt gãy nguồn cung. Đến cuối tháng 6, Petrolimex, PVOIL cùng 24 thương nhân đầu mối đã triển khai cung ứng E10 trên toàn quốc; toàn bộ hệ thống bán lẻ đều kinh doanh loại nhiên liệu này. Hiện cả nước có 3 nhà máy sản xuất ethanol đang hoạt động và 8 thương nhân đầu mối được cấp phép pha chế, phối trộn xăng E10. Trong tháng 7, nguồn cung E100 dự kiến đạt khoảng 103.700 m^3, gồm 81.500 m^3 nhập khẩu và 22.200 m^3 sản xuất trong nước, đáp ứng khoảng 104-113% nhu cầu phối trộn. Các doanh nghiệp đầu mối tiếp tục duy trì nguồn cung, trong đó Petrolimex dự kiến cung cấp khoảng 55.000 m^3 và PVOIL khoảng 18.200 m^3.

Tuy nhiên, việc triển khai E10 trên toàn quốc cũng làm nhu cầu ethanol tăng mạnh lên khoảng 90.000-100.000 m^3/tháng, trong khi sản xuất trong nước mới đáp ứng khoảng 20% nhu cầu, khiến phần lớn nguyên liệu vẫn phải nhập khẩu. Để bảo đảm nguồn cung, Chính phủ tiếp tục duy trì cơ chế kết hợp giữa nguồn ethanol trong nước và nhập khẩu, đồng thời áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu ethanol và thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm khuyến khích đầu tư, mở rộng sản xuất. Một số nhà máy ethanol đã được khôi phục hoặc chuẩn bị tái vận hành để nâng công suất trong thời gian tới.

Ngày 08/7, Bộ Công Thương cho biết dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu đã hoàn thành 4 vòng lấy ý kiến thành viên Chính phủ và đang tiếp tục được hoàn thiện để trình Chính phủ trong tháng 7. Dự thảo hướng tới kiện toàn hệ thống phân phối theo hướng giảm bớt các khâu trung gian, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong hoạt động cung ứng và lưu thông xăng dầu.

Ngày 09/7, BSR ký kết hợp đồng EPC và PMC cho Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Dự án dự kiến nâng công suất chế biến từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày khi hoàn thành vào năm 2028, qua đó tăng năng lực tự chủ nguồn cung nhiên liệu trong nước và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu trong dài hạn.

Mặc dù nguồn cung trong nước cơ bản được bảo đảm, hệ thống phân phối vẫn đối mặt với một số khó khăn khi mức chiết khấu bán lẻ tại nhiều thời điểm chỉ dao động 0-100 đồng/lít, thậm chí bằng 0 đồng, làm giảm hiệu quả kinh doanh của nhiều cửa hàng bán lẻ. Bộ Công Thương tiếp tục điều hành giá và sử dụng Quỹ Bình ổn đối với dầu diesel và dầu mazut nhằm hỗ trợ thị trường và duy trì nguồn cung ổn định.

Về cơ cấu nguồn cung, Việt Nam vẫn duy trì mô hình kết hợp giữa sản xuất trong nước và nhập khẩu. Tuy nhiên, nguồn dầu thô phục vụ lọc hóa dầu vẫn phụ thuộc đáng kể vào khu vực Trung Đông, đặc biệt là Kuwait. Trong đó, Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn chịu rủi ro lớn hơn do dầu thô nhập khẩu phải vận chuyển qua eo biển Hormuz, trong khi Dung Quất chủ động hơn nhờ tăng cường sử dụng ethanol E100 để phối trộn xăng E10.

Theo số liệu hải quan, nhu cầu nhập khẩu năng lượng của Việt Nam tiếp tục ở mức cao. Tính từ đầu năm đến 15/7/2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm nhiên liệu gồm than đá, dầu thô, xăng dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu mỏ đạt hơn 19,5 tỷ USD, tăng gần 5,5 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Riêng xăng dầu đạt 5,84 triệu tấn, trị giá 6,131 tỷ USD, tăng 2,365 tỷ USD. Trong cơ cấu nhập khẩu, dầu diesel chiếm tỷ trọng lớn nhất với 3,2 triệu tấn, trị giá 3,435 tỷ USD, tiếp đến là xăng các loại với 1,25 triệu tấn, trị giá 1,246 tỷ USD. Mặc dù sở hữu hai nhà máy lọc dầu lớn, nguồn cung trong nước vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ, khiến Việt Nam tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu để bảo đảm cân đối thị trường.

- ***Cầu dầu mỏ:***

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước duy trì ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Thị trường không ghi nhận biến động lớn về sức mua; hoạt động kinh doanh xăng dầu chủ yếu chịu tác động từ diễn biến giá dầu thế giới và cơ chế điều hành thị trường hơn là sự thay đổi về nhu cầu tiêu dùng.

Từ 01/7 đến 30/9/2026, việc tiếp tục áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu và nhiên liệu bay theo Nghị quyết 34/2026/NQ-CP góp phần giảm chi phí nhập khẩu, hỗ trợ ổn định giá bán lẻ, qua đó duy trì nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Sau hơn một tháng triển khai xăng sinh học E10 trên phạm vi toàn quốc, nhu cầu sử dụng nhiên liệu sinh học tiếp tục được duy trì ổn định. Người tiêu dùng từng bước thích nghi với việc sử dụng E10, mặc dù một bộ phận vẫn có nhu cầu tìm mua xăng E5 tại một số khu vực. Việc mở rộng sử dụng E10 đã kéo nhu cầu ethanol tăng mạnh, trở thành động lực chính của thị trường nhiên liệu sinh học trong nước.

Ngày 08/7, Bộ Công Thương cho biết dự thảo Nghị định về kinh doanh xăng dầu đang được hoàn thiện để trình Chính phủ trong tháng 7. Dự thảo hướng tới cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí phân phối, nâng cao hiệu quả vận hành thị trường và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Bên cạnh việc bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hiện tại, Chính phủ tiếp tục khuyến khích sử dụng xăng sinh học E10, thúc đẩy phát triển phương tiện sử dụng điện và thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào xăng khoáng, phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải.

- ***Diễn biến giá:***

Tháng 7, giá xăng dầu trong nước trải qua 5 kỳ điều hành, với diễn biến chia thành hai giai đoạn rõ rệt. Trong hai kỳ điều hành đầu tháng (02/7 và 09/7), giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh giảm theo xu hướng hạ nhiệt của thị trường dầu mỏ thế giới khi nguồn cung từ Trung Đông từng bước được khôi phục, hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz dần ổn định và giá dầu Brent giảm về vùng trước xung đột. Tuy nhiên, từ giữa tháng, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông gia tăng trở lại cùng những lo ngại về rủi ro nguồn cung đã khiến giá dầu thế giới đảo chiều tăng, kéo theo ba kỳ điều hành tăng giá liên tiếp (16/7, 23/7 và 30/7) tại thị trường trong nước.

Song song với công tác điều hành giá, Chính phủ tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm hạn chế tác động của biến động giá năng lượng thế giới đến thị trường trong nước. Việc kéo dài áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi, thuế bảo vệ môi trường và thuế giá trị gia tăng góp phần giảm chi phí nhập khẩu, hỗ trợ ổn định giá bán lẻ. Ngày 08/7, Bộ Công Thương cho biết giá xăng dầu trong nước đã hạ nhiệt sau giai đoạn tăng mạnh do ảnh hưởng từ xung đột Trung Đông và trở lại mặt bằng trước ngày 26/02/2026 nhờ nguồn cung dần ổn định cùng các chính sách về thuế, phí. Tiếp đó, ngày 09/7, Cục Thuế triển khai Nghị quyết số 34/2026/NQ-CP, kéo dài chính sách ưu đãi thuế đối với xăng dầu và nhiên liệu bay từ 01/7 đến hết 30/9/2026, tiếp tục hỗ trợ ổn định thị trường và giảm chi phí đầu vào.

Trong giai đoạn giảm giá đầu tháng, kỳ điều hành ngày 02/7 ghi nhận mức giảm đồng loạt đối với tất cả các mặt hàng xăng, dầu, góp phần giảm áp lực chi phí nhiên liệu cho người dân và doanh nghiệp. Đến kỳ điều hành ngày 09/7, giá xăng tiếp tục giảm thêm một lần nữa; xăng E5 RON92 giảm xuống không cao hơn 19.191 đồng/lít, trong khi xăng E10RON95-III giảm còn khoảng 20.003 đồng/lít, thiết lập mức giá thấp nhất trong toàn bộ tháng 7. Tuy nhiên, thị trường bắt đầu xuất hiện sự phân hóa khi dầu diesel đi ngược xu hướng và tăng nhẹ trong kỳ điều hành này.

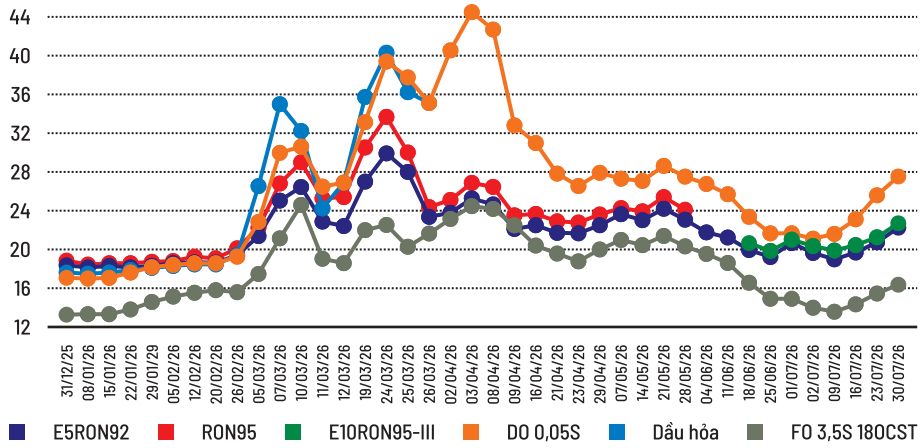
Sau khi chạm đáy vào đầu tháng, thị trường bước sang giai đoạn tăng giá kéo dài trong nửa cuối tháng. Tại kỳ điều hành ngày 16/7, giá xăng dầu chính thức đảo chiều tăng; xăng E5 RON92 tăng 635 đồng/lít lên 19.826 đồng/lít, xăng E10RON95-III tăng 547 đồng/lít lên 20.550 đồng/lít, trong khi dầu diesel tăng mạnh tới 1.584 đồng/lít. Đến kỳ điều hành ngày 23/7, đà tăng tiếp tục được duy trì khi xăng E5 RON92 tăng thêm 1.062 đồng/lít lên 20.888 đồng/lít, còn xăng E10RON95-III tăng 885 đồng/lít lên 21.435 đồng/lít.

Xu hướng tăng được nối dài tại kỳ điều hành ngày 30/7, khép lại tháng bằng mức giá cao nhất. Xăng E5 RON92 tăng thêm 1.500 đồng/lít, xăng E10RON95-III tăng 1.424 đồng/lít, đưa cả hai mặt hàng vượt ngưỡng 22.000 đồng/lít. Đáng chú ý, dầu diesel tiếp tục ghi nhận mức tăng rất mạnh, thêm 1.856 đồng/lít, qua đó thiết lập mức giá cao nhất trong tháng và trở thành mặt hàng chịu tác động lớn nhất từ biến động của giá năng lượng thế giới.

Đối với thị trường nhiên liệu sinh học, chưa ghi nhận biến động đáng kể về giá ethanol trong tháng 7. Tuy nhiên, việc triển khai xăng E10 trên toàn quốc đã làm nhu cầu ethanol tăng nhanh trong khi nguồn cung trong nước vẫn còn hạn chế, khiến thị trường tiếp tục phụ thuộc đáng kể vào nguồn nhập khẩu.

BIẾN ĐỘNG GIÁ BÁN XĂNG DẦU TRONG NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị tính: Nghìn đồng/lít (31/12/2025 đến 30/7/2026)



Nguồn: Liên Bộ Công Thương - Tài chính

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- ***Cung dầu mỏ:***

Trong tháng 7, triển vọng nguồn cung dầu toàn cầu liên tục được điều chỉnh theo diễn biến địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt là tình hình tại eo biển Hormuz. Nếu đầu tháng, phần lớn các tổ chức nhận định thị trường sẽ sớm quay trở lại trạng thái dư cung nhờ nguồn cung phục hồi, thì đến cuối tháng, các dự báo trở nên thận trọng hơn khi rủi ro gián đoạn vận tải và xuất khẩu dầu tái gia tăng.

Đầu tháng 7, sau khi lưu lượng tàu qua eo biển Hormuz có dấu hiệu cải thiện, nhiều tổ chức đánh giá nguồn cung toàn cầu sẽ phục hồi nhanh trong nửa cuối năm. IEA dự báo lượng dầu đưa vào các nhà máy lọc dầu toàn cầu sẽ giảm trung bình 2,4 triệu thùng/ngày trong năm 2026, trước khi tăng trở lại 3,1 triệu thùng/ngày vào năm 2027 khi hoạt động lọc dầu tại Nga và Trung Đông được khôi phục. EIA cũng dự báo nguồn cung dầu toàn cầu sẽ trở lại mức trước xung đột Trung Đông vào cuối năm 2026 và phần lớn sản lượng bị gián đoạn sẽ được khôi phục trước cuối quý I/2027.

Trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu từ Trung Đông dần phục hồi và OPEC+ tiếp tục nới lỏng cắt giảm sản lượng, nhiều tổ chức cho rằng thị trường sẽ chuyển sang trạng thái dư cung. Morgan Stanley nhận định việc nguồn cung từ Trung Đông phục hồi cùng với sản lượng cao của Mỹ sẽ khiến thị trường nhanh chóng dư cung trong những tháng tới. Rystad Energy và EIA cũng cho rằng nguồn cung sẽ tăng nhanh hơn nhu cầu trong nửa cuối năm, trong khi Morgan Stanley dự báo thị trường có thể dư cung khoảng 1-1,5 triệu thùng/ngày nếu OPEC+ tiếp tục tăng sản lượng. Xa hơn, Morgan Stanley và Goldman Sachs đều dự báo thị trường có thể dư cung khoảng 2 triệu thùng/ngày trong năm 2027 nhờ nguồn cung mới ngoài Trung Đông và quá trình phục hồi sản lượng của OPEC+.

Cùng với triển vọng dư cung, Reuters dẫn nguồn tin cho biết OPEC+ nhiều khả năng tiếp tục nâng sản lượng thêm 188.000 thùng/ngày từ tháng 8, qua đó hoàn tất việc khôi phục phần cắt giảm tự nguyện vào cuối quý III/2026. Song song với đó, liên minh cũng bắt đầu đánh giá lại năng lực sản xuất của các nước thành viên để xây dựng cơ chế hạn ngạch mới áp dụng từ năm 2027.

Tuy nhiên, từ giữa tháng 7, khi căng thẳng tại Trung Đông gia tăng trở lại, các dự báo bắt đầu thay đổi theo hướng thận trọng hơn. Goldman Sachs điều chỉnh quan điểm khi cho rằng việc gián đoạn tại eo biển Hormuz có thể kéo dài và làm chậm quá trình phục hồi nguồn cung dầu Trung Đông. IMF ước tính ngay cả khi Hormuz được mở cửa hoàn toàn, thị trường cũng cần khoảng 2-3 tháng để khôi phục phần lớn dòng chảy dầu mỏ, đồng thời cảnh báo việc các mỏ dầu ngừng khai thác kéo dài có thể dẫn đến mất sản lượng vĩnh viễn. Natixis nhận định nguồn cung khó có thể phục hồi hoàn toàn nếu chưa có tiến triển rõ ràng trong đàm phán Mỹ - Iran, trong khi Dan Marks (RUSI) cho rằng rủi ro gián đoạn tại Hormuz sẽ còn kéo dài nếu căng thẳng khu vực chưa được giải quyết.

Sau khi lực lượng Houthi tuyên bố phong tỏa hàng hải đối với Arab Saudi trên Biển Đỏ vào ngày 21/7, triển vọng nguồn cung tiếp tục xấu đi. Goldman Sachs cho rằng lưu lượng tàu qua Hormuz thấp hơn kỳ vọng cùng với rủi ro gia tăng tại tuyến vận tải Biển Đỏ khiến khả năng phục hồi nguồn cung dầu Trung Đông chậm hơn dự báo trước đó. Trong khi đó, Capital Economics cảnh báo nếu Hormuz tiếp tục bị gián đoạn, các biện pháp ứng phó như sử dụng dầu dự trữ và chuyển hướng vận tải sẽ dần mất hiệu quả, làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt nguồn cung toàn cầu.

Đối với thị trường sản phẩm dầu mỏ, các tổ chức tiếp tục cảnh báo rủi ro nguồn cung nhiên liệu vẫn hiện hữu. IEA cho rằng tình trạng thiếu hụt nhiên liệu sẽ nghiêm trọng hơn nếu hoạt động vận tải qua Hormuz không được khôi phục hoàn toàn. Các chuyên gia cũng nhận định lệnh hạn chế xuất khẩu diesel của Nga cùng với việc nhiều nhà máy lọc dầu Nga tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các cuộc tấn công UAV sẽ khiến nguồn cung diesel toàn cầu duy trì trạng thái thắt chặt trong ngắn hạn.

Đến cuối tháng, dù Reuters cho biết OPEC+ nhiều khả năng sẽ hoàn tất lộ trình tăng sản lượng trong tháng 9, các nguồn tin cũng cho biết liên minh đang xem xét tạm dừng tăng sản lượng trong ba tháng từ tháng 10, duy trì khoảng 2 triệu thùng/ngày cắt giảm cho đến khi hoàn tất cơ chế hạn ngạch mới dự kiến áp dụng từ năm 2027. OPEC+ đang chuyển trọng tâm từ ưu tiên khôi phục nguồn cung sang theo dõi sát rủi ro địa chính trị và cân bằng thị trường, trong khi triển vọng nguồn cung toàn cầu vẫn phụ thuộc lớn vào khả năng khôi phục hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz và ổn định tình hình tại Trung Đông.

- ***Cầu dầu mỏ:***

Đầu tháng 7, triển vọng nhu cầu dầu được đánh giá tích cực hơn khi giá dầu hạ nhiệt sau khi lưu lượng vận chuyển qua eo biển Hormuz từng bước được khôi phục. Goldman Sachs cho rằng giá dầu thấp hơn sẽ khuyến khích các quốc gia bổ sung kho dự trữ dầu chiến lược (SPR), qua đó tạo thêm lực cầu và hấp thụ một phần nguồn cung bổ sung từ OPEC+. Đồng thời, nếu giá dầu Trung Đông tiếp tục duy trì ở mức cạnh tranh, các nhà máy lọc dầu Trung Quốc có thể gia tăng nhập khẩu trở lại, hỗ trợ nhu cầu tiêu thụ của khu vực.

Tuy nhiên, trong quá trình theo dõi diễn biến thị trường, các tổ chức phân tích ngày càng thận trọng hơn khi lực cầu thực tế phục hồi chậm hơn kỳ vọng. Morgan Stanley nhận định nhu cầu nhập khẩu dầu của Trung Quốc tiếp tục suy yếu sẽ là yếu tố chính duy trì trạng thái dư cung trên thị trường. Citigroup cũng cho rằng nếu nhu cầu từ Trung Quốc không phục hồi rõ rệt, thị trường dầu sẽ đối mặt với tình trạng dư cung ngày càng rõ nét hơn, trong khi tác động hỗ trợ từ hoạt động bổ sung kho dự trữ chỉ mang tính tạm thời.

Đến giữa tháng, ngày 13/7, OPEC tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2026, lần thứ ba liên tiếp. Trong Báo cáo Thị trường Dầu mỏ hàng tháng, tổ chức này đưa mức tăng trưởng nhu cầu năm 2026 xuống 780.000 thùng/ngày, thấp hơn 190.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó. Việc điều chỉnh dự báo diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại và những bất ổn từ xung đột Trung Đông. Dù vậy, OPEC vẫn giữ quan điểm lạc quan hơn nhiều tổ chức khác khi nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu năm 2027 lên 1,94 triệu thùng/ngày, cao hơn 210.000 thùng/ngày so với ước tính trước.

Sau đó, IEA cũng duy trì quan điểm rằng nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tiếp tục tăng nhưng với tốc độ không đủ để hấp thụ lượng nguồn cung đang phục hồi. Trong các cập nhật cuối tháng, IEA điều chỉnh dự báo, thu hẹp mức giảm nhu cầu dầu năm 2026 từ 1,1 triệu thùng/ngày xuống khoảng 1 triệu thùng/ngày, đồng nghĩa triển vọng tiêu thụ đã tích cực hơn so với báo cáo tháng 6. Đồng thời, IEA dự báo nhu cầu có thể tăng khoảng 2 triệu thùng/ngày trong năm 2027, song vẫn thấp hơn tốc độ tăng nguồn cung, khiến thị trường tiếp tục có nguy cơ dư cung trong các năm tới.

Song song với đó, nhiều tổ chức cho rằng nhu cầu bổ sung kho dự trữ chiến lược sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ quan trọng trong trung hạn. Goldman Sachs, IMF và một số tổ chức quốc tế nhận định sau giai đoạn xả kho để ứng phó khủng hoảng nguồn cung, nhiều quốc gia sẽ tiếp tục mua vào để tái lập mức dự trữ đến khoảng năm 2028. Nếu căng thẳng địa chính trị, đặc biệt tại eo biển Hormuz, chưa được giải quyết hoàn toàn, nhu cầu dự trữ dầu sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao và góp phần hấp thụ một phần nguồn cung dư thừa.

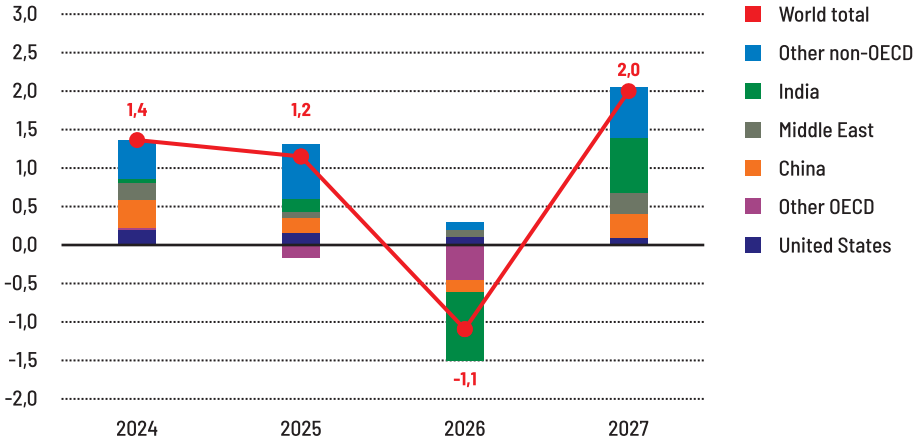
Ở góc độ cơ cấu tiêu thụ, các tổ chức nghiên cứu thống nhất rằng nhu cầu dầu trong dài hạn sẽ chịu áp lực từ quá trình chuyển dịch năng lượng. Morgan Stanley và Goldman Sachs nhận định xu hướng phổ cập xe điện, đặc biệt tại Trung Quốc, sẽ tiếp tục làm suy giảm nhu cầu xăng và góp phần duy trì trạng thái dư cung từ năm 2027. Adi Imsirovic dự báo nhu cầu dầu trong vận tải đường bộ sẽ giảm dần khi xe điện phát triển, trong khi dầu mỏ sẽ tập trung nhiều hơn vào lĩnh vực hàng không và hóa dầu. Simon Stiell (Liên Hợp Quốc) và Mohamed Elheddad (Đại học Lancashire) cũng cho rằng các rủi ro địa chính trị hiện nay sẽ thúc đẩy đầu tư vào năng lượng tái tạo, làm giảm tốc độ tăng nhu cầu dầu trong trung và dài hạn.

Mặc dù vậy, trong ngắn hạn, nhu cầu đối với nhiên liệu trung gian, đặc biệt là diesel, vẫn được dự báo duy trì ổn định nhờ vai trò thiết yếu trong vận tải, logistics, công nghiệp, khai khoáng và nông nghiệp. Bên cạnh đó, nhu cầu nhập khẩu diesel tại một số khu vực được kỳ vọng tăng khi các quốc gia tiếp tục điều chỉnh chuỗi cung ứng sau khi nguồn hàng từ Nga bị hạn chế. Ngoài ra, Vortexa cho rằng nếu chênh lệch giá WTI-Brent mở rộng trở lại, nhu cầu đối với dầu thô Mỹ từ các khách hàng châu Á có thể cải thiện, góp phần đa dạng hóa nguồn cung của khu vực.

Về dài hạn, các tổ chức đều cho rằng châu Á vẫn sẽ là trung tâm tăng trưởng nhu cầu dầu của thế giới. Tuy nhiên, các quốc gia trong khu vực sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm phụ thuộc vào Trung Đông, trong khi Capital Economics lưu ý rằng việc Trung Quốc sử dụng dầu từ kho dự trữ chỉ là giải pháp tạm thời và không thể duy trì lâu dài. Nếu nhu cầu tiêu dùng toàn cầu tiếp tục chịu tác động bởi chi phí năng lượng cao và tăng trưởng kinh tế chậm, triển vọng cầu dầu sẽ còn chịu nhiều áp lực trong các quý tiếp theo.

BIẾN ĐỘNG/THAY ĐỔI HÀNG NĂM VỀ MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU LỎNG TOÀN CẦU

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: EIA, Short-Term Energy Outlook (STEO), tháng 07/2026

- ***Diễn biến giá:***

Đầu tháng 7, sau khi Mỹ và Iran đạt được thỏa thuận sơ bộ và hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz từng bước được nối lại, phần lớn các tổ chức tài chính quốc tế đồng loạt điều chỉnh giảm dự báo giá dầu. Morgan Stanley hạ dự báo giá Brent quý III và quý IV/2026 xuống 75 USD/thùng, đồng thời dự báo giá Brent cuối năm 2027 ở mức 70 USD/thùng. Goldman Sachs cũng giảm dự báo giá Brent quý IV/2026 từ 90 USD xuống 80 USD/thùng, đồng thời hạ dự báo giá Brent trung bình năm 2027 từ 80 USD xuống 75 USD/thùng. OCBC điều chỉnh giảm dự báo Brent xuống 75 USD/thùng trong nửa cuối năm 2026 và tiếp tục hạ xuống 73 USD/thùng trong quý I/2027 và 71 USD/thùng trong quý II/2027. Reuters nhận định việc OPEC+ tiếp tục nâng sản lượng sẽ bổ sung thêm nguồn cung, duy trì áp lực giảm giá trong thời gian tới.

Trong giai đoạn này, Citigroup dự báo giá Brent có thể giảm về 60 USD/thùng vào cuối năm 2026 nếu nguồn cung Trung Đông phục hồi hoàn toàn, lưu thông qua Hormuz bình thường trở lại trong khi nhu cầu của Trung Quốc tiếp tục yếu. Morgan Stanley, Goldman Sachs và Citigroup đều cho rằng thị trường dầu mỏ sẽ dần quay lại trạng thái dư cung khi nguồn cung phục hồi nhanh hơn nhu cầu, khiến giá dầu chịu áp lực giảm và diễn biến thị trường chuyển từ phụ thuộc vào rủi ro địa chính trị sang tập trung nhiều hơn vào cán cân cung - cầu.

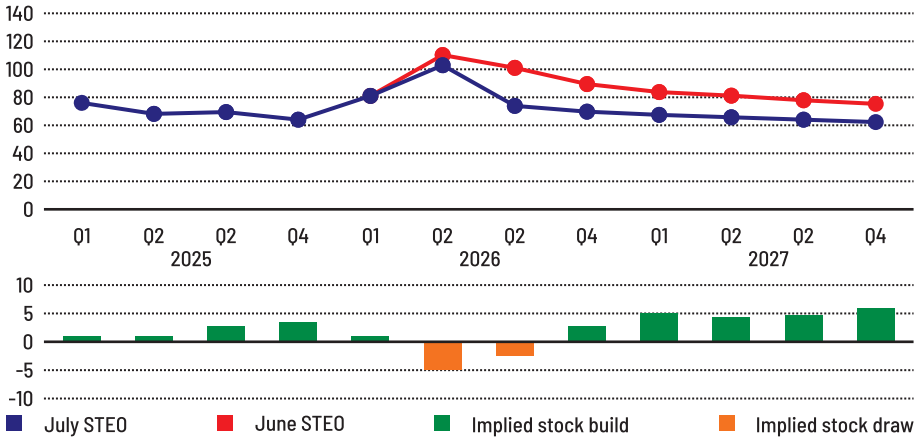
Giữa tháng 7, khi OPEC+ tiếp tục duy trì kế hoạch tăng sản lượng, Rystad Energy, Goldman Sachs và Morgan Stanley tiếp tục giữ quan điểm giá dầu khó bước vào chu kỳ tăng mạnh. Goldman Sachs nhận định sản lượng OPEC+ gia tăng cùng nhu cầu tiêu thụ suy yếu sẽ làm phần bù rủi ro địa chính trị dần thu hẹp. Rystad Energy cũng dự báo thị trường dầu toàn cầu sẽ chuyển sang dư cung trong năm tới, tạo áp lực giảm giá trong trung hạn. Theo EIA, giá Brent có thể giảm xuống trung bình khoảng 65 USD/thùng trong năm 2027 khi nguồn cung toàn cầu phục hồi. Fed cũng giữ quan điểm giá năng lượng sẽ dần hạ nhiệt trong 6-12 tháng tới nếu tình hình Trung Đông không xấu đi.

Tuy nhiên, từ ngày 21/7, triển vọng giá dầu bắt đầu thay đổi khi lực lượng Houthi tuyên bố phong tỏa hàng hải đối với Ả Rập Xê Út trên Biển Đỏ, làm gia tăng lo ngại gián đoạn vận tải qua tuyến Bab el-Mandeb. Cùng với việc lưu lượng tàu qua Hormuz phục hồi chậm hơn kỳ vọng, Goldman Sachs điều chỉnh đánh giá, cho rằng quá trình phục hồi nguồn cung Trung Đông có thể kéo dài và giá dầu sẽ biến động mạnh hơn theo diễn biến địa chính trị thay vì chỉ chịu tác động từ cung - cầu. Natixis cũng nhận định giá dầu khó giảm sâu nếu chưa có tiến triển ngoại giao rõ ràng giữa Mỹ và Iran.

Cuối tháng 7, các tổ chức nghiên cứu đều thống nhất rằng triển vọng giá dầu phụ thuộc chủ yếu vào khả năng duy trì lưu thông qua eo biển Hormuz và diễn biến căng thẳng tại Trung Đông. Goldman Sachs nhận định nếu Hormuz tiếp tục hoạt động bình thường, giá dầu sẽ chịu áp lực giảm do nguồn cung phục hồi; ngược lại, nếu hoạt động vận tải bị gián đoạn trở lại, giá Brent có thể tăng lên khoảng 120 USD/thùng. Capital Economics đưa ra kịch bản xấu hơn khi cho rằng nếu Hormuz tiếp tục bị phong tỏa, giá Brent có thể tăng lên 120-150 USD/thùng, kéo theo giá khí tự nhiên châu Âu tăng mạnh, gây áp lực lên lạm phát và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT GIAO NGAY
VÀ BIẾN ĐỘNG TỒN KHO DẦU TOÀN CẦU GIAI ĐOẠN 2025-2027

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: EIA, Short-Term Energy Outlook (STEO), tháng 07/2026

Trong cùng giai đoạn, nhiều chuyên gia năng lượng tiếp tục cảnh báo rủi ro tăng giá nếu xuất hiện gián đoạn nguồn cung thực tế. Ông Saul Kavonic (MST Marquee) cho rằng việc hạn chế vận tải qua Hormuz có thể nhanh chóng đẩy giá dầu tăng trở lại. Ông Omid Shokri (Đại học George Mason) nhận định giá Brent có thể vượt 80 USD/thùng nếu bạo lực leo thang và các cơ sở sản xuất hoặc xuất khẩu dầu tại vùng Vịnh bị ảnh hưởng. IMF cũng cảnh báo lượng dự trữ dầu chiến lược toàn cầu đã giảm đáng kể sau nhiều đợt xả kho, khiến thị trường dễ xuất hiện các đợt tăng giá mạnh nếu xảy ra thêm cú sốc nguồn cung.

Đến cuối tháng, kịch bản cơ sở của thị trường vẫn nghiêng về xu hướng giá dầu giảm dần khi nguồn cung tiếp tục phục hồi và OPEC+ duy trì lộ trình tăng sản lượng. Tuy nhiên, hầu hết các tổ chức đều thống nhất rằng xu hướng này có thể đảo chiều nhanh nếu đàm phán Mỹ - Iran đổ vỡ, hoạt động vận tải qua Hormuz hoặc Bab el-Mandeb bị gián đoạn, hoặc nguồn cung từ Nga tiếp tục suy giảm. Ba yếu tố này được thị trường đánh giá là những rủi ro lớn nhất có thể đưa giá Brent quay trở lại vùng 100 USD/thùng hoặc cao hơn trong các tháng tiếp theo.

1.2.2. Thị trường trong nước

- ***Cung dầu:***

Trong bối cảnh thị trường năng lượng quốc tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều biến động, Bộ Công Thương yêu cầu các doanh nghiệp đầu mối chủ động dự báo diễn biến thị trường, xây dựng phương án ứng phó và duy trì mức dự trữ phù hợp nhằm bảo đảm nguồn cung xăng dầu ổn định trong những tháng cuối năm 2026. Cơ quan quản lý cũng sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động nhập khẩu, dự trữ và việc thực hiện trách nhiệm bảo đảm nguồn cung của các doanh nghiệp đầu mối, hạn chế nguy cơ gián đoạn cung ứng.

Chính sách hỗ trợ thị trường tiếp tục được duy trì trong quý III/2026 khi Nghị quyết số 34/2026/NQ-CP kéo dài thời gian áp dụng các chính sách ưu đãi thuế đối với xăng dầu và nhiên liệu bay đến hết ngày 30/9/2026. Cùng với đó, dự thảo Nghị định về kinh doanh xăng dầu (phiên bản 12.1) dự kiến được trình Chính phủ trong tháng 7 hướng tới tinh gọn hệ thống phân phối, trao quyền chủ động hơn cho thương nhân phân phối trong quyết định giá bán lẻ, giảm chi phí lưu thông và nâng cao hiệu quả vận hành thị trường, qua đó góp phần củng cố nguồn cung trong nước.

Đối với nhiên liệu sinh học, Bộ Công Thương dự kiến trong tháng 7 sẽ có thêm 6 thương nhân đầu mối tham gia pha chế, phối trộn xăng E10, nâng tổng số lên 14 doanh nghiệp, góp phần mở rộng năng lực cung ứng trên phạm vi toàn quốc. Theo Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, từ tháng 7 đến tháng 8 sẽ có thêm 2 nhà máy ethanol đi vào hoạt động; khi các nhà máy còn lại được khôi phục, nguồn cung ethanol trong nước sẽ tiếp tục được cải thiện. Trong ngắn hạn, nguồn cung xăng sinh học được đánh giá vẫn ổn định nhờ kế hoạch nhập khẩu E100 dự phòng cùng sự tham gia của các doanh nghiệp đầu mối lớn. Về dài hạn, Bộ Công Thương đặt mục tiêu nâng tỷ lệ tự chủ ethanol lên 50-70%, thông qua tái khởi động các nhà máy, đầu tư công suất mới, phát triển vùng nguyên liệu và

khuyến khích các hợp đồng mua bán dài hạn. Song song với đó, Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách thuế, trong đó xem xét điều chỉnh thuế bảo vệ môi trường theo tỷ lệ phối trộn ethanol nhằm tạo môi trường đầu tư ổn định và khuyến khích doanh nghiệp mở rộng chuỗi cung ứng nhiên liệu sinh học.

Năng lực cung ứng xăng dầu trong nước cũng được kỳ vọng cải thiện nhờ các dự án đầu tư và hoạt động thăm dò, khai thác mới. Theo kế hoạch của BSR, dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sẽ được triển khai trong 37 tháng và đưa vào vận hành trong năm 2028, góp phần nâng công suất chế biến dầu thô và giảm phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu nhập khẩu. Bên cạnh đó, PVEP vừa công bố phát hiện dầu khí mới tại Lô 11-2, giúp doanh nghiệp gia tăng khoảng 1,36 triệu tấn quy dầu trữ lượng. Doanh nghiệp cũng cho biết sẽ triển khai thêm 7 giếng khoan ngoài khơi trong những tháng cuối năm 2026 nhằm mở rộng hoạt động thăm dò và khai thác. Theo PVEP, phát hiện mới mở ra khả năng bổ sung khoảng 40 triệu feet khối khí và 2.000 thùng condensate mỗi ngày, góp phần tăng nguồn cung dầu khí trong nước trong các năm tới.

Tuy nhiên, triển vọng nguồn cung vẫn chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài. Bộ Công Thương cảnh báo nếu căng thẳng tại Trung Đông và eo biển Hormuz tiếp tục kéo dài, nguồn dầu thô nhập khẩu của Việt Nam có thể bị gián đoạn, đặc biệt khi nhiều nhà máy lọc dầu vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ khu vực này. Trong kịch bản đó, các doanh nghiệp sẽ phải mở rộng tìm kiếm nguồn cung thay thế với chi phí cao hơn, làm gia tăng áp lực đối với hoạt động nhập khẩu và bảo đảm nguồn cung trong nước. Nhìn chung, nguồn cung xăng dầu Việt Nam trong thời gian tới được kỳ vọng tiếp tục ổn định nhờ sự kết hợp giữa các chính sách điều hành, mở rộng năng lực sản xuất trong nước và đa dạng hóa nguồn nhập khẩu, song vẫn cần theo dõi sát các rủi ro địa chính trị và diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu.

- ***Cầu dầu:***

Bộ Công Thương định hướng tiếp tục bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu xăng dầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong nước trong mọi tình huống, đồng thời duy trì sự ổn định của thị trường thông qua các giải pháp điều hành nguồn cung và hệ thống phân phối. Nếu các chính sách hỗ trợ hiện hành, đặc biệt là chính sách thuế ưu đãi, được duy trì đúng lộ trình, nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu xăng dầu được kỳ vọng giữ ổn định trong thời gian tới, góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trong nhóm nhiên liệu, xăng sinh học E10 được dự báo tiếp tục trở thành động lực tăng trưởng chính của thị trường. Nhu cầu xăng sinh học và ethanol được kỳ vọng tiếp tục gia tăng khi E10 dần thay thế xăng khoáng truyền thống trên phạm vi cả nước, phù hợp với lộ trình giảm phát thải, chuyển dịch năng lượng và mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng tiêu thụ sẽ phụ thuộc đáng kể vào khả năng bảo đảm nguồn cung ethanol, chất lượng phối trộn, hiệu quả hệ thống phân phối cũng như mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với nhiên liệu sinh học. Nếu cơ chế điều hành giá và dự thảo Nghị định kinh doanh xăng dầu mới được triển khai, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bán lẻ được kỳ vọng sẽ gia tăng, qua đó cải thiện chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương nhận định xung đột quân sự tại Trung Đông trong thời gian qua đã làm gia tăng chi phí sản xuất, vận tải và logistics, qua đó tạo áp lực nhất định lên nhu cầu sử dụng nhiên liệu của nền kinh tế. Trong trường hợp giá dầu thế giới tiếp tục duy trì ở mức cao hoặc rủi ro nguồn cung từ Trung Đông kéo dài, xu hướng sử dụng nhiên liệu sinh học, phương tiện tiết kiệm năng lượng và xe điện được dự báo sẽ tiếp tục được thúc đẩy, góp phần làm thay đổi cơ cấu tiêu thụ nhiên liệu trong nước về dài hạn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, nhu cầu xăng dầu phục vụ hoạt động sản xuất, vận tải và tiêu dùng vẫn được đánh giá duy trì ổn định, tiếp tục là nền tảng bảo đảm cho tăng trưởng kinh tế.

- ***Diễn biến giá:***

Giá xăng dầu trong nước trong thời gian tới được dự báo tiếp tục chịu tác động đồng thời từ diễn biến của thị trường dầu mỏ quốc tế và các chính sách điều hành trong nước. Theo Bộ Công Thương, xu hướng giá sẽ phụ thuộc chủ yếu vào biến động của giá dầu thế giới, tình hình địa chính trị tại Trung Đông cũng như hiệu quả triển khai các chính sách điều hành thị trường xăng dầu. Trong trường hợp xung đột khu vực tiếp tục kéo dài, giá xăng dầu trong nước có thể tiếp tục chịu áp lực từ việc giá dầu quốc tế tăng, cùng với chi phí logistics và bảo hiểm hàng hải gia tăng.

Ở chiều ngược lại, việc tiếp tục duy trì chính sách ưu đãi thuế đến hết tháng 9/2026 được kỳ vọng sẽ góp phần ổn định mặt bằng giá xăng dầu trong nước, giảm bớt tác động từ các biến động của thị trường năng lượng thế giới. Đồng thời, việc mở rộng năng lực sản xuất trong nước và bảo đảm nguồn cung ổn định được kỳ vọng sẽ giúp hạn chế áp lực tăng giá trong trung và dài hạn.

Đối với nhiên liệu sinh học, giá xăng E10 được dự báo duy trì khả năng cạnh tranh so với xăng khoáng khi chính sách ưu đãi thuế tiếp tục được áp dụng và năng lực sản xuất ethanol trong nước từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, chi phí nhập khẩu E100 vẫn là yếu tố quan trọng tác động đến giá thành sản xuất xăng E10, do nguồn cung ethanol nội địa chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phối trộn.

Về dài hạn, khi chuỗi cung ứng ethanol trong nước được hoàn thiện, công suất các nhà máy được mở rộng và nguồn cung nội địa gia tăng, giá nhiên liệu sinh học được kỳ vọng sẽ ổn định hơn. Cùng với đó, các chính sách ưu đãi thuế và việc nâng cao năng lực sản xuất trong nước được đánh giá sẽ góp phần duy trì tính cạnh tranh của xăng E10, đồng thời giảm áp lực lên giá ethanol và giá bán lẻ xăng dầu trong nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- ***Cung khí:***

Trong tháng 7/2026, nguồn cung khí tự nhiên và LNG toàn cầu chịu tác động mạnh từ căng thẳng tại Trung Đông, đặc biệt là các rủi ro an ninh hàng hải tại eo biển Hormuz - tuyến vận chuyển khoảng 20% lượng LNG giao dịch toàn cầu. Mặc dù nguồn cung từ Bắc Mỹ, Australia và châu Phi tiếp tục được mở rộng, những gián đoạn tại Trung Đông cùng nhu cầu bổ sung dự trữ của châu Âu khiến thị trường khí đốt vẫn trong trạng thái căng thẳng.

Đầu tháng 7, hoạt động vận chuyển LNG qua eo biển Hormuz tiếp tục bị ảnh hưởng bởi xung đột Trung Đông, làm gián đoạn khoảng 20% lượng LNG giao dịch hàng tháng trên thế giới. Nguồn cung LNG từ Qatar chịu áp lực khi hoạt động xuất khẩu bị gián đoạn, đồng thời tiến độ một số dự án LNG mới trong khu vực cũng bị chậm lại. Trong khi đó, Saudi Arabia, UAE và Iraq tăng cường sử dụng các tuyến đường ống thay thế nhằm duy trì xuất khẩu năng lượng, tuy nhiên tổng công suất vẫn thấp hơn đáng kể so với tuyến Hormuz.

Ngày 7/7, ADNOC ký hợp đồng cung cấp LNG dài hạn 15 năm cho Inpex (Nhật Bản), với sản lượng 1 triệu tấn LNG/năm từ dự án Ruwais LNG dự kiến vận hành từ năm 2028. Đến thời điểm ký kết, khoảng 90% công suất 9,6 triệu tấn LNG/năm của dự án đã được cam kết cho các khách hàng tại châu Á và châu Âu thông qua các hợp đồng dài hạn, khi các nước nhập khẩu ngày càng ưu tiên bảo đảm nguồn cung ổn định trong dài hạn.

Ngày 8/7, Gazprom cho biết tuyến đường ống khí Blue Stream nối Nga với Thổ Nhĩ Kỳ vẫn duy trì hoạt động bình thường sau khi trạm nén khí Krasnodarskaya bị UAV tấn công một ngày trước đó. Sự cố chưa làm gián đoạn nguồn cung khí đốt sang Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong tháng, nguồn cung LNG toàn cầu tiếp tục được bổ sung nhờ các cơ sở hóa lỏng mới tại Bắc Mỹ đi vào hoạt động, hiệu suất các nhà máy hiện hữu được cải thiện và tốc độ nhập khẩu LNG của châu Á chậm lại. Mỹ, Australia và một số quốc gia châu Phi tiếp tục gia tăng sản lượng LNG, góp phần bù đắp một phần lượng khí thiếu hụt từ Trung Đông. Tuy nhiên, việc mở rộng nguồn cung khí tự nhiên của Mỹ ngày càng gặp khó khăn khi các mỏ khí có năng suất cao dần suy giảm, làm chi phí khai thác tăng lên.

Tại Mỹ, nhu cầu khí đốt tiếp tục tăng mạnh nhờ các cơ sở xuất khẩu LNG và lĩnh vực phát điện. Trong quý II/2026, lượng khí đầu vào cho các nhà máy LNG cao hơn khoảng 3,1 tỷ feet khối/ngày so với cùng kỳ năm trước. Bank of America dự báo nhu cầu khí đầu vào cho các cơ sở LNG của Mỹ sẽ tăng thêm gần 4 tỷ feet khối/ngày trong vòng 18 tháng tới khi nhiều dự án mới đi vào vận hành. Đồng thời, giá khí giảm cũng thúc đẩy các nhà máy điện khí gia tăng tỷ trọng phát điện, cạnh tranh trực tiếp với điện than.

Tại châu Âu, áp lực nguồn cung tiếp tục gia tăng khi tồn kho khí đốt ở mức thấp. Theo ACER, lượng khí dự trữ của Liên minh châu Âu chỉ đạt khoảng 28% công suất, mức thấp nhất trong bốn năm, gây áp lực lớn lên kế hoạch bổ sung nguồn cung trước mùa Đông 2026. Trong giai đoạn tháng 5-6/2026, lượng LNG nhập khẩu vào EU thấp hơn khoảng 2,37 triệu tấn so với cùng kỳ năm trước do cạnh tranh nguồn hàng từ châu Á. Đồng thời, châu Âu tiếp tục giảm phụ thuộc vào khí đốt Nga khi từng bước hạn chế các hợp đồng nhập khẩu khí đường ống mới và loại bỏ LNG ngắn hạn từ Nga. Đến giữa mùa hè, các kho dự trữ khí của khu vực mới được lấp đầy khoảng 47% công suất, mức thấp nhất trong vòng 15 năm.

Diễn biến thị trường trở nên căng thẳng hơn từ giữa tháng 7 khi hoạt động vận tải qua Hormuz xấu đi. Lưu lượng tàu chở dầu từng phục hồi nhưng sau đó giảm trở lại do các vụ tấn công nhằm vào tàu thương mại. Đặc biệt, từ ngày 17/7, theo dữ liệu của LSEG, xuất khẩu LNG qua eo biển Hormuz gần như đình trệ trong ba ngày liên tiếp; mặc dù vẫn có tàu vào khu vực Vùng Vịnh để nhận hàng dầu thô, không ghi nhận tàu chở LNG nào rời khu vực trong giai đoạn này. Điều này tiếp tục làm gia tăng lo ngại về nguồn cung LNG giao ngay trên thị trường quốc tế.

Song song với LNG, thị trường LPG ghi nhận diễn biến thuận lợi hơn khi nguồn cung toàn cầu gia tăng. Saudi Aramco và Sonatrach đồng loạt giảm giá bán chính thức (OSP) LPG trong tháng 7 nhằm thúc đẩy tiêu thụ trong bối cảnh nguồn hàng dồi dào hơn.

- ***Cầu khí:***

Nhu cầu khí tự nhiên và LNG toàn cầu tiếp tục chịu tác động đồng thời từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, biến động giá LNG và xu hướng bảo đảm an ninh năng lượng của các quốc gia nhập khẩu. Trong khi nhu cầu tại một số thị trường nhạy cảm với giá suy yếu do chi phí LNG tăng cao, nhu cầu tại các khu vực khác vẫn duy trì ở mức cao nhờ hoạt động tích trữ trước mùa đông, mở rộng công suất LNG và nhu cầu phát điện gia tăng.

Đầu tháng 7, giá LNG tăng khiến nhu cầu tại các thị trường châu Á nhạy cảm với giá suy yếu, đặc biệt tại Nam Á. Một số quốc gia giảm mua LNG và chuyển sang sử dụng than đá, khí đốt nội địa hoặc tìm kiếm các nguồn LNG thay thế nhằm giảm chi phí năng lượng. Tuy nhiên, khi kỳ vọng xung đột Trung Đông dần hạ nhiệt, tâm lý thị trường được cải thiện, góp phần ổn định nhu cầu nhập khẩu LNG trong khu vực.

Song song với LNG, thị trường LPG ghi nhận diễn biến tích cực hơn khi việc Saudi Aramco và Sonatrach đồng loạt giảm giá bán chính thức (OSP) trong tháng 7 được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tiêu thụ tại các thị trường nhập khẩu. Tại Pakistan, giá bình LPG loại 11,8 kg được điều chỉnh giảm hơn 21% trong tháng 7, góp phần hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Tại Mỹ, nhu cầu khí tự nhiên tiếp tục tăng nhờ sự mở rộng của các dự án LNG và nhu cầu phát điện phục vụ các trung tâm dữ liệu AI. Theo Bank of America, nhu cầu khí đốt đầu vào cho các nhà máy LNG của Mỹ trong quý II/2026 tăng khoảng 3,1 tỷ feet khối/ngày so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, nhu cầu khí đốt cho phát điện tiếp tục duy trì ở mức cao khi các nhà máy điện khí gia tăng sử dụng nhiên liệu này trong bối cảnh giá khí giảm.

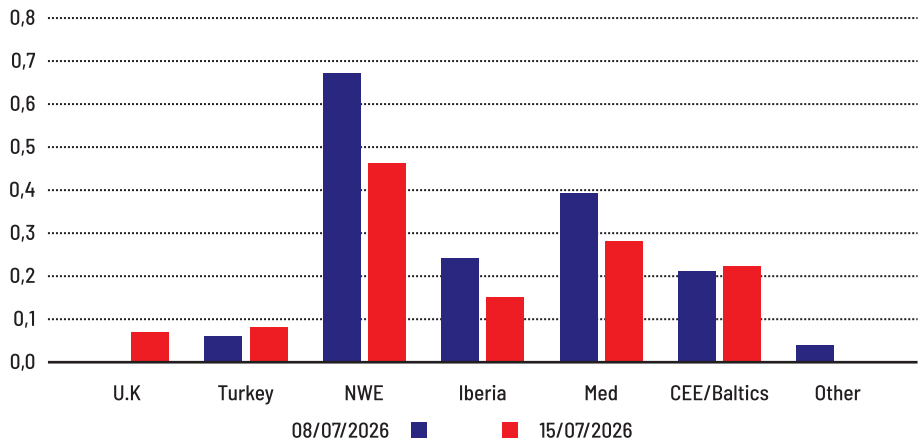
Đối với thị trường LNG quốc tế, nhu cầu tiếp tục chịu tác động từ cạnh tranh giữa châu Âu và châu Á. Theo chuyên gia Ronald Pinto (Kpler), Trung Quốc và các quốc gia Nam Á, đặc biệt là Ấn Độ, gia tăng nhập khẩu LNG trong giai đoạn tháng 5-6/2026 nhằm phòng ngừa rủi ro nguồn cung, khiến lượng LNG cập cảng Liên minh châu Âu giảm. Cạnh tranh mua LNG giữa hai khu vực tiếp tục gia tăng trong tháng 7 khi nhiều chuyến hàng được chuyển hướng sang châu Á do người mua tại khu vực này chấp nhận trả mức giá cao hơn.

Trong bối cảnh đó, nhu cầu điện và LNG tại châu Á, đặc biệt từ Trung Quốc, tiếp tục được xem là yếu tố quyết định cán cân cung - cầu LNG toàn cầu. Tuy nhiên, các nhà nhập khẩu tại cả châu Á và châu Âu vẫn chưa đẩy mạnh bổ sung kho dự trữ do giá LNG giao ngay duy trì ở mức cao và chênh lệch giá giữa mùa hè và mùa đông chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích tích trữ quy mô lớn.

Mặc dù vậy, nhu cầu LNG trên phạm vi toàn cầu vẫn được duy trì ở mức cao khi châu Âu tiếp tục tích trữ khí đốt phục vụ mùa đông, đồng thời các quốc gia châu Á gia tăng nhập khẩu nhằm bảo đảm an ninh năng lượng. Trong số các khu vực tiêu thụ lớn, châu Âu được đánh giá là khu vực dễ bị tổn thương nhất do phụ thuộc nhiều vào LNG nhập khẩu trong bối cảnh nguồn cung từ khu vực Vùng Vịnh chịu ảnh hưởng bởi căng thẳng tại Trung Đông.

NHẬP KHẨU LNG HẰNG TUẦN CỦA CHÂU ÂU THEO KHU VỰC

Đơn vị tính: Triệu tấn



Nguồn: Kpler Insight

- ***Diễn biến giá:***

Gía khí tự nhiên và LNG trên thế giới biến động mạnh dưới tác động của căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, rủi ro gián đoạn nguồn cung qua eo biển Hormuz và nhu cầu bổ sung dự trữ khí của châu Âu. Trong khi giá LNG giao ngay tại châu Á tăng mạnh vào giữa tháng do lo ngại nguồn cung, thị trường dần hạ nhiệt vào cuối tháng khi kỳ vọng về một thỏa thuận hòa bình gia tăng. Trái ngược với diễn biến của LNG và khí tự nhiên, giá LPG giảm nhờ nguồn cung dồi dào từ các nhà xuất khẩu lớn.

Đầu tháng 7, căng thẳng mới tại eo biển Hormuz khiến giá khí tự nhiên chuẩn TTF của châu Âu tăng hơn 3%, vượt trở lại mốc 50 EUR/MWh. Cùng thời điểm, Qatar tạm thời đình chỉ hoạt động hàng hải, làm gián đoạn dòng LNG từ cảng Ras Laffan, trong khi giá LNG giao ngay tiếp tục được hỗ trợ bởi rủi ro nguồn cung từ Trung Đông và tiến độ bổ sung kho dự trữ khí của châu Âu.

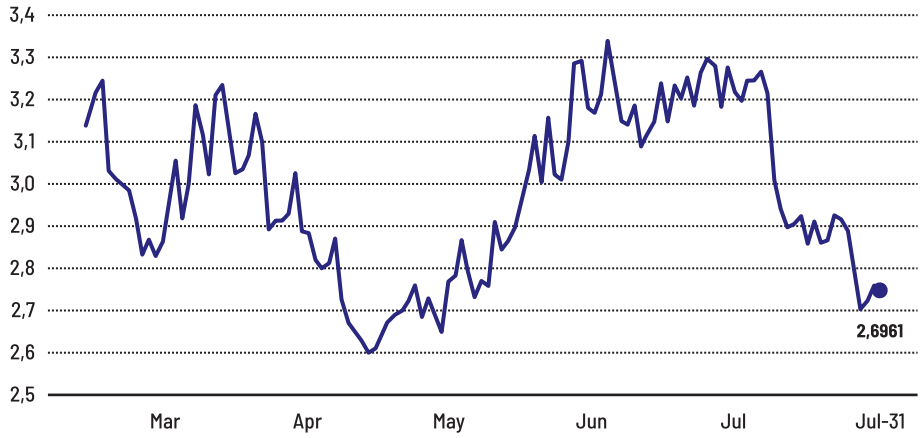
Đến giữa tháng, giá LNG tại châu Á tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 3/2026. Chỉ số JKM tăng khoảng 25% trong vòng 4 tuần, cao hơn 60% so với cùng kỳ năm trước; riêng tuần kết thúc ngày 16/7, giá tăng thêm khoảng 10%, đạt khoảng 20,2 USD/MMBtu. Trong cùng giai đoạn, giá LNG đi ngược xu hướng giá dầu khi giá LNG tại châu Âu cao hơn khoảng 48% và tại châu Á cao hơn khoảng 62% so với đầu năm. LNG trở thành tâm điểm cạnh tranh năng lượng khi các lô hàng giao ngay liên tục được chuyển tới thị trường chấp nhận mức giá cao hơn, làm gia tăng biến động giá và cạnh tranh nguồn cung giữa các khu vực.

Tại châu Âu, giá khí tự nhiên tiếp tục chịu áp lực tăng do mức dự trữ thấp và những lo ngại về nguồn cung LNG toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng Trung Đông kéo dài. Có thời điểm giá khí tự nhiên tăng lên khoảng 43,8 euro/MWh, khiến chi phí mua khí gia tăng và các doanh nghiệp châu Âu gặp nhiều khó khăn hơn trong việc bổ sung lượng khí vào kho dự trữ trước mùa đông.

Về cuối tháng, khi thị trường kỳ vọng một thỏa thuận hòa bình có thể làm giảm rủi ro gián đoạn nguồn cung, giá LNG giao ngay tại châu Á giảm về khoảng 15,35 USD/MMBtu, mức thấp nhất trong gần 4 tháng. Trước đó, giá LNG từng vượt 20 USD/MMBtu trong giai đoạn căng thẳng Trung Đông lên đỉnh điểm trước khi nhanh chóng hạ nhiệt trong tháng 7.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ TỰ NHIÊN TRONG THÁNG 7

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Trading Economics

Trong khi đó, thị trường LPG ghi nhận xu hướng giảm giá nhờ nguồn cung gia tăng. Saudi Aramco giảm giá bán chính thức (OSP) propane 180 USD/tấn, xuống còn 580 USD/tấn và butane 220 USD/tấn, xuống còn 600 USD/tấn. Sonatrach (Algeria) cũng điều chỉnh giảm giá OSP propane 57 USD/tấn, xuống 518 USD/tấn và butane 10 USD/tấn, xuống còn 600 USD/tấn.

Đối với thị trường khí tự nhiên của Mỹ, giá Henry Hub tiếp tục duy trì quanh vùng thấp lịch sử 2-4 USD/MMBtu. Tuy nhiên, nhiều đánh giá trên thị trường cho rằng giai đoạn giá khí ở mức rất thấp đang dần kết thúc khi nhu cầu LNG tiếp tục tăng và nguồn cung mới có xu hướng tăng chậm hơn trong thời gian tới.

2.1.2. Thị trường trong nước

- ***Cung khí:***

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) cùng các đơn vị thành viên tiếp tục duy trì sản lượng cung cấp khí ổn định cho toàn bộ thị trường nội địa. Mặc dù các mỏ khí tự nhiên trong nước đang đối mặt với xu hướng suy giảm sản lượng tự nhiên, hệ thống đường ống vận hành bởi Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn và Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ vẫn hoạt động an toàn, thông suốt. Để bù đắp lượng thiếu hụt, các doanh nghiệp đầu mối đã linh hoạt tăng cường nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), đảm bảo không xảy ra tình trạng gián đoạn nguồn cung.

Nguồn cung khí tự nhiên và LNG trong tháng 7 được ưu tiên điều phối tối đa cho mục đích sản xuất điện. Các trung tâm nhiệt điện lớn tại khu vực Đông Nam Bộ như Phú Mỹ, Nhơn Trạch và khu vực Tây Nam Bộ như Cà Mau liên tục được cấp khí đầy đủ để vận hành cao điểm. Sự ổn định này đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đáng chú ý, vào cuối tháng 7, Bộ Công Thương cũng đã ban hành khung giá phát điện mới cho các nhà máy dùng khí thiên nhiên, tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho chuỗi cung ứng này.

Thị trường LPG trong nước duy trì nguồn cung ổn định trong tháng 7. Do không gặp áp lực khan hiếm và chịu ảnh hưởng từ xu hướng giảm giá năng lượng trên thị trường thế giới, giá gas bán lẻ trong nước vào tháng 7 đã được điều chỉnh giảm mạnh khoảng 11,41% so với cùng kỳ. Điều này giúp giảm bớt gánh nặng chi phí sinh hoạt cho người dân và hạ giá thành sản xuất cho các doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu khí.

Bên cạnh việc đảm bảo sản lượng trong ngắn hạn, tháng 7 cũng đánh dấu bước tiến chiến lược dài hạn cho nguồn cung khí của Việt Nam. Cụ thể vào ngày 25/7, PV GAS đã hoàn tất ký kết hợp đồng mua bán LNG định hạn đầu tiên cho giai đoạn 2027-2031 với đối tác quốc tế. Bước đi này không chỉ giúp chủ động nguồn cung nhiên liệu sạch cho các dự án điện khí tương lai, mà còn góp phần nâng cao khả năng chủ động nguồn LNG cho các dự án điện khí trong giai đoạn tới và giảm rủi ro phụ thuộc vào thị trường giao ngay.

- ***Cầu khí:***

Nhu cầu khí phục vụ phát điện tiếp tục là động lực tiêu thụ lớn nhất trong tháng 7. Thời tiết nắng nóng kéo dài khiến phụ tải điện trên toàn hệ thống tăng cao, buộc các nhà máy điện khí tại khu vực Đông Nam Bộ và cụm điện Cà Mau duy trì vận hành ở công suất lớn. Điều này làm nhu cầu tiêu thụ khí qua hệ thống đường ống nội địa gia tăng đáng kể, đồng thời thúc đẩy việc huy động thêm khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) để bù đắp phần thiếu hụt nguồn cung.

Nhu cầu khí trong lĩnh vực công nghiệp tăng mạnh nhờ đà phục hồi của hoạt động sản xuất. Sản xuất công nghiệp khởi sắc kéo theo nhu cầu sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu và nguyên liệu đầu vào gia tăng tại nhiều ngành, đặc biệt là thép, kính, gốm sứ và hóa chất - phân bón. Các nhà máy lớn như Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau tiếp tục duy trì mức tiêu thụ khí cao, góp phần nâng tổng nhu cầu khí công nghiệp trong tháng.

Đối với thị trường LPG, nhu cầu tiêu dùng duy trì ổn định và được hỗ trợ bởi mặt bằng giá bán lẻ giảm. Trong tháng 7, giá LPG trong nước giảm khoảng 11,41%, góp phần kích thích tiêu dùng ở cả khu vực dân dụng và thương mại. Bên cạnh đó, sự sôi động của ngành dịch vụ, lưu trú và ăn uống trong mùa du lịch hè tiếp tục hỗ trợ sản lượng tiêu thụ LPG duy trì xu hướng tăng ổn định.

- ***Diễn biến giá:***

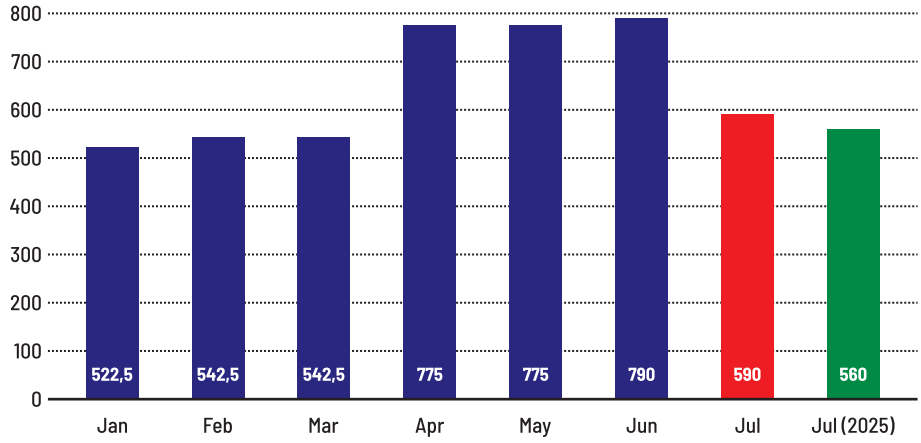
Thị trường khí đốt Việt Nam trong tháng 7 vừa qua đã ghi nhận một đợt điều chỉnh giảm giá sâu kỷ lục, chính thức chấm dứt chuỗi tháng tăng liên tục trước đó. Nguyên nhân cốt lõi đến từ việc nguồn cung LPG trên thị trường thế giới dần đi vào ổn định, thúc đẩy giá hợp đồng bình quân tháng 7 lao dốc xuống mức 590 USD/tấn, giảm mạnh tới 200 USD/tấn so với tháng 6. Sự hạ nhiệt mạnh mẽ từ thị trường quốc tế đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu mối trong nước đồng loạt hạ giá bán lẻ kể từ ngày đầu tháng.

Nương theo đà giảm sâu của giá thế giới, hàng loạt doanh nghiệp lớn trong ngành khí đốt Việt Nam như Petrolimex, PV GAS, Saigon Petro và Pacific Petro đã chủ động thiết lập mặt bằng giá mới thấp hơn đáng kể. Cụ thể, đối với loại bình gas dân dụng 12kg truyền thống, mức giá bán lẻ đã giảm khoảng 70.000 đến 89.000 đồng mỗi bình tùy theo từng thương hiệu và địa bàn phân phối. Trong khi đó, các dòng bình gas công nghiệp cỡ lớn loại 45kg và 48kg dành cho hộ kinh doanh hay nhà máy cũng ghi nhận mức giảm ấn tượng, dao động từ 266.500 đến 391.392 đồng mỗi bình.

Diễn biến hạ nhiệt đầy tích cực này đã ngay lập tức đem lại hiệu ứng kép rõ rệt cho cả đời sống dân sinh lẫn hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với các hộ gia đình, việc giá gas giảm mạnh giúp giảm bớt đáng kể gánh nặng chi phí sinh hoạt và nấu nướng hàng ngày. Đồng thời, đối với các doanh nghiệp sản xuất, các cơ sở dịch vụ và nhà hàng sử dụng LPG làm nhiên liệu chính, việc cắt giảm được khoản lớn chi phí năng lượng đầu vào đã giúp họ tối ưu hóa biên lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm của mình trên thị trường.

GIÁ CP LPG MỚI NHẤT THÁNG 7/2026

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: Data Energy

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- ***Cung khí:***

Nguồn cung khí tự nhiên và LNG toàn cầu được kỳ vọng sẽ từng bước cải thiện khi hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz dần ổn định. Theo Shell, nếu hoạt động vận tải qua Hormuz sớm trở lại bình thường, thương mại LNG toàn cầu trong năm 2026 có thể duy trì tương đương năm 2025 trước khi tăng trở lại từ năm 2027. Tuy nhiên, IEEFA nhận định ngay cả khi xung đột chấm dứt, lưu lượng LNG sẽ cần hơn 6 tháng để phục hồi về mức trước khủng hoảng do quá trình khôi phục nguồn cung LNG diễn ra chậm hơn dầu mỏ. ING cũng cho rằng xuất khẩu LNG sẽ phục hồi chậm hơn dầu thô ngay cả khi căng thẳng hạ nhiệt, khiến nguồn cung khí đốt toàn cầu vẫn tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt khi mùa sưởi ấm tại Bắc bán cầu đến gần.

Đối với nguồn cung khu vực, IEA dự báo nguồn cung LNG toàn cầu năm 2026 nhìn chung sẽ tương đương năm 2025 khi sản lượng bổ sung từ các khu vực khác bù đắp phần thiếu hụt từ Vùng Vịnh. Tuy nhiên, nếu eo biển Hormuz không được khôi phục hoàn toàn trước quý IV/2026, nguồn cung LNG toàn cầu có thể ghi nhận mức giảm hằng năm đầu tiên kể từ năm 2012. Theo đánh giá của thị trường, thế giới có thể thiếu khoảng 40 triệu tấn LNG từ Qatar vào cuối năm 2026, tương đương gần 10% nguồn cung LNG toàn cầu năm 2025, khiến thị trường tiếp tục duy trì trạng thái thắt chặt.

Nguồn cung khí đốt từ Nga qua tuyến Blue Stream được dự báo tiếp tục ổn định nếu hoạt động khắc phục hạ tầng diễn ra thuận lợi. Tuy nhiên, các vụ tấn công nhằm vào hạ tầng năng lượng của Nga vẫn có thể tạo thêm rủi ro đối với dòng chảy khí đốt trong khu vực.

Tại Mỹ, Bank of America dự báo nguồn cung khí đốt sẽ tiếp tục chịu áp lực khi nhu cầu khí đầu vào cho các cơ sở LNG tăng gần 4 tỷ feet khối/ngày trong 18 tháng tới cùng với việc nhiều nhà máy LNG mới đi vào hoạt động. Wood Mackenzie cũng nhận định việc gia tăng nguồn cung khí tự nhiên của Mỹ sẽ ngày càng khó khăn và tốn kém hơn khi các mỏ khí có chất lượng cao dần suy giảm, khiến nguồn cung phản ứng chậm hơn trước các tín hiệu giá. Do đó, Bank of America cho rằng thị trường khí đốt sẽ tiếp tục duy trì trạng thái cân bằng chặt chẽ khi tồn kho có nguy cơ thấp hơn mức an toàn trước mùa đông.

Đối với châu Âu, ACER cho rằng Liên minh châu Âu cần tăng lượng LNG nhập khẩu khoảng 13% so với năm 2025 để đạt mục tiêu lấp đầy 90% công suất kho dự trữ trước ngày 1/11/2026. Đồng thời, việc mở rộng công suất tái khí hóa LNG và đưa thêm các cảng tiếp nhận mới vào vận hành được kỳ vọng sẽ nâng cao năng lực nhập khẩu và cải thiện tính linh hoạt của hệ thống khí đốt. Theo Ronald Pinto (Kpler), nếu nguồn cung LNG từ Trung Đông được khôi phục trong mùa hè 2026, giá khí đốt có thể hạ nhiệt, tạo điều kiện để châu Âu đẩy mạnh bổ sung dự trữ vào cuối năm.

Trong trung và dài hạn, nguồn cung LNG toàn cầu được dự báo tiếp tục mở rộng nhờ hàng loạt dự án mới đi vào vận hành. Theo Shell LNG Outlook 2026, khoảng 180 triệu tấn/năm công suất LNG mới sẽ được bổ sung trước năm 2030, đồng thời thế giới cần thêm khoảng 200 triệu tấn/năm công suất LNG mới trong giai đoạn 2030-2040 để đáp ứng nhu cầu dài hạn. BloombergNEF (BNEF) dự báo thị trường LNG sẽ chuyển sang trạng thái dư cung từ năm 2028, chậm hơn 1 năm so với dự báo trước. BNEF cũng dự báo nguồn cung LNG của Trung Đông sẽ tăng 50%, đạt 147 triệu tấn vào cuối thập kỷ và khoảng 153,8 triệu tấn vào năm 2035, trong khi Mỹ dự kiến bổ sung khoảng 146 triệu tấn LNG/năm đến năm 2035. Những dự án mới này được kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể nguồn cung LNG toàn cầu trong dài hạn, mặc dù rủi ro địa chính trị vẫn là yếu tố có thể ảnh hưởng đến tiến độ và khả năng hiện thực hóa các dự báo.

- ***Cầu khí:***

Trong thời gian tới, nhu cầu khí tự nhiên và LNG toàn cầu được dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao, mặc dù triển vọng giữa các khu vực có sự phân hóa do tác động đồng thời của an ninh năng lượng, quá trình chuyển dịch năng lượng và biến động nguồn cung. Các tổ chức quốc tế nhìn chung nhận định LNG vẫn giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng, song nhu cầu ngắn hạn sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ diễn biến địa chính trị và tiến độ phục hồi nguồn cung tại Trung Đông.

Shell dự báo nhu cầu LNG toàn cầu sẽ tăng khoảng 65%, đạt gần 700 triệu tấn/năm vào năm 2050. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các nền kinh tế đang phát triển tại Nam Á và Đông Nam Á, khu vực được dự báo sẽ chiếm khoảng 40% tổng lượng LNG nhập khẩu toàn cầu vào năm 2050, nhờ nhu cầu thay thế than đá, mở rộng sản xuất điện và quá trình công nghiệp hóa. Theo Shell LNG Outlook 2026, LNG sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng toàn cầu.

Tại Mỹ, Bank of America dự báo nhu cầu khí đầu vào cho các nhà máy LNG sẽ tăng gần 4 tỷ feet khối/ngày trong 18 tháng tới khi nhiều cơ sở hóa lỏng mới đi vào vận hành. Xu hướng này được kỳ vọng tiếp tục thúc đẩy nhu cầu khí tự nhiên nội địa, đồng thời củng cố vai trò của Mỹ trong chuỗi cung ứng LNG toàn cầu.

Đối với châu Âu, ACER nhận định nhu cầu bổ sung khí đốt sẽ tăng mạnh trong mùa Hè 2026 nhằm phục vụ mục tiêu lấp đầy kho dự trữ trước mùa Đông. Trong bối cảnh đó, cạnh tranh thu mua LNG giữa EU và châu Á được dự báo tiếp tục gay gắt, đặc biệt nếu nhu cầu năng lượng tại các nền kinh tế lớn ở châu Á duy trì ở mức cao hoặc nguồn cung từ Trung Đông phục hồi chậm.

IGU (Liên minh Khí đốt Quốc tế) cũng cho rằng nhu cầu LNG toàn cầu vẫn sẽ tăng trong dài hạn, mặc dù các biến động địa chính trị trong năm 2026 có thể làm chậm tiến độ mở rộng thị trường trong ngắn hạn. Tương tự, nhiều tổ chức nhận định nhu cầu LNG sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, đặc biệt tại châu Âu và châu Á, trước nguy cơ nguồn cung phục hồi chậm và rủi ro gián đoạn vận tải.

Ở chiều ngược lại, IEA dự báo nhu cầu khí đốt tự nhiên toàn cầu năm 2026 có thể giảm khoảng 0,5% (tương đương khoảng 20 tỷ m^3), đánh dấu năm thứ ba trong thập kỷ ghi nhận nhu cầu khí đốt toàn cầu suy giảm. Tuy nhiên, IEA cũng lưu ý triển vọng này có thể thay đổi nếu xuất hiện các cú sốc nguồn cung hoặc nhu cầu bổ sung dự trữ tăng mạnh trong nửa cuối năm.

Các tổ chức phân tích cũng cảnh báo nhu cầu LNG có thể tăng đột biến nếu nguồn cung từ Qatar không phục hồi đúng tiến độ. Trong trường hợp này, nhiều quốc gia sẽ phải đẩy mạnh mua bù trước mùa Đông, khiến giá LNG tiếp tục biến động mạnh. Ngược lại, BloombergNEF (BNEF) cho rằng khi thị trường chuyển sang trạng thái dư cung trong những năm tới và giá LNG giảm, nhu cầu nhập khẩu sẽ được kích thích, đặc biệt tại các thị trường mới nổi ở châu Á, qua đó hỗ trợ tăng trưởng tiêu thụ LNG trong dài hạn.

- ***Diễn biến giá:***

Trong thời gian tới, giá khí tự nhiên và LNG được dự báo tiếp tục biến động dưới tác động đồng thời của tiến trình khôi phục nguồn cung toàn cầu, nhu cầu bổ sung dự trữ trước mùa đông và các rủi ro địa chính trị tại Trung Đông. Mặc dù việc đưa thêm công suất hóa lỏng mới vào vận hành được kỳ vọng sẽ giúp thị trường cân bằng hơn trong trung và dài hạn, các tổ chức quốc tế cho rằng giá khí vẫn sẽ nhạy cảm với diễn biến vận tải qua eo biển Hormuz và tốc độ phục hồi xuất khẩu LNG từ Qatar.

Shell nhận định việc bổ sung nguồn cung LNG mới sẽ cải thiện khả năng tiếp cận và nâng cao tính cạnh tranh về giá trong dài hạn. Tuy nhiên, tập đoàn cũng lưu ý giá LNG vẫn có thể biến động mạnh trong trường hợp xung đột Trung Đông kéo dài hoặc tiếp tục gây gián đoạn hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz. Theo Shell, giá LNG giao ngay nhiều khả năng vẫn duy trì trạng thái biến động trong ngắn hạn nhưng thị trường được kỳ vọng sẽ ổn định hơn từ năm 2027 khi các dự án nguồn cung mới đi vào hoạt động và hoạt động vận chuyển được cải thiện.

Tại Mỹ, Bank of America nâng dự báo giá khí Henry Hub trong nửa cuối năm 2026 lên 3,8 USD/MMBtu, cao hơn mức dự báo trước là 3,6 USD/MMBtu, do lo ngại nguồn cung không theo kịp nhu cầu và lượng tồn kho trước mùa đông có thể thấp hơn ngưỡng an toàn 3,8 nghìn tỷ feet khối. Ngân hàng này đồng thời cho rằng giá khí tại Mỹ đã phục hồi từ mức đáy ghi nhận trong tháng 4/2026 khi cán cân cung - cầu trở nên thắt chặt hơn.

Về dài hạn, Wood Mackenzie dự báo giá khí Henry Hub có thể tiến gần 5 USD/MMBtu vào năm 2035 khi nhu cầu tăng nhanh hơn nguồn cung. Theo tổ chức này, giá khí trong tương lai sẽ biến động mạnh hơn do ngày càng phụ thuộc vào nhu cầu phát điện và xuất khẩu LNG.

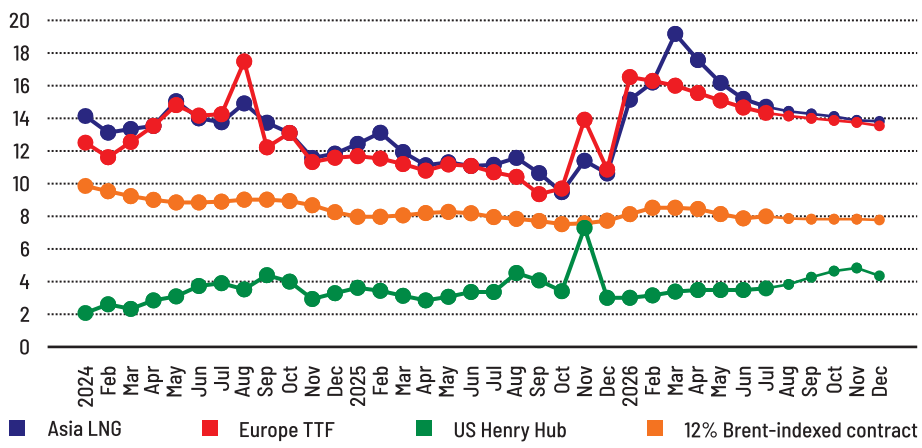
Đối với thị trường châu Âu, ACER và chuyên gia Ronald Pinto (Kpler) nhận định giá khí đốt có thể hạ nhiệt vào cuối mùa hè 2026 nếu nguồn cung LNG từ Trung Đông được khôi phục và thị trường toàn cầu cân bằng hơn. Tuy nhiên, giá vẫn có nguy cơ tăng trở lại trong mùa đông 2026 khi châu Âu và châu Á cạnh tranh thu mua LNG để bổ sung dự trữ, trong khi tiến độ lấp đầy kho dự trữ khí của EU vẫn là yếu tố quyết định diễn biến thị trường.

IGU dự báo thương mại LNG toàn cầu sẽ tiếp tục mở rộng trong dài hạn nhờ nhiều dự án hóa lỏng mới được đưa vào vận hành. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc ngày càng lớn vào nguồn cung LNG toàn cầu cũng đồng nghĩa thị trường sẽ biến động mạnh hơn trước các cú sốc về địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Theo IEA, xu hướng giá khí tự nhiên và LNG trong thời gian tới vẫn phụ thuộc lớn vào tiến độ khôi phục hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz cũng như khả năng các khu vực khác bù đắp phần nguồn cung bị gián đoạn. Nếu hoạt động xuất khẩu LNG của Qatar tiếp tục gặp khó khăn, thị trường khí đốt toàn cầu sẽ thắt chặt hơn, khiến châu Âu phải đối mặt với chi phí cao hơn trong quá trình bổ sung dự trữ trước mùa đông.

DỰ BÁO DIỄN BIẾN GIÁ LNG CHÂU Á, KHÍ TTF CHÂU ÂU VÀ HENRY HUB (2026)

Đơn vị tính: USD/MMBtu



Nguồn: Wood Mackenzie

BloombergNEF (BNEF) dự báo giá LNG giao ngay tại châu Á sẽ tiếp tục được hỗ trợ đến hết năm 2027, trước khi giảm dần xuống khoảng 8 USD/MMBtu vào năm 2030 khi lượng công suất LNG mới được đưa vào vận hành nhiều hơn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, giá khí đốt được dự báo vẫn duy trì ở mức cao nếu tình trạng gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz kéo dài, ngay cả khi Qatar gia tăng sản lượng LNG, do tốc độ phục hồi xuất khẩu được đánh giá sẽ diễn ra chậm.

2.2.2. Thị trường trong nước

Theo dự báo mới nhất từ Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) và các hệ thống phân phối lớn như Gas South, Saigon Petro và Petrolimex, giá khí đốt trong nước có thể biến động mạnh trong những tháng cuối năm. Trong khi đó, nhu cầu khí công nghiệp phục vụ sản xuất dự kiến vẫn ở mức cao. Mặt bằng giá khí đốt khó duy trì đà giảm như giai đoạn giữa năm khi giá hợp đồng và diễn biến năng lượng trên thị trường quốc tế tiếp tục tạo áp lực.

Áp lực tăng giá dự kiến quay trở lại mạnh mẽ trong giai đoạn Quý III và Quý IV do tác động từ các dự báo năng lượng toàn cầu và biến động địa chính trị. Cụ thể, ngay trong tháng 8 này, giá gas hợp đồng thế giới đã đảo chiều tăng thêm 40 USD/tấn, đạt mức 630 USD/tấn. Sự biến động này lập tức kéo theo giá gas bán lẻ trong nước của Petrolimex, PV GAS hay Saigon Petro đồng loạt bật tăng từ 28.500 đến 35.000 đồng mỗi bình 12kg. Xu hướng tăng giá được các doanh nghiệp phân phối lý giải là do chi phí cước vận chuyển tàu biển tăng kết hợp với áp lực bắt đầu dự trữ nhiên liệu mùa đông của các quốc gia lớn tại châu Á, khiến mặt bằng giá khí đốt cuối năm có khả năng sẽ neo ở mức cao.

Về mặt tiêu thụ, các báo cáo vận hành từ PV GAS chỉ ra nhu cầu thị trường sẽ có sự phân hóa rõ rệt theo yếu tố mùa vụ. Đối với mảng khí đường ống phục vụ cho phát điện và các nhà máy công nghiệp quy mô lớn, sản lượng tiêu thụ được dự báo sẽ sụt giảm ngắn hạn trong giai đoạn mùa mưa do sự thay đổi của phương thức huy động nguồn điện. Ngược lại, nhu cầu tiêu thụ khí hóa lỏng dân dụng và kinh doanh dịch vụ thương mại được kỳ vọng sẽ tăng tốc mạnh mẽ kể từ cuối Quý III và kéo dài suốt Quý IV, thời điểm Việt Nam bước vào mùa lạnh cùng chuỗi lễ hội cao điểm cuối năm.

Để chủ động điều hành, các doanh nghiệp đầu mối lớn đang tập trung củng cố vững chắc năng lực cung ứng quốc gia nhờ hạ tầng năng lượng mới. Lãnh đạo PV GAS cho biết doanh nghiệp đang đẩy nhanh tiến độ triển khai các hạ tầng chiến lược như kho cảng LNG Vũng Áng, mở rộng nâng công suất kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn một năm và hệ thống kho cảng tại khu vực phía Bắc. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng về chuỗi cung ứng và logistics này nhằm tích hợp sâu dòng khí nhập khẩu, đảm bảo nguồn cung trong nước luôn dồi dào, loại bỏ hoàn toàn rủi ro khan hiếm hay đứt gãy năng lượng cho các hộ tiêu thụ công nghiệp tại các khu kinh tế trọng điểm.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- ***Cung phân bón:***

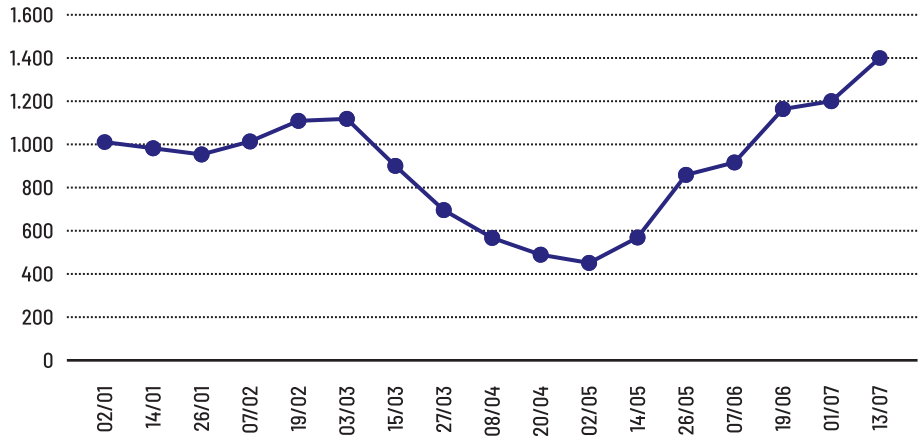
Trong tháng 7/2026, nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục chịu tác động bởi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, chính sách thương mại của Trung Quốc và những thay đổi trong chuỗi cung ứng quốc tế. Mặc dù một số khu vực duy trì sản xuất ổn định, nguồn cung phân đạm trên thị trường quốc tế vẫn ở trạng thái thắt chặt, trong khi nguồn cung các dòng phân bón khác có sự phân hóa rõ rệt.

Đối với phân đạm, xung đột tại Trung Đông tiếp tục làm gián đoạn hoạt động xuất khẩu urê của khu vực, nơi chiếm khoảng 20 triệu tấn urê/năm, tương đương gần 1/3 lượng urê xuất khẩu toàn cầu. Việc lưu thông qua eo biển Hormuz gặp nhiều trở ngại khiến hơn 800.000 tấn urê bị mắc kẹt tại khu vực Vịnh Ba Tư, trong khi nhiều nhà máy, đặc biệt tại Iran, phải cắt giảm hoặc gián đoạn hoạt động sản xuất. Nguồn cung urê toàn cầu vì vậy tiếp tục bị thu hẹp, tạo áp lực lên thị trường trong suốt tháng 7.

Trong khi đó, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách kiểm soát xuất khẩu urê, đồng thời từ ngày 16/7 chính thức áp dụng quy định kiểm định bắt buộc đối với xuất khẩu amoni sunfat. Tồn kho Urê của các doanh nghiệp Trung Quốc đã đạt hơn 1,4 triệu tấn vào giữa tháng 7 - hiện đạt mức tồn kho cao nhất trong năm nay. Chính sách này làm gia tăng chi phí và thời gian thông quan, góp phần hạn chế nguồn cung phân đạm từ quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, tại thị trường nội địa Trung Quốc, các nhà máy urê vẫn duy trì tỷ lệ vận hành cao, sản lượng hàng ngày lớn và nguồn cung tương đối dồi dào, tạo áp lực tồn kho trong nước.

DIỄN BIẾN TỒN KHO URÊ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRUNG QUỐC

Đơn vị tính: Nghìn tấn



Nguồn: AgroMonitor (Viettraders)

Ở chiều ngược lại, Australia từng bước cải thiện nguồn cung urê sau giai đoạn thiếu hụt trong quý II nhờ tăng nhập khẩu từ Đông Nam Á và tiếp nhận những lô hàng đầu tiên từ Nigeria. Chính phủ Australia cũng cho phép Export Finance Australia bảo lãnh nhập khẩu khoảng 340.000 tấn urê cho các doanh nghiệp phân phối lớn, đồng thời hơn 380.000 tấn urê đang trên đường vận chuyển, góp phần ổn định nguồn cung trong nước.

Đối với phân lân, thị trường chịu áp lực từ chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cao. Giá lưu huỳnh và axit sulfuric tiếp tục neo ở mức cao khiến nhiều nhà sản xuất DAP và NPK trên thế giới phải cắt giảm công suất hoặc đẩy sớm kế hoạch bảo dưỡng nhà máy. Nguồn cung phân lân vì vậy có xu hướng thu hẹp, trong khi tiến độ giao hàng tại nhiều khu vực chậm hơn so với kế hoạch.

Thị trường kali duy trì nguồn cung tương đối ổn định nhưng chịu áp lực chi phí logistics. Nga và Belarus - hai quốc gia chiếm hơn 40% thương mại kali toàn cầu - tiếp tục đối mặt với chi phí vận tải tăng mạnh. Chi phí đường sắt và logistics ngày càng cao làm gia tăng chi phí xuất khẩu, qua đó củng cố mặt bằng giá kali trên thị trường quốc tế.

Trong tháng, nhiều quốc gia cũng đẩy mạnh các biện pháp bảo đảm an ninh nguồn cung phân bón. Mỹ công bố chương trình FIELDS trị giá 500 triệu USD nhằm mở rộng công suất sản xuất, kho chứa và hạ tầng logistics phân bón trong nước, hướng tới giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và tăng khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu phân bón vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt tại các quốc gia nông nghiệp như Brazil khi bước vào mùa vụ, khiến các doanh nghiệp tăng cường mua hàng và tích trữ nhằm phòng ngừa nguy cơ gián đoạn nguồn cung.

- ***Cầu phân bón:***

Nhu cầu phân bón toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao khi nhiều quốc gia bước vào mùa vụ sản xuất nông nghiệp. Hoạt động nhập khẩu và tích trữ diễn ra sôi động tại các thị trường tiêu thụ lớn nhằm bảo đảm nguồn cung trong bối cảnh thị trường quốc tế vẫn chịu ảnh hưởng bởi căng thẳng địa chính trị và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng.

Đối với phân đạm, Ấn Độ tiếp tục là động lực chính của thị trường khi bước vào giai đoạn cao điểm tiêu thụ từ tháng 6 đến tháng 10. Quốc gia này đã mở các gói thầu nhập khẩu khoảng 1,7 triệu tấn urê, góp phần duy trì nhu cầu mạnh trên thị trường quốc tế. Tại Brazil, nhu cầu nhập khẩu phân bón vẫn ở mức cao khi bước vào mùa vụ gieo trồng, đồng thời các doanh nghiệp đẩy mạnh mua hàng nhằm bảo đảm nguồn cung trước nguy cơ gián đoạn xuất khẩu từ khu vực Trung Đông. Tại châu Âu, nhu cầu mua urê phục hồi nhờ chính sách hỗ trợ phân bón của Pháp, trong khi nhiều nhà nhập khẩu tiếp tục bổ sung hàng để giảm thiểu rủi ro nguồn cung.

Tại Trung Quốc, nhu cầu tiêu thụ urê trong lĩnh vực nông nghiệp cải thiện nhẹ nhờ hoạt động dự trữ phục vụ sản xuất, song nhu cầu công nghiệp vẫn còn yếu. Mặc dù vậy, nhiều nông dân tại các thị trường lớn vẫn trì hoãn mua hàng trong giai đoạn đầu tháng do kỳ vọng giá giảm, trước khi hoạt động giao dịch dần phục hồi khi giá urê ổn định trở lại.

Nhu cầu phân kali cũng tăng theo yếu tố mùa vụ. Trung Quốc và Ấn Độ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ lớn nhất châu Á, trong khi Đông Nam Á ghi nhận nhu cầu gia tăng nhờ mở rộng diện tích cây cọ dầu và hoạt động bón phân trong mùa mưa. Tại khu vực châu Mỹ, Brazil tiếp tục là điểm sáng khi chuẩn bị cho vụ đậu tương 2026/27, tạo dư địa lớn cho hoạt động nhập khẩu và bổ sung tồn kho.

Đối với phân lân và phân bón hỗn hợp, nhu cầu vẫn tương đối thận trọng do giá nguyên liệu đầu vào ở mức cao và triển vọng giá nông sản chưa thực sự tích cực. Các doanh nghiệp chủ yếu mua theo nhu cầu thực tế với khối lượng nhỏ nhằm hạn chế rủi ro tồn kho, khiến hoạt động giao dịch trên thị trường chưa thực sự sôi động.

- ***Diễn biến giá:***

Giá phân bón thế giới diễn biến theo xu hướng tăng trở lại sau giai đoạn điều chỉnh, chủ yếu do nguồn cung từ Trung Đông tiếp tục đối mặt với rủi ro gián đoạn, trong khi nhu cầu nhập khẩu tại nhiều thị trường lớn được cải thiện. Giá urê là mặt hàng ghi nhận biến động mạnh nhất, còn các dòng phân bón khác diễn biến phân hóa tùy theo cung - cầu từng khu vực.

Đầu tháng 7, giá urê quốc tế bắt đầu phục hồi khi lo ngại về nguồn cung từ Trung Đông gia tăng. Xung đột tại khu vực này cùng những bất ổn trong hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz khiến thị trường lo ngại nguồn cung bị thắt chặt. Giá urê tại New Orleans (NOLA) tăng 6,2% trong tuần kết thúc ngày 10/7, ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong hơn ba tháng. Tại Trung Đông, giá urê hạt đục được giao dịch trong khoảng 395-435 USD/tấn FOB, trong khi urê Iran ở mức khoảng 350 USD/tấn FOB. Ở Bắc Phi, giá urê hạt đục tăng lên tới 535 USD/tấn FOB, cao hơn đáng kể so với giai đoạn đầu quý II.

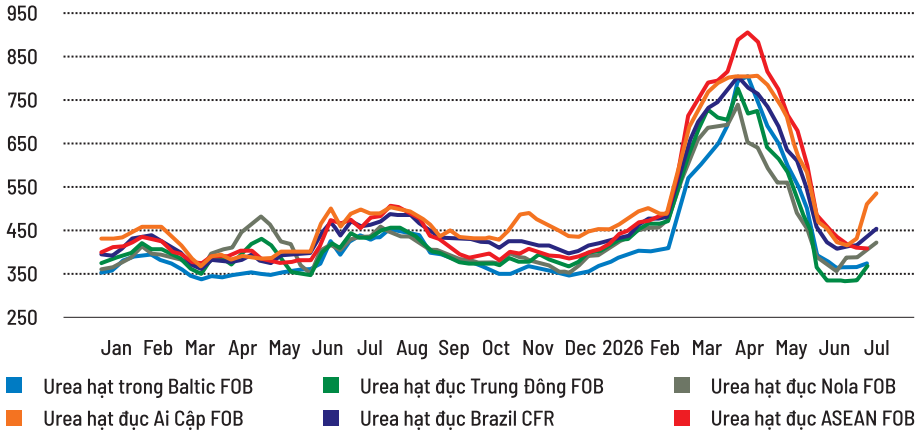
Đà tăng của giá urê tiếp tục được củng cố nhờ nhu cầu nhập khẩu tại nhiều thị trường lớn. Brazil chấp nhận mức giá 430-440 USD/tấn CFR, Argentina ghi nhận các giao dịch lên tới 465 USD/tấn CFR, trong khi nhu cầu nhập khẩu của Ấn Độ vẫn duy trì ở mức cao thông qua các gói thầu lớn. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc tiếp tục kiểm soát xuất khẩu khiến nguồn cung quốc tế chưa được cải thiện đáng kể, góp phần duy trì mặt bằng giá cao.

Tuy nhiên, thị trường có sự phân hóa theo khu vực. Tại Trung Quốc, giá urê nội địa tiếp tục suy yếu trong nửa đầu tháng 7. Theo SunSirs, giá urê bình quân tại Sơn Đông giảm từ 1.801 NDT/tấn xuống 1.770 NDT/tấn trong giai đoạn 10-16/7, tương đương giảm 1,73%, do nguồn cung trong nước dồi dào, công suất vận hành của các nhà máy ở mức cao và áp lực tồn kho lớn, mặc dù nhu cầu nông nghiệp có cải thiện nhẹ.

Đối với các nhóm phân bón khác, giá kali và DAP nhìn chung duy trì ở mức cao. Giá kali tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu mùa vụ tại châu Á và châu Mỹ, trong khi chi phí logistics gia tăng tại Nga và Belarus làm tăng chi phí xuất khẩu. Thị trường DAP vẫn chịu tác động từ giá lưu huỳnh và axit sulfuric ở mức cao, trong khi nhu cầu cuối cùng chưa phục hồi mạnh.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN BÓN URÊ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN HẾT THÁNG 07/2026

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgroMonitor (Viettraders)

3.1.2. Thị trường trong nước

- ***Cung phân bón:***

Trong tháng 7/2026, nguồn cung phân bón trong nước diễn biến theo hai giai đoạn. Đầu tháng, thị trường vẫn chịu tác động từ việc nguồn cung phân bón toàn cầu bị thắt chặt do căng thẳng tại Trung Đông làm gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz, trong khi nhiều nhà máy tại khu vực Vùng Vịnh giảm công suất và Nga, Trung Quốc tiếp tục duy trì các biện pháp hạn chế xuất khẩu, khiến nguồn cung quốc tế thu hẹp.

Tuy nhiên, từ giữa tháng, khi căng thẳng địa chính trị dần hạ nhiệt, nguồn cung phân bón và nguyên liệu nhập khẩu từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất trong nước. Trong bối cảnh nhu cầu nội địa bước vào giai đoạn thấp điểm, nhiều doanh nghiệp ưu tiên đẩy mạnh xuất khẩu để tận dụng mặt bằng giá quốc tế cao. Sáu tháng đầu năm 2026, xuất khẩu phân bón của Việt Nam đạt 933 triệu USD, tăng 107% về giá trị và 52% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước. Xu hướng này tiếp tục được duy trì trong tháng 7 khi các doanh nghiệp sản xuất urê và NPK gia tăng xuất khẩu sang các thị trường có nhu cầu lớn.

- ***Cầu phân bón:***

Nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước duy trì ở mức trung bình và có sự phân hóa giữa các khu vực. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, nhu cầu phân urê tiếp tục tăng theo giai đoạn chăm sóc lúa Hè Thu và chuẩn bị xuống giống vụ Thu Đông 2026. Tuy nhiên, sức mua thực tế chưa tăng mạnh do giá nông sản, đặc biệt là giá lúa, duy trì ở mức thấp khoảng 5.800-6.200 đồng/kg, làm giảm lợi nhuận của nông dân và khiến nhiều hộ sản xuất thận trọng hơn trong việc đầu tư vật tư nông nghiệp.

Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu phân bón trên thị trường quốc tế tiếp tục gia tăng, tạo điều kiện để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng xuất khẩu. Việc nhu

cầu trong nước chưa phục hồi mạnh trong giai đoạn thấp điểm tiêu thụ cũng khiến nhiều doanh nghiệp ưu tiên phân bổ sản lượng cho thị trường xuất khẩu nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh.

- ***Diễn biến giá:***

Giá phân bón trong nước trong tháng 7 diễn biến theo xu hướng giảm so với giai đoạn đỉnh tháng 4-5 nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn đầu năm. Việc nguồn cung thế giới từng bước cải thiện, nhiều quốc gia nối lại hoạt động xuất khẩu và chi phí nguyên liệu đầu vào giảm đã góp phần kéo giá phân bón trong nước hạ nhiệt trong những tuần đầu tháng.

Ngày 2/7, tại Đồng bằng sông Cửu Long, giá Urê Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau và urê nhập khẩu Trung Quốc dao động khoảng 660.000-750.000 đồng/bao 50 kg, giảm đáng kể so với mức 970.000-1.000.000 đồng/bao ghi nhận vào đầu tháng 5. So với tháng 3/2026, giá urê cũng giảm khoảng 3.000 đồng/kg, trong đó Urê Cà Mau còn khoảng 14.200 đồng/kg, Urê Phú Mỹ khoảng 13.800 đồng/kg, nhưng vẫn cao hơn khoảng 3.000 đồng/kg so với thời điểm trước khi căng thẳng Trung Đông bùng phát.

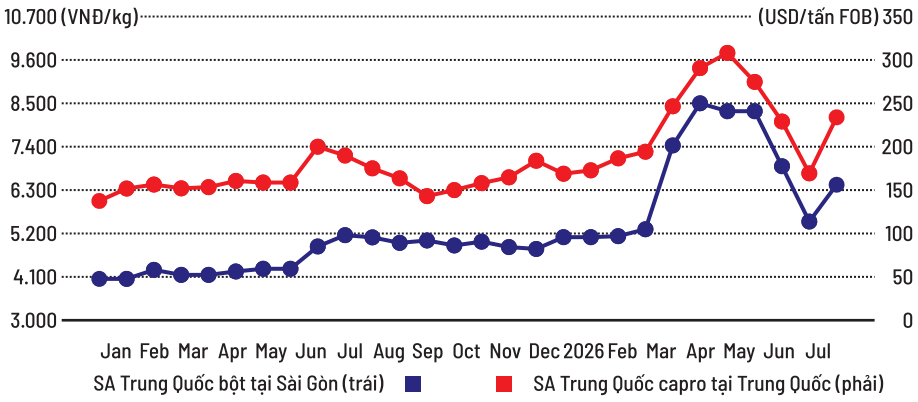
Bên cạnh urê, giá các loại DAP, Kali và NPK cũng giảm khoảng 20.000-300.000 đồng/bao 50 kg so với giai đoạn tăng nóng trong tháng 4-5. Tuy nhiên, mặt bằng giá hiện nay vẫn cao hơn đầu năm, với urê cao hơn khoảng 60.000-110.000 đồng/bao, còn DAP, Kali và NPK cao hơn khoảng 20.000-110.000 đồng/bao.

Về cuối tháng, giá phân bón thế giới tiếp tục duy trì ở mức cao đã hỗ trợ mặt bằng giá trong nước, đặc biệt đối với các mặt hàng urê, DAP và NPK tại khu vực phía Nam. Điều này giúp nhiều doanh nghiệp sản xuất phân bón như PVCFC (Đạm Cà Mau), PVFCCo (Đạm Phú Mỹ), Đạm Hà Bắc và SFG cải thiện biên lợi nhuận và kết quả kinh doanh, đồng thời tạo động lực để tiếp tục mở rộng hoạt động xuất khẩu trong bối cảnh nhu cầu nội địa chưa thực sự bứt phá.

Cuối tháng 7, do nguồn hàng giao ngay giảm, trong bối cảnh thông tin kiểm tra CIQ từ Trung Quốc chưa rõ ràng, chào giá SA tại Việt Nam tiếp tục xu hướng tăng.

GIÁ SA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM VÀ GIÁ CHÀO TẠI TRUNG QUỐC

Đơn vị tính: VND/kg



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong thời gian tới, thị trường phân bón toàn cầu được dự báo tiếp tục chịu tác động đồng thời từ các yếu tố địa chính trị, chính sách thương mại và nhu cầu mùa vụ tại các thị trường tiêu thụ lớn. Mặc dù nguồn cung được kỳ vọng cải thiện khi hoạt động xuất khẩu tại Trung Đông và Trung Quốc dần ổn định, mặt bằng giá phân bón nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức cao do chi phí logistics, chính sách kiểm soát xuất khẩu và nhu cầu nhập khẩu của các quốc gia nông nghiệp lớn.

Đối với phân đạm, giá urê được dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao trong ngắn hạn. Theo KBSV, nguồn cung urê giá rẻ khó có thể quay trở lại khi căng thẳng tại Trung Đông vẫn tiềm ẩn nguy cơ làm gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz. Bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục áp dụng cơ chế kiểm soát xuất khẩu và duy trì mức giá sàn cao đối với urê xuất khẩu, góp phần giữ mặt bằng giá quốc tế ở mức cao. DTN cũng nhận định giá phân bón thế giới vẫn duy trì ở vùng cao, mặc dù giá bán lẻ tại Mỹ có xu hướng giảm nhẹ theo tháng.

Về cung cầu, nhu cầu nhập khẩu được dự báo tiếp tục duy trì mạnh tại các thị trường lớn như Ấn Độ, Brazil và châu Âu. Ấn Độ bước vào cao điểm tiêu thụ phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong khi Brazil tiếp tục gia tăng nhập khẩu để chuẩn bị cho vụ gieo trồng đậu tương. Tại châu Âu, nhu cầu dự kiến tăng khi nhiều quốc gia tích cực bổ sung nguồn cung nhằm đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh giá khí tự nhiên và chi phí sản xuất phân bón vẫn ở mức cao.

Theo Argus, nhu cầu kali toàn cầu năm 2026 được dự báo đạt khoảng 75,8 triệu tấn, trong đó châu Á tiếp tục là khu vực tiêu thụ lớn nhất với khoảng 33,6 triệu tấn, tương đương 44% tổng nhu cầu toàn cầu. Trung Quốc và Ấn Độ tiếp tục đóng vai trò là các thị trường ổn định, trong khi Đông Nam Á được kỳ vọng trở thành khu vực tăng trưởng nhanh nhờ mở rộng diện tích cây công nghiệp và nhu cầu nâng cao năng suất cây trồng. Tại châu Mỹ, Brazil vẫn là động lực tăng trưởng chính khi nhu cầu kali dự kiến đạt khoảng 14,3 triệu tấn, phục vụ mở rộng diện tích gieo trồng đậu tương.

Đối với phân lân, thị trường được dự báo tiếp tục chịu áp lực từ giá nguyên liệu đầu vào ở mức cao. Giá lưu huỳnh và axit sulfuric duy trì cao khiến chi phí sản xuất DAP và MAP khó giảm trong ngắn hạn, trong khi nguồn cung vẫn chịu ảnh hưởng bởi việc một số nhà máy cắt giảm công suất hoặc bảo trì.

Tại Trung Quốc, việc áp dụng quy định kiểm tra bắt buộc đối với xuất khẩu amoni sunfat từ giữa tháng 7 được dự báo sẽ làm giảm tốc độ xuất khẩu trong ngắn hạn và thúc đẩy ngành chuyển sang cạnh tranh bằng chất lượng thay vì giá thấp. Trong khi đó, Hoa Kỳ tiếp tục triển khai chương trình đầu tư 500 triệu USD nhằm mở rộng năng lực sản xuất phân bón trong nước, góp phần tăng cường an ninh chuỗi cung ứng và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu trong trung và dài hạn.

3.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón trong nước được dự báo sẽ tiếp tục ổn định trong những tháng tới khi nguồn cung nguyên liệu và phân bón nhập khẩu được cải thiện nhờ hoạt động xuất khẩu từ các thị trường lớn dần trở lại bình thường. Điều này tạo điều kiện để các doanh nghiệp duy trì nguồn hàng, đồng thời giảm áp lực thiếu hụt nguồn cung từng xuất hiện trong giai đoạn căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.

Về nhu cầu, tiêu thụ phân bón được kỳ vọng sẽ phục hồi khi bước vào các vụ sản xuất mới, đặc biệt tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Tuy nhiên, mức tăng của sức mua vẫn phụ thuộc đáng kể vào diễn biến giá nông sản và khả năng cải thiện thu nhập của nông dân. Trong trường hợp giá lúa và các mặt hàng nông sản tiếp tục ở mức thấp, nhu cầu mua phân bón có thể phục hồi chậm hơn kỳ vọng.

Ở kênh xuất khẩu, triển vọng vẫn được đánh giá tích cực nếu nguồn cung phân bón toàn cầu chưa được cải thiện hoàn toàn. Nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường như Campuchia, Hàn Quốc, Philippines và Malaysia được kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam, góp phần bù đắp giai đoạn tiêu thụ nội địa còn trầm lắng.

Về giá cả, giá phân bón trong nước được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng hạ nhiệt khi nguồn cung dồi dào hơn, chi phí nguyên liệu đầu vào và chi phí sản xuất giảm, đồng thời lượng hàng tồn kho giá cao tại các đại lý dần được thay thế bằng các lô hàng mới có giá vốn thấp hơn. Tuy nhiên, mặt bằng giá được đánh giá khó quay trở lại mức thấp như đầu năm 2026 nếu nhu cầu phục hồi mạnh hoặc giá năng lượng và các yếu tố đầu vào tăng trở lại.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất phân bón, mặt bằng giá hiện nay vẫn được kỳ vọng duy trì ở mức có lợi cho hoạt động kinh doanh. Giá phân bón cao hơn cùng kỳ giúp hỗ trợ doanh thu, lợi nhuận và hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành, mặc dù chi phí khí đầu vào vẫn ở mức cao do chịu ảnh hưởng từ diễn biến giá năng lượng thế giới. Nhờ đó, triển vọng kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất urê và NPK trong nước vẫn được đánh giá tích cực trong các tháng cuối năm 2026.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Về cấu trúc nguồn cung, tháng 7/2026 chứng kiến một cột mốc lịch sử khi năng lượng tái tạo, bao gồm thủy điện, điện gió, điện mặt trời và các nguồn tái tạo khác, đã vượt than về sản lượng điện toàn cầu. Điển hình như tại thị trường Ấn Độ, công suất nguồn năng lượng tái tạo biến đổi thực tế đưa vào vận hành hệ thống đã vượt mốc 100 GW. Ngược lại, sản lượng điện chạy bằng khí đốt tự nhiên với mức tăng trưởng gần như bằng 0%. Nguyên nhân trực tiếp là do cuộc khủng hoảng địa chính trị tại eo biển Hormuz thuộc Trung Đông làm gián đoạn nghiêm trọng các chuyến tàu chở khí hóa lỏng LNG. Điều này buộc các quốc gia nhạy cảm về giá như Pakistan hay Bangladesh phải chủ động cắt giảm điện năng hoặc chuyển sang sử dụng nhiên liệu than và dầu để thay thế khí.

Cú sốc nguồn cung khí đốt kể trên đã trực tiếp đẩy chi phí phát điện và giá điện bán buôn quốc tế phân hóa sâu sắc theo từng khu vực thị trường. Trong quý II/2026, giá điện giao ngay bình quân tại EU và Nhật Bản tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm trước do tác động của giá khí và LNG cao. Ngược lại, giá điện bán buôn bình quân tại Mỹ ít chịu tác động hơn nhờ nguồn khí nội địa.

Đáng chú ý, thị trường điện quốc tế trong tháng 7/2026 cũng ghi nhận hàng loạt giờ vận hành có giá điện bán buôn rơi xuống dưới mức 0 USD tại các vùng có tỷ trọng năng lượng tái tạo cao như Tây Texas, Nam California của Mỹ, Tây Úc hay Tây Ban Nha. Hiện tượng giá điện âm này xảy ra vào các khung giờ cao điểm nắng gió do hệ thống lưới điện truyền tải bị quá tải cục bộ và thiếu tính linh hoạt. Đồng thời, các thiết bị lưu trữ năng lượng như hệ thống pin lưu trữ chưa đáp ứng kịp công suất phát thừa quá lớn của các nhà máy, buộc các nhà phát triển điện phải trả thêm tiền cho hệ thống để tiêu thụ bớt sản lượng.

4.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện trong nước tiếp tục chịu tác động từ nhu cầu tiêu thụ điện gia tăng và quá trình hoàn thiện khung chính sách phát triển ngành điện nhằm bảo đảm an ninh năng lượng.

Ngày 8/7, Bộ Công Thương phổ biến Nghị định số 272/2026/NĐ-CP, đồng thời Chính phủ ban hành và triển khai nghị định này nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, tháo gỡ các vướng mắc trong triển khai dự án nguồn điện, lưới điện và điện gió ngoài khơi. Nghị định bổ sung các cơ chế về quy hoạch điện, lựa chọn nhà đầu tư và phát triển điện gió ngoài khơi, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án năng lượng và tăng cường năng lực cung ứng điện trong nước.

Cùng với đó, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh tiếp tục ưu tiên phát triển điện tái tạo gắn với hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), cơ chế mua bán điện trực tiếp

(DPPA) và đầu tư lưới truyền tải. Trong cơ cấu nguồn điện, điện khí LNG được xác định là nguồn điện nền, trong khi nhiệt điện than vẫn giữ vai trò bảo đảm an ninh năng lượng.

Nhu cầu điện tiếp tục gia tăng theo mục tiêu phát triển kinh tế, tạo yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn và lưới điện nhằm bảo đảm an ninh năng lượng. Sản lượng điện 6 tháng đầu năm tăng 10% so với cùng kỳ, riêng quý II tăng trên 12% do nắng nóng. Nhu cầu điện được thúc đẩy bởi sự phục hồi của sản xuất công nghiệp, dòng vốn FDI, quá trình đô thị hóa, sự phát triển của các trung tâm dữ liệu (Data Center), trí tuệ nhân tạo (AI) và quá trình điện khí hóa nền kinh tế.

Về cơ chế điều hành giá, Chính phủ ban hành Nghị định số 278/2026/NĐ-CP sửa đổi cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân. Theo quy định mới, EVN được chủ động điều chỉnh giá khi mức giảm từ 1% trở lên hoặc mức tăng từ 2% đến dưới 5% sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương; trường hợp biến động nhỏ hơn thì không điều chỉnh.

Giá điện bán lẻ không có biến động đáng kể trong tháng 7. Tuy nhiên, giá trên thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) được duy trì ở mức cao nhờ nhu cầu tiêu thụ lớn và rủi ro thiếu hụt nguồn trong các thời điểm cao điểm.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo Báo cáo cập nhật thị trường điện giữa năm do Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) công bố ngày 23/7/2026, nhu cầu tiêu thụ điện toàn cầu được dự báo tăng 3,6% trong năm 2026 và tiếp tục tăng 3,8% trong năm 2027. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sự mở rộng của các trung tâm dữ liệu (Data Center), phổ cập xe điện, hệ thống bơm nhiệt và nhu cầu làm mát gia tăng do thời tiết cực đoan, bất chấp những biến động năng lượng ngắn hạn tại Trung Đông. Theo đó, tổng sản lượng điện tiêu thụ toàn cầu dự kiến đạt 30.700 TWh vào năm 2027.

Về khu vực, châu Á tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nhu cầu điện toàn cầu. Trong năm 2026, Ấn Độ được dự báo ghi nhận mức tăng nhu cầu điện khoảng 7%, trong khi Trung Quốc duy trì mức tăng 5,5%. Đối với các nền kinh tế phát triển, nhu cầu điện tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) được dự báo tăng ổn định, ở mức khoảng 2% mỗi khu vực. Ngược lại, chi phí LNG nhập khẩu ở mức cao do ảnh hưởng của căng thẳng địa chính trị được dự báo tiếp tục gây áp lực lên nhu cầu tiêu thụ điện tại các thị trường Nam Á nhạy cảm với giá như Pakistan và Bangladesh.

IEA dự báo tổng sản lượng điện từ các nguồn năng lượng tái tạo sẽ vượt điện than trong năm 2026 để trở thành nhóm nguồn phát điện lớn nhất thế giới. Trong đó, điện mặt trời tiếp tục tăng nhanh và được dự báo trở thành nguồn năng lượng tái tạo lớn thứ hai sau thủy điện. Trong trường hợp El Niño quay trở lại và diễn biến mạnh, nhu cầu điện cho làm mát có thể tăng, đồng thời sản lượng thủy điện và một số nguồn tái tạo có thể giảm tại một số khu vực, qua đó làm tăng nhu cầu huy động

nhiệt điện than và khí. Tỷ trọng kết hợp của điện mặt trời và điện gió trong cơ cấu phát điện toàn cầu được kỳ vọng tăng từ 17% của năm trước lên 21% vào năm 2027.

Về giá điện, Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA) dự báo giá điện bán buôn bình quân tại Mỹ sẽ duy trì quanh mức 45 USD/MWh, nhờ giá khí tự nhiên Henry Hub ổn định khoảng 3,60 USD/MMBtu. Trong khi đó, giá điện bán buôn tại châu Âu và châu Á được dự báo có thể tăng từ 3% đến 5% do áp lực bổ sung dự trữ LNG cho mùa đông và sự phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết. Đồng thời, tỷ trọng ngày càng cao của các nguồn năng lượng tái tạo biến đổi cũng làm gia tăng khả năng xuất hiện các khung giờ có giá điện bán buôn xuống mức âm tại một số thị trường.

4.2.2. Thị trường trong nước

Bộ Công Thương kỳ vọng Nghị định số 272/2026/NĐ-CP sẽ rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, thúc đẩy triển khai các dự án năng lượng trọng điểm, sớm lựa chọn nhà đầu tư cho các dự án điện gió ngoài khơi đầu tiên và nâng cao năng lực cung ứng điện trong giai đoạn tới. Đồng thời, nghị định được kỳ vọng sẽ tạo động lực thúc đẩy đầu tư, phát triển bền vững ngành năng lượng và tăng cường an ninh cung ứng điện trong những năm tới.

Theo định hướng của Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, nguồn điện sẽ tiếp tục được mở rộng thông qua các dự án điện khí LNG, năng lượng tái tạo và lưới truyền tải. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nguồn điện được dự báo vẫn thấp hơn tăng trưởng nhu cầu khoảng 1-2 điểm %, làm gia tăng nguy cơ thiếu công suất trong các giai đoạn thủy văn bất lợi. Quy hoạch cũng đặt mục tiêu điện thương phẩm tăng bình quân 10-12%/năm trong giai đoạn 2026-2030, tạo nền tảng cho nhu cầu điện tiếp tục tăng mạnh trong dài hạn.

Bộ Công Thương nhận định việc đẩy nhanh phát triển các dự án năng lượng không chỉ đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng của nền kinh tế mà còn tạo nền tảng cho xuất khẩu điện xanh và phát triển hydrogen xanh trong tương lai.

Về giá điện, giá trên thị trường điện cạnh tranh được dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao khi tốc độ tăng của nhu cầu điện vượt tốc độ bổ sung nguồn cung, đặc biệt trong trường hợp hiện tượng El Niño xuất hiện hoặc giá nhiên liệu đầu vào gia tăng, làm tăng chi phí phát điện và áp lực lên thị trường điện.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Để chủ động ứng phó với bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động từ biến động địa chính trị, giá năng lượng và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời tận dụng các cơ hội từ tăng trưởng kinh tế trong nước và quá trình chuyển dịch năng lượng, đề xuất một số khuyến nghị đối với Petrovietnam như sau:

- ***Thứ nhất,*** chủ động điều hành linh hoạt hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh theo diễn biến của thị trường dầu khí quốc tế thay vì xây dựng kế hoạch theo một kịch bản giá dầu cố định. Các tổ chức quốc tế đều nhận định triển vọng kinh tế và giá dầu trong nửa cuối năm 2026 phụ thuộc lớn vào diễn biến địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt là nguy cơ gián đoạn nguồn cung qua eo biển Hormuz. Petrovietnam cần thường xuyên cập nhật các kịch bản biến động của giá dầu, sản lượng OPEC+ và nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường lớn để điều chỉnh kế hoạch khai thác, tối ưu thời điểm bán hàng, tồn kho và nhập khẩu nguyên liệu, hạn chế tác động của các biến động ngắn hạn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- ***Thứ hai,*** tận dụng tận dụng triển vọng tăng nhu cầu LNG trong trung và dài hạn, dù nhu cầu ngắn hạn đang phân hóa mạnh giữa các thị trường do biến động giá để đẩy nhanh hoàn thiện chuỗi giá trị khí - điện - LNG. Trong bối cảnh nhiều tổ chức quốc tế dự báo LNG sẽ tiếp tục đóng vai trò nhiên liệu chuyển tiếp quan trọng trong quá trình chuyển dịch năng lượng, Petrovietnam cần ưu tiên đưa các dự án khí trọng điểm vào vận hành đúng tiến độ, mở rộng hạ tầng nhập khẩu và phân phối LNG, đồng thời tăng cường liên kết giữa các đơn vị trong chuỗi từ khai thác, vận chuyển, tồn trữ đến tiêu thụ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản và giảm phụ thuộc vào biến động của dầu thô.

- ***Thứ ba,*** chủ động nắm bắt cơ hội từ việc triển khai xăng sinh học E10 trên phạm vi toàn quốc để gia tăng thị phần bán lẻ và nâng cao giá trị hoạt động chế biến. Việc Chính phủ thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học không chỉ tạo thêm dư địa tiêu thụ xăng E10 mà còn mở ra cơ hội gia tăng sản lượng phối trộn và mở rộng hệ thống phân phối. Petrovietnam cần phối hợp với các đơn vị thành viên hoàn thiện hạ tầng phối trộn, logistics và hệ thống bán lẻ, đồng thời xây dựng kế hoạch truyền thông thống nhất nhằm nâng cao niềm tin của người tiêu dùng đối với nhiên liệu sinh học, qua đó tạo lợi thế cạnh tranh trong giai đoạn chuyển đổi năng lượng.

- ***Thứ tư,*** tăng cường năng lực dự báo thị trường và quản trị rủi ro tài chính trong bối cảnh các tổ chức quốc tế đều cảnh báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm và biến động giá năng lượng có thể diễn ra nhanh hơn trước. Bên cạnh việc theo dõi các yếu tố truyền thống như giá dầu, tỷ giá và lãi suất, Petrovietnam cần xây dựng hệ thống cảnh báo sớm đối với các rủi ro địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động nhu cầu tiêu thụ năng lượng tại các thị trường trọng điểm; đồng thời nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro về giá và tỷ giá phù hợp nhằm ổn định dòng tiền và hiệu quả kinh doanh.

- ***Thứ năm,*** đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong quản trị điều hành, dự báo thị trường và tối ưu hoạt động sản xuất. Trong bối cảnh AI đang trở thành động lực tăng trưởng mới của kinh tế toàn cầu nhưng cũng kéo theo nhiều thay đổi trong chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng, Petrovietnam cần ưu tiên đầu tư các nền tảng dữ liệu tập trung, mô hình dự báo nhu cầu và giá năng lượng, hệ thống bảo trì dự báo và tối ưu vận hành theo thời gian thực. Việc khai thác hiệu quả dữ liệu sẽ góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành, hỗ trợ ra quyết định nhanh và tăng khả năng thích ứng trước các biến động của thị trường.

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 07 NĂM 2026

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị	Tháng 07 năm 2026	7 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	**Tăng trưởng GDP**		**n/a**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2	**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)**		**n/a**	**-**	**101,2**	**114,5**	**111,4**	**-**
3	**Hoạt động của doanh nghiệp**							
3.1	Thành lập mới	DN	14.230	125.923	84,5	86,1	116,9	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	10.133	61.250	74,5	69,3	92,3	-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	26.314	155.300	-	-	107,6	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	*8.723*	*87.518*	*107,4*	*118,8*	*98,8*	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	*10.382*	*36.618*	*103,9*	*236,8*	*88,3*	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	*7.209*	*31.189*	*145,4*	*369,9*	*218,7*	-
4	**Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội**	**Nghìn tỷ**						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	98.588	445.456	-	-	118,4	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	3,41	38,06	-	210,0	158,0	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	15,20	-	-	111,8	-
5	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**	**Nghìn tỷ**	**669,1**	**4.555,8**	**100,9**	**114,5**	**113,1**	**-**
6	**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa**	**Tỷ USD**						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	53,08	319,53	104,5	125,0	121,7	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	56,67	340,05	106,1	141,4	134,8	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Nhập siêu 3,59	Nhập siêu 20,52	-	-	-	-
7	**Chỉ số giá**							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				99,88	104,45	104,39	103,08
7.2	Chỉ số giá vàng				96,98	119,15	151,86	94,34
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,18	100,38	101,55	100,01
7.4	Lạm phát cơ bản				100,33	104,63	104,19	-

A: Tháng 07/2026 so với tháng 06/2026

B: Tháng 07/2026 so với tháng 07/2025

C: Bình quân 7 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ

D: Tháng 07/2026 so với tháng 12/2025



Ảnh bìa: Trong tháng 7/2026, kinh tế toàn cầu duy trì đà phục hồi nhưng giá năng lượng ở mức cao.
Pexels / Shanti Kurniawati

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện